

BÀI 1. KHÁI QUÁT VỀ NHÀ Ở

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Nêu được vai trò của nhà ở.
- Nêu được đặc điểm chung của nhà ở.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò của nhà ở. Nhận biết được đặc điểm chung của

nhà ở.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên

quan đến khái quát về nhà ở, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 1.1.TC1a: Giải thích được nhu cầu tìm kiếm thông tin về đặc điểm các loại kiến trúc nhà ở đặc

trung của Việt Nam trên môi trường số.

- + 2.2.TC1a: Lựa chọn công nghệ số phù hợp (như email, nhóm lớp) để trao đổi thông tin, hình

ảnh về các khu vực chức năng trong ngôi nhà.

- + 3.1.TC1b: Thể hiện ý tưởng về ngôi nhà có các phòng chức năng phù hợp thông qua bài trình

chiếu hoặc sơ đồ tư duy đơn giản.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4, A5. Phiếu học tập. Đề kiểm tra. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới;
- b. Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- c. Sản phẩm: Báo cáo hoạt động nhóm.
- d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Cuộc sống con người sẽ khó khăn như thế nào nếu không có nhà ở?

GV yêu cầu HS quan sát và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn, trả lời câu hỏi trên.

Trả lời được

câu hỏi.

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, trả lời câu hỏi.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

GV vào bài mới: Nhà ở có vai trò quan trọng đối với đời sống con người.

Để biết được vai trò của nhà ở, đặc điểm chung của nhà ở thì chúng ta vào bài hôm nay.

HS định hình nhiệm vụ học tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu vai trò của nhà ở(12')

- a. Mục tiêu: Nêu được các vai trò của nhà ở đối với đời sống con người.
- b. Nội dung: Vai trò của nhà ở.
- c. Sản phẩm: Báo cáo hoạt động nhóm
- d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau 1. Vai trò của nhà ở

- Là công trình được xây dựng với mục đích để ở

- Bảo vệ con người trước những tác động xấu của thiên nhiên và xã hội.

- Phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của cá nhân hoặc hộ gia đình.

GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm tiến hành thảo luận nhóm và cho biết vì sao con người cần nhà ở. Thời gian là 10 phút.
HS nhận nhóm và nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn HS thực hiện quy trình tìm kiếm thông tin trên Internet bằng các từ khóa liên quan đến "kiến trúc nhà ở đặc trưng Việt Nam", "nhà sàn", "nhà nổi" để phục vụ việc thảo luận nhóm.

- GV hướng dẫn HS sử dụng các công cụ số (như nhóm Zalo lớp, Padlet hoặc Google Classroom) để chia sẻ và trao đổi các hình ảnh sưu tầm được về các khu vực chức năng trong ngôi nhà của gia đình mình.

Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và trả lời được câu hỏi.

GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.

Nội dung 2: Tìm hiểu đặc điểm chung của nhà ở(16')

a. Mục tiêu: Nêu được cấu tạo của ngôi nhà. Trình bày được cách bố trí không gian bên trong ngôi nhà.

b. Nội dung: Đặc điểm chung của nhà ở

c. Sản phẩm: Báo cáo nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu cấu tạo chung của ngôi nhà

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau II. Đặc điểm chung của nhà ở

1. Cấu tạo chung của

ngôi nhà

Nhà ở thường bao gồm các phần chính là móng nhà, sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ

Móng nhà

Cửa sổ

Sàn nhà

Khung nhà

Tường

Cửa ra vào Mái nhà

GV yêu cầu HS quan sát và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn, trả lời câu hỏi trên.

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và trả lời được câu hỏi.

GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét phần trình bày HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu cách bố trí không gian bên trong ngôi nhà

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau 2. Cách bố trí không gian bên trong

- Nhà ở thường
được phân chia
thành các khu vực
chức năng như khu
vực sinh hoạt
chung, khu vực
nghỉ ngơi, khu vực
thờ cúng, khu vực
nấu ăn, khu vực vệ
sinh,...

- Nhà ở còn mang
GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm tiến hành thảo luận
nhóm và Nhận biết được những khu vực chức năng nào trong ngôi
nhà?

Thời gian là 10 phút.

HS nhận nhóm và nhiệm vụ.

tính vùng miền, phụ
thuộc vào các yếu tố
vị trí địa lí, khí hậu,
kinh tế, văn hoá, xã
hội.

Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận
nhóm và trả lời được câu hỏi.

GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ
sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.

Hoạt động 3: Luyện tập(8')

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức về khái quát về nhà ở

b. Nội dung: Khái quát về nhà ở

c. Sản phẩm: Hoàn thành bài kiểm tra

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV phát phiếu kiểm tra cho từng học sinh. Thời gian làm bài là 4 phút.

- HS giải thích được vì sao việc tìm kiếm thông tin trên môi trường số giúp nhận diện nhanh chóng và chính xác các đặc điểm kiến trúc nhà ở vùng miền.

Hoàn thành

bài kiểm tra

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm bài kiểm tra.

Kết thúc kiểm tra giáo viên chiếu kết quả. Yêu cầu HS trao đổi bài cho nhau, chấm.

HS chiếu đáp án, chấm, nộp lại bài cho GV.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.

HS nhận xét bài của bạn.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.

GV khen bạn có kết quả tốt nhất.

HS nghe và ghi nhớ.

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

a.Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Khái quát về nhà ở

c. Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS về nhà nêu ý tưởng thiết kế ngôi nhà có chức năng phù hợp với các thành viên trong gia đình em. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.

- Bản thiết kế ý tưởng ngôi nhà được trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy số (sử dụng Canva, MindMeister) hoặc bài trình chiếu (PowerPoint/Google Slides) đơn giản.

Bản ghi trên

giấy A4.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà

Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.

GV khen bạn có kết quả tốt nhất.

HS nghe và ghi nhớ.

PHỤ LỤC 1. ĐỀ KIỂM TRA

Em hãy chọn câu trả lời đúng nhất

Câu 1: Vai trò của nhà ở đối với con người là

A. Là công trình được xây dựng với mục đích để ở, bảo vệ con người trước những tác động xấu

của thiên nhiên và xã hội, phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của cá nhân hoặc hộ gia đình.

B. Là công trình được xây dựng với mục đích không để ở, bảo vệ con người trước những tác

động xấu của thiên nhiên và xã hội, phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của cá nhân hoặc hộ gia đình.

C. Là công trình được xây dựng với mục đích để ở, bảo vệ con người trước những tác động xấu

của thiên nhiên và xã hội, không phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của cá nhân hoặc hộ gia đình.

A. Là công trình được xây dựng với mục đích để ở, bảo vệ con người trước những tác động xấu

của thiên nhiên, phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của cá nhân hoặc hộ gia đình.

Câu 2. Nhà ở bao gồm các phần chính sau

A.móng nhà, sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ.

B. sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ

C.móng nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ

D.móng nhà, sàn nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ

Câu 3. Nhà ở được phân chia thành các khu vực chức năng sinh hoạt như:

A. khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

B. khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ

sinh

C. khu vực sinh hoạt chung, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

D. khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

BÀI 1. KHÁI QUÁT VỀ NHÀ Ở(T2)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Nhận biết được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam.
- Sử dụng công nghệ: Phân biệt được các kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề

liên quan đến khái quát về nhà ở, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số

- + 1.1.TC1a: Giải thích được nhu cầu tìm kiếm thông tin về đặc điểm các loại kiến trúc nhà ở đặc

trung của Việt Nam trên môi trường số.

- + 2.2.TC1a: Lựa chọn công nghệ số phù hợp (như email, nhóm lớp) để trao đổi thông tin, hình

ảnh về các khu vực chức năng trong ngôi nhà.

- + 3.1.TC1b: Thể hiện ý tưởng về ngôi nhà có các phòng chức năng phù hợp thông qua bài trình

chiếu hoặc sơ đồ tư duy đơn giản.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4, A5. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới;
- b. Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- c. Sản phẩm: Báo cáo hoạt động nhóm.
- d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau Trả lời được câu hỏi.

Em hãy xác định tên gọi các kiểu kiến trúc nhà ở trên

GV yêu cầu HS quan sát và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn, trả lời câu hỏi trên.

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn HS cách sử dụng từ khóa tìm kiếm trên Internet để nhận diện thêm các biến thể kiến trúc nhà ở, qua đó giải thích nhu cầu tìm kiếm thông tin về đặc điểm kiến trúc đặc trưng vùng miền trên môi trường số.

Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, trả lời câu hỏi.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

GV vào bài mới: Để biết được kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam thì chúng ta tìm hiểu bài hôm nay.

HS định hình nhiệm vụ học tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: Tìm hiểu kiến trúc nhà ở nông thôn(9')

- a. Mục tiêu: Nhận biết được kiến trúc nhà ở vùng nông thôn
- b. Nội dung: Nhà ở vùng nông thôn
- c. Sản phẩm: Báo cáo nhóm
- d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau

? Nhà ở nông thôn có kiến trúc như thế nào

GV yêu cầu HS quan sát và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn, trả lời câu hỏi trên.

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

III. Kiến trúc nhà ở đặc

trung của Việt Nam

1. Nhà ở nông thôn truyền

thống

- Các khu vực chức năng trong nhà thường được xây dựng tách biệt.

- Tùy điều kiện của từng gia đình mà khu nhà chính có thể được xây dựng ba gian hai chái, hay năm gian hai chái.

- Các gian nhà được phân chia bằng hệ thống tường hoặc cột nhà.

Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, trả lời câu hỏi.

GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở.

Nội dung 2: Tìm hiểu kiến trúc nhà ở thành thị(10')

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số kiến trúc nhà ở thành thị

b. Nội dung: Nhà ở thành thị

c. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập. Hoàn thành nhiệm vụ cá nhân

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra PHT1 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút.

HS nhận nhiệm vụ.

- Trong phần tìm hiểu nhà ở thành thị, HS sử dụng các nền tảng số (như Padlet hoặc nhóm học tập trực tuyến) để chia sẻ hình ảnh, trao đổi thông tin về cách bố trí các khu vực chức năng trong căn hộ chung cư hoặc nhà mặt phố.

2. Nhà ở thành thị

a. Nhà mặt phố

- Nhà ở thường được thiết kế nhiều tầng.
- Nhà mặt phố được thiết kế để có thể vừa ở vừa kinh doanh

b. Nhà chung cư

- Nhà chung cư được xây dựng để phục vụ nhiều gia đình.
- Nhà được tổ chức thành không gian riêng dành cho từng gia đình được gọi là các căn hộ và không gian chung như khu để xe, khu mua bán, khu sinh hoạt cộng đồng,...

Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận PHT1 và hoàn thành phiếu.

GV yêu cầu HS trao đổi PHT1 cho nhau.

HS đổi phiếu cho nhau.

GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT1 của bạn.

HS chấm điểm PHT1 của bạn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.

HS nhận xét bài của bạn.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét phần trình bày HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.

Nội dung 3: Tìm hiểu kiến trúc nhà ở khu vực đặc thù(9')

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số kiến trúc nhà ở khu vực đặc thù

b. Nội dung: Nhà ở khu vực đặc thù

c. Sản phẩm: Báo cáo nhóm

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt

Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu nhà ở khu vực đặc thù

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau 2. Nhà ở các khu vực đặc thù

a. Nhà sàn

- Nhà sàn là kiểu nhà được dựng trên các cột phía trên mặt đất, phù hợp với các đặc điểm về địa hình, tập quán sinh hoạt của người dân. -

Nhà sàn được chia thành hai vùng không gian sử dụng:

+ phần sàn là khu vực sinh hoạt chung, để ở và nấu ăn
+ phần dưới sàn thường là khu vực chăn nuôi và nơi cất giữ công cụ lao động

b. Nhà nổi

- Nhà nổi là kiểu nhà được thiết kế có hệ thống phao dưới sàn giúp nhà có thể nổi trên mặt nước.

- Nhà có thể di động hoặc cố định

GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm tiến hành thảo luận nhóm và mô tả cấu trúc của nhà sàn và nhà nổi
Thời gian là 10 phút.

HS nhận nhóm và nhiệm vụ.
định

Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và trả lời được câu hỏi.

GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.

Hoạt động 3: Luyện tập(8')

a.Mục tiêu: Củng cố kiến thức về khái quát về nhà ở

b. Nội dung: Khái quát về nhà ở

c. Sản phẩm: Hoàn thành bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS Nội dung

cần đạt

Nhiệm vụ 1. Luyện tập về vật liệu làm nhà ở

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau Hoàn thành

bài tập

d d

GV yêu cầu HS trao đổi cặp bàn, hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút.

Bài tập: Hãy xác định các kiểu kiến trúc nhà ở trong hình a, b, c, d?

Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và trả lời được câu hỏi.

GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.

GV khen bạn có kết quả tốt nhất.

HS nghe và ghi nhớ.

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

a.Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Khái quát về nhà ở

c. Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS Nội dung

cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS về nhà xác định kiểu nhà em đang ở thuộc kiến trúc nào.

Mô tả đặc điểm kiến trúc đó. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.

- Sản phẩm thay thế: HS có thể lựa chọn thể hiện ý tưởng mô tả đặc điểm kiến trúc ngôi nhà đang ở thông qua một bài trình chiếu điện tử hoặc sơ đồ tư duy được thiết kế trên các công cụ số đơn giản.

Bản ghi trên

giấy A4.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà

Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.

GV khen bạn có kết quả tốt nhất.

HS nghe và ghi nhớ.

PHỤ LỤC 1.

Phiếu học tập 1.

Cho các hình ảnh sau

Nhà mặt phố Nhà chung cư

Em hãy hoàn thành bảng sau thể hiện kiến trúc nhà mặt phố và nhà chung cư

Kiến trúc nhà ở thành thị

Nhà mặt phố Nhà chung cư

BÀI 2. XÂY DỰNG NHÀ Ở(T1)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Kể được tên một số vật liệu phổ biến được sử dụng trong xây dựng nhà ở.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được tên một số vật liệu phổ biến được sử dụng trong xây dựng nhà ở.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được vật liệu trong xây dựng nhà ở.
- Thiết kế kỹ thuật: Thiết kế được ngôi nhà với các phòng chức năng phù hợp với các thành viên trong gia đình.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến xây dựng nhà ở, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

+ 6.3.TC1a: Giải thích được cách thức hoạt động của các hệ thống tự động, bán tự động trong ngôi nhà thông minh như hệ thống an ninh, chiếu sáng.

+ 5.2.TC1a: Chỉ ra được nhu cầu cá nhân về các tiện ích công nghệ số trong ngôi nhà để tiết kiệm năng lượng và đảm bảo an toàn.

+ 4.4.TC1a: Chỉ ra được những tác động tích cực của công nghệ số trong ngôi nhà thông minh đối với việc bảo vệ môi trường.

- Năng lực số:

+ 1.1.TC1b: Thực hiện quy trình tìm kiếm trên Internet để tìm dữ liệu về các loại vật liệu xây dựng mới và quy trình xây dựng nhà ở.

+ 5.2.TC1b: Chọn được các công cụ số để đề xuất và giải thích phương án sử dụng vật liệu xây dựng nhà sàn hoặc nhà nổi.

+ 2.1.TC1a: Thực hiện các tương tác thường xuyên trên các công cụ học tập số để thảo luận nhóm về các bước chính xây dựng nhà ở.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm

- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới;

b. Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Giải quyết được tình huống

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra tình huống:	Giải quyết được tình huống



Đây là một ngôi nhà đẹp. Điều gì tạo nên một ngôi nhà bền đẹp?
Nhà ở trên được xây dựng theo một quy trình như thế nào?
GV yêu cầu HS quan sát và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn, giải quyết tình huống trên.
HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, giải quyết tình huống trên.
GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.
Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.
GV chốt lại kiến thức.
GV vào bài mới: Để xác định được ngôi nhà trên sử dụng vật liệu nào thì chúng ta vào bài hôm nay.
HS định hình nhiệm vụ học tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu vật liệu làm nhà ở (28')

- Mục tiêu: Kể được tên một số vật liệu phổ biến được sử dụng trong xây dựng nhà ở.
- Nội dung: Vật liệu làm nhà ở
- Sản phẩm: Hoàn thành PHT
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu vật liệu để làm nhà ở	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra PHT1 và yêu cầu HS thảo luận nhóm, hoàn thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ. - GV hướng dẫn HS sử dụng trình duyệt web, nhập từ khóa để tìm kiếm thông tin về các loại vật liệu xây dựng mới (vật liệu	I. Vật liệu làm nhà ở - GỖ + Tính chất: Có khả năng chịu lực tốt, dễ tạo hình, tuổi thọ cao. + Ứng dụng: Làm khung nhà, mái nhà, sàn nhà, giá đỡ, nội thất, vật liệu cách

<p>xanh, vật liệu tái chế) và quy trình xây dựng nhà hiện đại.</p>	<p>nhiệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gạch + Tính chất: Có khả năng chịu lực và cách nhiệt tốt, tuổi thọ cao. + Ứng dụng: Làm tường nhà, xây cột trụ. - Đá + Tính chất: Có khả năng chịu lực cao và chống ẩm, tuổi thọ rất cao. + Ứng dụng: Làm tường nhà, xây cột trụ. - Thép + Tính chất: Chịu lực và chịu nhiệt tốt, không bị nứt, ít bị cong vênh. + Ứng dụng: Làm khung nhà, cột nhà. - Cát + Tính chất: Hạt nhỏ, cứng. + Ứng dụng: Kết hợp với xi măng, nước tạo ra vữa xây dựng. - Xi măng + Tính chất: Có khả năng kết dính, tạo độ dẻo. + Ứng dụng: Kết hợp với cát, nước, tạo ra vữa xây dựng. - Ngoài ra còn có các vật liệu khác như kính, thạch cao...
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS nhận nhóm và phân công nhiệm vụ, hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.</p>	
Nhiệm vụ 2. Định hướng nghề nghiệp cho HS	
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV chiếu một video về nghề kỹ sư xây dựng cho HS. GV yêu cầu HS xem và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi sau trong thời gian 2 phút: ? Kỹ sư xây dựng tốt nghiệp chuyên ngành gì? ? Công việc chính của người kỹ sư xây dựng là gì?</p>	<p>*Kỹ sư xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư xây dựng là người tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng tại trường đại học. - Công việc chính của người kỹ sư xây dựng là thiết kế, tổ chức thi công, kiểm tra, giám sát quá trình thi công các công trình xây dựng để đảm bảo đúng thiết kế.

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập (8')

- Mục tiêu: Củng cố kiến thức về xây dựng nhà ở*
- Nội dung: Xây dựng nhà ở*
- Sản phẩm: Báo cáo nhóm. Hoàn thành bài tập.*
- Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt	
Chuyển giao nhiệm vụ		
<p>GV yêu cầu HS làm bài tập sau:</p> <p>Bài tập: Hãy xác định một số loại vật liệu cơ bản được dùng để xây dựng các ngôi nhà a, b, c, d trên.</p> <p>HS nghe và ghi nhớ.</p> <hr/> <p>Hoạt động 4: Vận dụng(5')</p> <p>Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.</p> <p>Nội dung: Xây dựng nhà ở</p> <p>Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4.</p> <hr/>	Hoàn thành bài tập	
<p>- Phiếu học tập có nội dung phân tích về vai trò của công nghệ số trong việc giảm thiểu tiêu thụ năng lượng và bảo vệ môi trường (ví dụ: hệ thống tự động tắt điện khi không có người).</p> <p>- HS giải thích được nguyên lý hoạt động của các cảm biến và bộ điều khiển trong hệ thống chiếu sáng, an ninh tự động thông qua video mô phỏng.</p> <p>- HS sử dụng các nền tảng tương tác số (như Padlet, Zalo nhóm hoặc Google Classroom) để gửi sản phẩm sơ đồ khối và thảo luận, nhận xét bài làm của các nhóm khác về các bước xây dựng nhà ở.</p>		
Thực hiện nhiệm vụ		
<p>HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và trả lời được câu hỏi.</p> <p>GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.</p>		
Báo cáo, thảo luận		

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng (5')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Xây dựng nhà ở

c. Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Vật liệu được dùng trong xây dựng nhà ở theo thời gian đã thay đổi như thế nào? 2. Ở nơi em sống, những vật liệu chính được sử dụng để xây dựng nhà ở là gì? Hãy giải thích về việc sử dụng các vật liệu đó. Trả lời câu hỏi và ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - HS sử dụng các ứng dụng ghi chú hoặc công cụ bình chọn trực tuyến để liệt kê và xếp hạng các tiện ích thông minh ưu tiên lắp đặt cho ngôi nhà của mình nhằm mục đích an toàn và tiết kiệm. - HS sử dụng các công cụ số đơn giản (như phần mềm trình chiếu hoặc sơ đồ tư duy trực tuyến) để trình bày phương án lựa chọn vật liệu cho nhà sàn hoặc nhà nổi và giải thích lý do lựa chọn.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1. Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Vật liệu	Tính chất	Ứng dụng
Gỗ		
Gạch		
Đá		
Thép		
Cát		

Xi măng		
---------	--	--

BÀI 2. XÂY DỰNG NHÀ Ở(T2)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Mô tả một số bước chính trong xây dựng nhà ở.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số bước chính trong xây dựng nhà ở.
- Thiết kế kỹ thuật: Thiết kế được ngôi nhà với các phòng chức năng phù hợp với các thành viên trong gia đình.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến xây dựng nhà ở, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 1.1.TC1b: Thực hiện quy trình tìm kiếm trên Internet để tìm dữ liệu về các loại vật liệu xây dựng mới và quy trình xây dựng nhà ở.
- + 5.2.TC1b: Chọn được các công cụ số để đề xuất và giải thích phương án sử dụng vật liệu xây dựng nhà sàn hoặc nhà nổi.
- + 2.1.TC1a: Thực hiện các tương tác thường xuyên trên các công cụ học tập số để thảo luận nhóm về các bước chính xây dựng nhà ở.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới;
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm: Giải quyết được tình huống
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV đưa ra tình huống:</p>  <p>Đây là một ngôi nhà đẹp. Điều gì tạo nên một ngôi nhà bền đẹp? Nhà ở trên được xây dựng theo một quy trình như thế nào? GV yêu cầu HS quan sát và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn, giải quyết tình huống trên.</p> <p>HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>- HS sử dụng các công cụ tương tác trực tuyến (như Padlet hoặc Mentimeter) để phản hồi nhanh về các yếu tố tạo nên ngôi nhà bền đẹp và thảo luận nhóm về quy trình xây dựng.</p>	Giải quyết được tình huống
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, giải quyết tình huống trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV vào bài mới: Để xây dựng nhà ở cần tuân theo một quy trình nhất định. Vậy nhà ở được xây dựng theo quy trình như thế nào thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: Tìm hiểu bước thiết kế (10')

- Mục tiêu: Mô tả bước thiết kế trong xây dựng nhà ở.
- Nội dung: Thiết kế
- Sản phẩm: Sơ đồ khối các bước chính xây dựng nhà ở. Báo cáo nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

	cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu các bước chính để xây dựng một ngôi nhà	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chia lớp làm các nhóm, phát giấy A0 cho các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và vẽ sơ đồ khối mô tả các bước chính xây dựng nhà ở. Thời gian 3 phút. HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	II. Các bước chính xây dựng nhà ở Sơ đồ khối các bước chính xây dựng nhà ở
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, nhận giấy A0, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và vẽ sơ đồ khối mô tả các bước chính xây dựng nhà ở. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu bước thiết kế	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra tình huống sau: Cho bản thiết kế ngôi nhà như hình vẽ. 	1. Thiết kế - Thiết kế giúp hình dung được ngôi nhà sau khi xây dựng, đảm bảo các yếu tố kỹ thuật để ngôi nhà vững chắc. - Thiết kế sẽ giúp cung cấp thông tin để chuẩn bị vật liệu, kinh phí tương ứng.
<p>? Tại sao thiết kế là bước chuẩn bị quan trọng trước khi nhà ở được thi công GV yêu cầu HS trao đổi cặp bàn, thảo luận và giải quyết tình huống. Thời gian là 3 phút. HS nhận nhóm và nhiệm vụ.</p> <p>? Tại sao thiết kế là bước chuẩn bị quan trọng trước khi nhà ở được thi công? GV yêu cầu HS trao đổi cặp bàn, thảo luận và giải quyết tình huống. Thời gian là 3 phút. HS nhận nhóm và nhiệm vụ.</p> <p>- Bản đề xuất và giải thích phương án sử dụng vật liệu xây dựng nhà sàn hoặc nhà nổi thông qua các công cụ số (như sơ đồ tư duy hoặc trang trình chiếu).</p> <p>- HS thực hiện quy trình tìm kiếm trên Internet để</p>	

tìm dữ liệu về các loại vật liệu xây dựng mới và quy trình xây dựng nhà ở hiện đại nhằm bổ sung cho sơ đồ khối.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và trả lời được câu hỏi. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Nội dung 2: Tìm hiểu các bước thi công thô xây dựng nhà ở (9')

- a. Mục tiêu: Mô tả bước thi công thô trong xây dựng nhà ở.
b. Nội dung: Thi công thô
c. Sản phẩm: Bản ghi giấy A5.
d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu 1 video về quá trình thi công thô của ngôi nhà. Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút kể tên các công việc chính của thi công thô và nêu vai trò của thi công thô.	2. Thi công thô - Các công việc chính của bước thi công thô gồm: làm móng nhà, làm khung tường, xây tường, cán nền, làm mái, lắp khung cửa, làm hệ thống đường ống nước, đường điện. - Vai trò: giúp các bước hoàn thiện sau này được tiện lợi và tiết kiệm chi phí.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS xem video. HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 4 phút. GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Nội dung 3: Tìm hiểu bước hoàn thiện trong xây dựng nhà ở (9')

- a. Mục tiêu: Mô tả bước hoàn thiện trong xây dựng nhà ở.
b. Nội dung: Hoàn thiện

c. Sản phẩm: Báo cáo nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

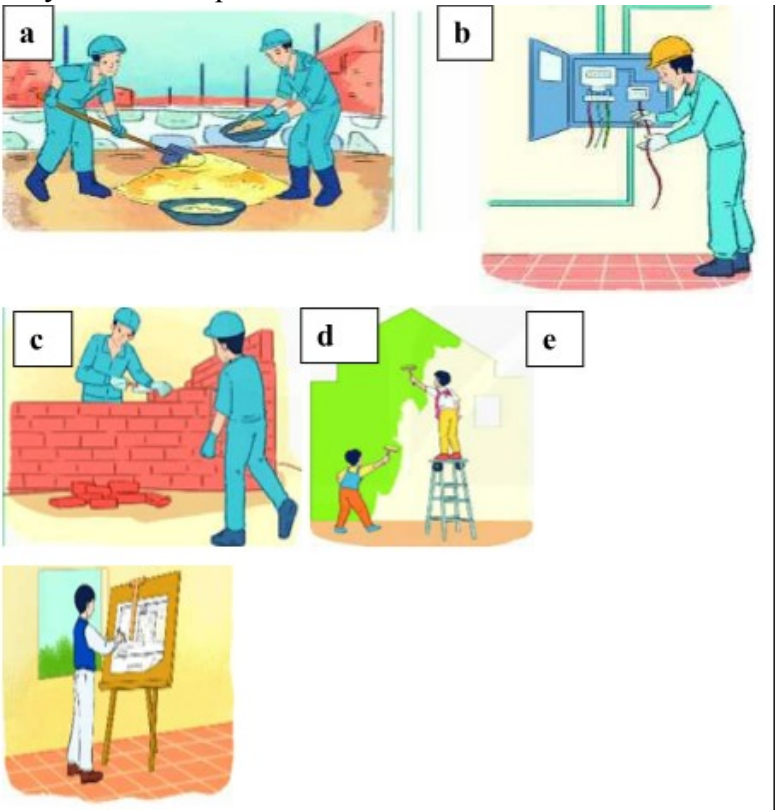
Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;">   </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;">   </div>  <p>GV chia lớp làm các nhóm, phát giấy A4 cho các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và ghi vào giấy A4 mô tả công việc đang thực hiện mỗi hình và sau đó sắp xếp các hình theo thứ tự các bước chính của công việc hoàn thiện nhà ở. Thời gian 3 phút.</p> <p>HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	<p>II. Các bước chính xây dựng nhà ở</p> <p>3. Hoàn thiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện là công đoạn góp phần tạo nên không gian sống với đầy đủ công năng sử dụng và tính thẩm mỹ của ngôi nhà. - Các công việc chính của bước hoàn thiện gồm: trát và sơn tường, lát nền, lắp đặt các thiết bị điện, nước và nội thất.
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS nhận nhóm, nhận giấy A0, A4, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và ghi vào giấy A4 mô tả công việc đang thực hiện mỗi hình và sau đó sắp xếp các hình theo thứ tự các bước chính của công việc hoàn thiện nhà ở.</p> <p>GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	

Kết luận và nhận định

GV nhận xét phần trình bày HS.
GV chốt lại kiến thức.
HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.

Hoạt động 3: Luyện tập (8')

- a. Mục tiêu: *Củng cố kiến thức về xây dựng nhà ở*
b. Nội dung: *Xây dựng nhà ở*
c. Sản phẩm: *Báo cáo nhóm. Hoàn thành bài tập.*
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau:</p>  <p>HS sắp xếp các công việc theo đúng trình tự các bước chính xây dựng nhà ở và báo cáo kết quả.</p> <p>- HS thực hiện các tương tác thường xuyên trên các công cụ học tập số (như Quizizz hoặc Azota) để thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập củng cố về các bước chính xây dựng nhà ở.</p>	<p>Báo cáo nhóm.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.</p>	

GV chốt lại kiến thức.
HS nghe và ghi nhớ.

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

- a. *Mục tiêu:* Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
b. *Nội dung:* Xây dựng nhà ở
c. *Sản phẩm:* Bản ghi trên giấy A4.
d. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Mô tả các bước chính trong xây dựng nhà ở gia đình em. Trả lời câu hỏi và ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

BÀI 3. NGÔI NHÀ THÔNG MINH(T1)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Mô tả được những đặc điểm cơ bản của ngôi nhà thông minh.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của ngôi nhà thông minh.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến ngôi nhà, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

- Năng lực số:

- + 6.3.TC1a: Giải thích được cách thức hoạt động của các hệ thống tự động, bán tự động trong ngôi nhà thông minh như hệ thống an ninh, chiếu sáng.
- + 5.2.TC1a: Chỉ ra được nhu cầu cá nhân về các tiện ích công nghệ số trong ngôi nhà để tiết kiệm năng lượng và đảm bảo an toàn.

+ 4.4.TC1a: Chỉ ra được những tác động tích cực của công nghệ số trong ngôi nhà thông minh đối với việc bảo vệ môi trường.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm.
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới;
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm: Giải quyết được tình huống
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra tình huống: 	Giải quyết được tình huống
Đây là một ngôi nhà thông minh. Công nghệ đã mang lại sự tiện nghi cho ngôi nhà như thế nào? GV yêu cầu HS quan sát và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn, giải quyết tình huống trên. HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, giải quyết tình huống trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ	

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>sung.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>GV vào bài mới: Công nghệ mang lại rất nhiều tiện nghi cho ngôi nhà. Một ngôi nhà thông minh là gì và có những đặc điểm nào? Để biết được điều đó thì chúng ta vào bài hôm nay.</p> <p>HS định hình nhiệm vụ học tập.</p>	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu về ngôi nhà thông minh(10')

- Mục tiêu: Mô tả được những đặc điểm cơ bản của ngôi nhà thông minh.
- Nội dung: Ngôi nhà thông minh
- Sản phẩm: Hoàn thành PHT
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu khái niệm về ngôi nhà thông minh	
<p>GV chiếu 1 video về ngôi nhà thông minh.</p> <p>Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5.</p> <p>GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút nêu khái niệm ngôi nhà thông minh.</p> <p>- Phiếu học tập hoặc sơ đồ tư duy mô tả được các tiện ích công nghệ số phù hợp với nhu cầu cá nhân nhằm mục đích tiết kiệm năng lượng và đảm bảo an toàn cho ngôi nhà.</p>	<p>I. Ngôi nhà thông minh</p> <p>1. Khái niệm ngôi nhà thông minh</p> <p>- Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được trang bị hệ thống điều khiển tự động hay bán tự động cho các thiết bị trong gia đình, nhờ đó giúp cuộc sống trở nên tiện nghi hơn, đảm bảo an ninh, an toàn và tiết kiệm năng lượng.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS xem video.</p> <p>HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 1 phút.</p> <p>GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau.</p> <p>HS đổi phiếu cho nhau.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>HS nhận xét bài làm của bạn.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu các nhóm hệ thống điều khiển tự động, bán tự động trong ngôi nhà thông minh	
<p>GV đưa ra PHT1 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút.</p>	<p>2. Các nhóm hệ thống điều khiển tự động, bán tự động trong ngôi</p>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
HS nhận nhiệm vụ. - HS quan sát video và thực hiện giải thích cách thức hoạt động của các hệ thống tự động, bán tự động (như cảm biến chuyển động cho đèn, camera an ninh thông minh) thông qua các câu hỏi tương tác trên bài trình chiếu.	nhà thông minh - Nhóm hệ thống an ninh, an toàn: điều khiển ca-mê-ra giám sát, khoá cửa, báo cháy,... - Nhóm hệ thống chiếu sáng: điều khiển thiết bị ánh sáng trong nhà, rèm cửa,... - Nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ: điều khiển điều hoà nhiệt độ, quạt điện,... - Nhóm hệ thống giải trí: điều khiển tivi, hệ thống âm thanh,... - Nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng: điều khiển tủ lạnh, máy giặt,...
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận PHT1 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT1 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT1 của bạn. HS chấm điểm PHT1 của bạn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Nội dung 2: Tìm hiểu đặc điểm của ngôi nhà thông minh(21')

- Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm của ngôi nhà thông minh.
- Nội dung: Đặc điểm của ngôi nhà thông minh
- Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập. Báo cáo nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chia học sinh làm 6 nhóm, đặt tên lần lượt nhóm chuyên gia số 1 đến số 6. Nhiệm vụ của các nhóm chuyên gia như sau: Nhóm chuyên gia số 1, 2: Tìm hiểu về đặc điểm tiện ích của ngôi nhà thông minh và trình bày ra giấy hai nội dung sau: 1. Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh được điều khiển nhờ thiết bị nào? 2. Các hệ thống, thiết bị thông minh trong ngôi nhà hoạt động dựa trên yếu tố nào?	II. Đặc điểm của ngôi nhà thông minh 1. Tiện ích - Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh có thể được điều khiển từ xa thông qua các ứng dụng được cài đặt trên điện thoại thông minh, máy tính bảng có kết nối in-tơ-nét. - Các hệ thống, thiết bị thông

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>Nhóm chuyên gia số 3, 4: Tìm hiểu đặc điểm an ninh, an toàn của ngôi nhà thông minh và trình bày ra giấy nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các thiết bị sẽ giúp ích như thế nào trong trường hợp mất an ninh, an toàn? 2. Hình thức cảnh báo để đảm bảo an ninh, an toàn là gì? <p>Nhóm chuyên gia số 5, 6: Tìm hiểu đặc điểm tiết kiệm năng lượng của ngôi nhà thông minh và trình bày ra giấy nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Việc thiết kế, lắp đặt các thiết bị có ý nghĩa như thế nào trong việc tiết kiệm năng lượng? <p>Thời gian hoàn thành nhiệm vụ của mỗi nhóm chuyên gia là 5 phút.</p> <p>GV chia nhóm 1,2 với nhóm 3,4 và nhóm 5,6. Nhiệm vụ thứ nhất của nhóm học tập: Từng thành viên trình bày nội dung đã tìm hiểu từ nhóm chuyên gia cho các thành viên khác. Thời gian thực hiện nhiệm vụ thứ nhất là 4 phút.</p> <p>Nhiệm vụ thứ 2: Hoàn thành PHT. Thời gian là 4 phút.</p>	<p>minh trong ngôi nhà có thể hoạt động dựa trên thói quen của người sử dụng.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. An ninh, an toàn <ul style="list-style-type: none"> - Các thiết bị được lắp đặt sẽ giúp cảnh báo tới chủ nhà các tình huống gây mất an ninh, an toàn như: có người lạ đột nhập, quên đóng cửa hay những nguy cơ cháy nổ có thể xảy ra. - Các hình thức cảnh báo có thể là đèn báo, chuông báo, tin nhắn hay cuộc gọi tự động tới chủ nhà. 3. Tiết kiệm năng lượng <ul style="list-style-type: none"> - Các thiết bị công nghệ sẽ điều khiển, giám sát việc sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng trong ngôi nhà, từ đó giúp tiết kiệm năng lượng. - Tận dụng các nguồn năng lượng tự nhiên như gió, ánh sáng, năng lượng mặt trời giúp ngôi nhà vừa tiết kiệm năng lượng vừa thân thiện với môi trường.
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS thành lập nhóm chuyên gia và thực hiện nhiệm vụ được giao theo nhóm.</p> <p>HS tìm hiểu nội dung và thảo luận trên giấy.</p> <p>HS chủ động ghi nhớ kiến thức đã được hình thành từ nhóm chuyên gia.</p> <p>HS hình thành nhóm học tập. Hoàn thành nhiệm vụ của nhóm học tập.</p> <p>GV yêu cầu các nhóm học tập trao đổi sản phẩm PHT cho nhau.</p> <p>GV cung cấp đáp án PHT cho các nhóm học tập để các nhóm học tập xác định số câu trả lời đúng.</p> <p>Các nhóm xác định câu trả lời đúng.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm nhận xét nhóm khác.	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.</p>	

Hoạt động 3: Luyện tập(8')

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức về ngôi nhà thông minh

b. Nội dung: Ngôi nhà thông minh

c. Sản phẩm: Báo cáo nhóm. Hoàn thành bài tập.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1: Lựa chọn hệ thống phù hợp trong ngôi nhà thông minh.		Hoàn thành bài tập
Mô tả	Hệ thống	
Ở một vài nơi trong nhà, đèn tự động bật lên khi trời tối, tắt đi khi trời sáng.	?	
Có màn hình cho biết hình ảnh của người khách đang đứng ở cửa ra vào.	?	
Đèn tự động bật lên và chuông tự động kêu khi có người lạ di chuyển trong nhà.	?	
Tivi tự động mở kênh truyền hình yêu thích.	?	
Người đi tới đâu, hệ thống đèn tương ứng tự động bật để chiếu sáng.	?	
Trước khi có người về, nhiệt độ trong phòng giảm xuống cho đủ mát.	?	
Thực hiện nhiệm vụ		
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và trả lời được câu hỏi. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.		
Báo cáo, thảo luận		
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.		
Kết luận và nhận định		
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.		

Hoạt động 4: Vận dụng(2')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

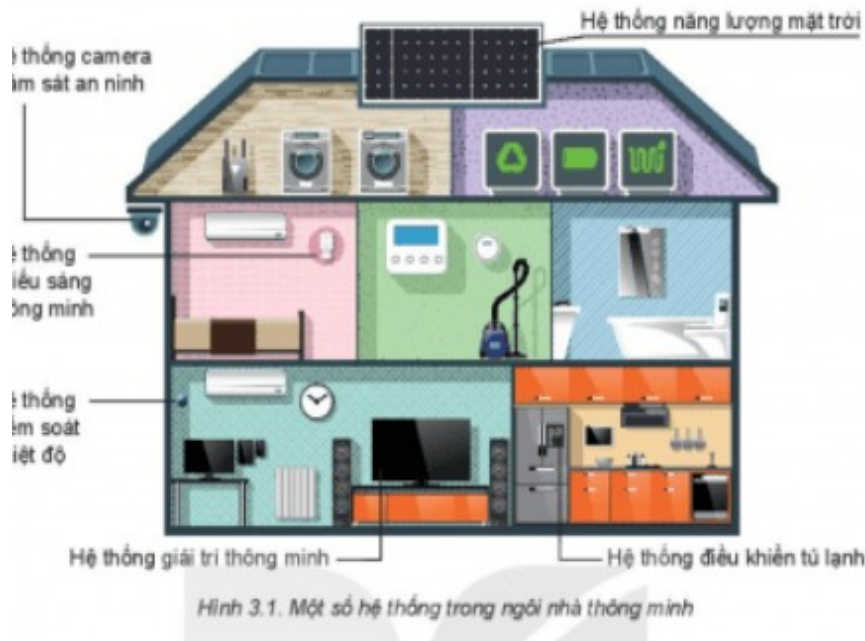
b. Nội dung: Ngôi nhà thông minh

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau: 1. Bạn Huy nói: "Nhà thông minh biết mình đang ở đâu trong ngôi nhà để bật và tắt điện như thế thật là tiết kiệm". Bạn Lan nói: "Nhà thông minh lắp đặt rất nhiều thiết bị điều khiển sử dụng năng lượng điện như vậy thật sự cũng không tiết kiệm". Hãy nêu nhận xét về các ý kiến trên. 2. Nếu được lắp đặt các hệ thống thông minh trong ngôi nhà của mình thì em sẽ lắp đặt những hệ thống gì? Hãy lí giải về sự lựa chọn của em. - GV hướng dẫn HS thảo luận để chỉ ra các tác động tích cực của công nghệ số (như hệ thống quản lý năng lượng thông minh, cảm biến ánh sáng tự nhiên) đối với việc bảo vệ môi trường trong phần vận dụng thực tế. HS nhận nhiệm vụ.	Trả lời được câu hỏi
Thực hiện nhiệm vụ	
HS tự suy nghĩ và trả lời câu hỏi.	
Báo cáo, thảo luận	
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1. Cho một số hệ thống trong ngôi nhà thông minh



Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Hệ thống trong ngôi nhà thông minh	
Hệ thống an ninh, an toàn	
Hệ thống chiếu sáng	
Hệ thống kiểm soát nhiệt độ	
Hệ thống giải trí	
Hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng	

PHỤ LỤC 2. PHIẾU HỌC TẬP 2(PHẦN II)

Câu 1. Em hãy điền từ thích hợp vào chỗ trống

- Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh được điều khiển.....
- Các hệ thống, thiết bị thông minh trong ngôi nhà có thể dựa trên.....

Câu 2. Trình bày đặc điểm an ninh, an toàn của ngôi nhà thông minh

.....

.....

Câu 3. Đặc điểm tiết kiệm của ngôi nhà thông minh được thể hiện như thế nào?

.....

.....

PHỤ LỤC 3. ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1. Em hãy chọn ý đúng nhất trong các câu sau

- Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh được điều khiển từ xa bởi các thiết bị như
 - Điện thoại thông minh, máy tính bảng có kết nối in-tơ-nét.
 - Điện thoại, máy tính bảng không có kết nối in-tơ-nét.
 - Điều khiển, máy tính không có kết nối in-tơ-nét.
 - Điện thoại đời cũ, máy tính bảng có kết nối in-tơ-nét.
- Hệ thống, thiết bị thông minh trong ngôi nhà có thể hoạt động dựa trên

- A. thói quen của con người.
 B. sở thích của con người.
 C. yêu quý của con người.
 D. quý mến của con người.
3. Các thiết bị lắp đặt giúp cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn như:
 A. Có người lạ đột nhập, quên đóng cửa.
 B. Quên đóng cửa, có nguy cơ cháy nổ xảy ra.
 C. Quên đóng cửa, có nguy cơ cháy nổ xảy ra, có người lạ đột nhập xảy ra.
 D. Có nguy cơ cháy nổ xảy ra, có người lạ đột nhập xảy ra.
4. Các hình thức cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn như
 A. Chuông báo, tin nhắn, đèn báo.
 B. Chuông báo, tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.
 C. Tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.
 D. Chuông báo, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.

Câu 2. Trình bày đặc điểm tiết kiệm năng lượng của ngôi nhà thông minh?

.....

.....

.....

.....

BÀI 3. NGÔI NHÀ THÔNG MINH(T2)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Nhận biết được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình.
- Sử dụng được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, có hiệu quả.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình.
- Sử dụng công nghệ: Sử dụng được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, có hiệu quả.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến ngôi nhà thông minh, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 6.3.TC1a: Giải thích được cách thức hoạt động của các hệ thống tự động, bán tự động trong ngôi nhà thông minh như hệ thống an ninh, chiếu sáng.

+ 5.2.TC1a: Chỉ ra được nhu cầu cá nhân về các tiện ích công nghệ số trong ngôi nhà để tiết kiệm năng lượng và đảm bảo an toàn.

+ 4.4.TC1a: Chỉ ra được những tác động tích cực của công nghệ số trong ngôi nhà thông minh đối với việc bảo vệ môi trường.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm.
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới;*
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học*
- Sản phẩm: Giải quyết được tình huống*
- Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra tình huống: 	Giải quyết được tình huống
Các thiết bị trên nếu sử dụng không tiết kiệm năng lượng và có hiệu quả thì gây ra những tác hại gì? Để hạn chế tác hại đó thì chúng ta cần phải làm gì? GV yêu cầu HS quan sát và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn, giải quyết tình huống trên. HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, giải quyết tình huống trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV vào bài mới: Để biết được có những biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình thì chúng ta vào bài ngày hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình(28')

- Mục tiêu: Nêu được khái niệm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình. Nhận biết được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình. Sử dụng được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, có hiệu quả.
- Nội dung: Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu khái niệm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và có hiệu quả trong gia đình	
GV chiếu 1 video về cách sử dụng năng lượng tiết kiệm và có hiệu quả trong gia đình. Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút nêu khái niệm sử dụng năng lượng tiết kiệm và có hiệu quả trong gia đình. - Phân tích những tác động tích cực của việc ứng dụng công nghệ số trong ngôi nhà thông minh (như giảm lãng phí điện, nước) đối với việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.	III. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình 1. Khái niệm sử dụng năng lượng tiết kiệm và có hiệu quả trong gia đình - Sử dụng năng lượng tiết kiệm và có hiệu quả trong gia đình là sử dụng năng lượng đúng lúc, đúng chỗ; sử dụng ít năng lượng mà vẫn đảm bảo được nhu cầu.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS xem video. HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút. GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức.	

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình	
GV phân chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và đưa ra được các biện pháp để sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình. Thời gian là 5 phút. HS nhận nhiệm vụ. - GV yêu cầu HS quan sát video và giải thích cơ chế hoạt động của các hệ thống tự động (như cảm biến ánh sáng, cảm biến chuyển động) giúp tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng.	2. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình - Thiết kế nhà phải đảm bảo tính thông thoáng, tăng cường sử dụng ánh sáng tự nhiên. - Sử dụng các vật liệu có khả năng cách nhiệt tốt. - Lựa chọn các thiết bị tiết kiệm năng lượng. - Sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường như năng lượng gió, năng lượng mặt trời. - Sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện đúng cách, tiết kiệm năng lượng.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và trả lời được câu hỏi. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập(8')

- Mục tiêu: củng cố kiến thức về ngôi nhà thông minh
- Nội dung: Ngôi nhà thông minh
- Sản phẩm: Báo cáo nhóm. Hoàn thành bài tập.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chia lớp làm các nhóm, phát giấy A0 cho các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và ghi vào giấy A0 xây dựng phương án tiết kiệm năng lượng cho ngôi nhà. Thời gian 3 phút. HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ. - HS xác định và chỉ ra được nhu cầu cá nhân về các tiện ích công nghệ số cần thiết để thiết kế phương án tiết kiệm năng lượng hiệu quả cho ngôi	Báo cáo nhóm.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
nhà.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, nhận giấy A0, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và ghi vào giấy A0 xây dựng phương án tiết kiệm năng lượng cho ngôi nhà. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

- Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
- Nội dung: Ngôi nhà thông minh
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: Liệt kê các biện pháp đã được thực hiện tại gia đình em để sử dụng hiệu quả năng lượng và tiết kiệm. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - Bản liệt kê các biện pháp có đề xuất sử dụng thêm các thiết bị hoặc ứng dụng số (như app theo dõi điện năng, ổ cắm thông minh) để quản lý năng lượng tại gia đình.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

BÀI 4. THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:****1. Kiến thức**

- Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính.
- Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính. Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được thực phẩm phù hợp với cơ thể.
- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 1.1.TC1c: Giải thích được cách truy cập và điều hướng các kết quả tìm kiếm về giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm trên các website uy tín.
- + 5.2.TC1b: Chọn được ứng dụng số phù hợp để hỗ trợ xây dựng thói quen ăn uống khoa học và tính toán nhu cầu dinh dưỡng.
- + 2.2.TC1c: Minh họa rõ ràng cách trích dẫn nguồn khi tìm kiếm thông tin về các bệnh liên quan đến dinh dưỡng trên mạng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm.
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu:* Dẫn dắt vào bài mới; nhận biết tên chính xác của một số loại thực phẩm thông dụng.
- Nội dung:* Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm:* Đọc tên được một số loại thực phẩm thông dụng.
- Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra hình ảnh về một số loại thực phẩm thông dụng	Đọc tên được một số loại thực phẩm thông dụng.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
	
<p>GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút để viết tên của các loại thực phẩm được trình chiếu.</p> <p>HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và nêu tên đúng loại thực phẩm.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>GV dẫn dắt vào bài mới: Mặc dù có nhiều loại thực phẩm phục vụ nhu cầu ăn uống của con người. Nhưng các loại thực phẩm đó có 5 chất dinh dưỡng đó là chất đạm, chất béo, chất đường và tinh bột, chất vitamin và chất khoáng. Cụ thể các loại thực phẩm đó chứa chất dinh dưỡng nào, có vai trò như thế nào đối với cơ thể con người chúng ta vào bài hôm nay.</p> <p>HS định hình nhiệm vụ học tập.</p>	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu về nhóm thực phẩm giàu chất đạm, nhóm thực phẩm giàu chất đường bột, nhóm thực phẩm giàu chất béo.(14')

- Mục tiêu: Nhận biết được một số thực phẩm chính. Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.
- Nội dung: Một số nhóm thực phẩm chính: Nhóm thực phẩm giàu chất đạm, nhóm thực phẩm giàu chất đường bột, nhóm thực phẩm giàu chất béo.
- Sản phẩm: Xếp loại các loại thực phẩm vào cùng một nhóm. Báo cáo hoạt động nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Nhiệm vụ 1. Nhận biết được một số thực phẩm chính	
GV đưa ra hình ảnh về một số loại thực phẩm thông dụng	I. Một số nhóm thực phẩm chính Thực phẩm chia làm các nhóm: Nhóm

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>GV đưa ra hình ảnh về một số loại thực phẩm thức</p>  <p>Gạo Thịt lợn Thịt gà Cà chua</p> <p>Mỡ lợn Rau muống Cà chua</p> <p>SUGAR Rau muống Cà chua</p>	<p>thực phẩm cung cấp chất đường, chất tinh bột; nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm; nhóm thực phẩm cung cấp chất béo; nhóm thực phẩm cung cấp vitamin; nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng.</p>
<p>Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy.</p> <p>Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút phân loại các loại thực phẩm trên thành các nhóm thực phẩm và đặt tên cho chúng.</p> <p>- GV giới thiệu và hướng dẫn HS cách lựa chọn các ứng dụng số phù hợp (như các app tính calo, tháp dinh dưỡng điện tử) để hỗ trợ xây dựng thói quen ăn uống khoa học và tính toán nhu cầu dinh dưỡng hằng ngày.</p>	
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS xem hình ảnh chiếu.</p> <p>HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút.</p> <p>GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau.</p> <p>HS đổi phiếu cho nhau.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>HS nhận xét bài làm của bạn.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	
Nhiệm vụ 2. Nhóm thực phẩm giàu chất đạm, nhóm thực phẩm giàu chất đường bột, nhóm thực phẩm giàu chất béo	
<p>GV chia lớp làm thành 6 nhóm.</p> <p>GV phát cho mỗi nhóm 01 giấy A0. Nhiệm</p>	<p>1. Nhóm thực phẩm cung cấp chất tinh bột, chất đường và chất xơ</p>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>vụ của mỗi nhóm là tìm hiểu về một chất dinh dưỡng cụ thể.</p> <p>- Nhóm 1, 2: Nhóm thực phẩm cung cấp chất tinh bột, chất đường. + Nguồn gốc: + Chức năng:</p> <p>- Nhóm 3,4: Nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm. + Nguồn gốc: + Chức năng:</p> <p>- Nhóm 5,6: Nhóm thực phẩm cung cấp chất béo. + Nguồn gốc: + Chức năng:</p> <p>HS nhận nhiệm vụ.</p>	<p>- Nguồn gốc: ngũ cốc, bánh mì, khoai, sữa, mật ong, trái cây chín, rau xanh.</p> <p>- Chức năng: nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho mọi hoạt động của cơ thể. Chất xơ hỗ trợ cho hệ tiêu hoá.</p> <p>2. Nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm</p> <p>- Nguồn gốc: thịt nạc, cá, tôm, trứng, sữa, các loại đậu, hạt điều.</p> <p>- Chức năng là thành phần dinh dưỡng để cấu thành cơ thể và giúp cơ thể phát triển tốt.</p> <p>3. Nhóm thực phẩm cung cấp chất béo</p> <p>- Nguồn gốc: mỡ động vật, dầu thực vật, bơ.</p> <p>- Chức năng: cung cấp năng lượng cho cơ thể, tích trữ dưới da ở dạng lớp mỡ để bảo vệ cơ thể và giúp chuyển hoá một số loại vitamin.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS hình thành nhóm; nhận giấy A0.</p> <p>HS tiến hành thảo luận, trao đổi, thống nhất với nhau, hoàn thành yêu cầu nội dung của GV đề ra.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu các nhóm treo sản phẩm của nhóm về góc làm việc của từng nhóm. Nhóm cử đại diện trình bày để GV và các bạn nhận xét.</p> <p>HS trình bày sản phẩm của nhóm, lắng nghe nhận xét của GV và các bạn.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét phần trình bày HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.</p>	

Nội dung 2: Tìm hiểu nhóm thực phẩm cung cấp vitamin; nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng(14')

- Mục tiêu: Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.
- Nội dung: Nhóm thực phẩm cung cấp vitamin, nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng.
- Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập. Báo cáo nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu nhóm thực phẩm cung cấp vitamin	
GV đưa ra PHT1 và yêu cầu HS hoàn	4. Nhóm thực phẩm cung cấp vitamin

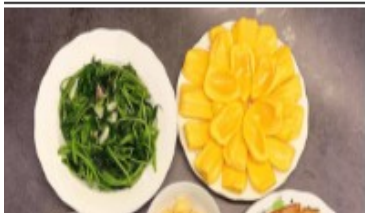
Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt		
thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ.	<div>- Vitamin có vai trò tăng cường hệ miễn dịch, tham gia vào quá trình chuyển hoá các chất giúp cơ thể khoẻ mạnh.</div> <div>- Nguồn cung cấp và vai trò của một số vitamin.</div>		
	Loại vitamin	Nguồn thực phẩm cung cấp	Vai trò chủ yếu
	Vitamin A	Trứng, bơ, dầu cá; ớt chuông, cà rốt, cần tây.	Giúp làm sáng mắt. Làm chậm quá trình lão hoá của cơ thể.
	Vitamin B	Ngũ cốc, cà chua; thịt lợn, thịt bò, gan, trứng, sữa, cá.	Kích thích ăn uống. Góp phần vào sự phát triển của hệ thần kinh.
	Vitamin C	Các loại hoa quả có múi, có vị chua như cam, bưởi, chanh; các loại rau xanh, cà chua.	Làm chậm quá trình lão hoá. Làm tăng sức bền của thành mạch máu.
	Vitamin D	Bơ, sữa, trứng, dầu cá; các loại nấm.	Cùng với canxi giúp kích thích sự phát triển của hệ xương.
	Vitamin E	Gan; hạt nảy mầm; dầu thực vật.	Tốt cho da. Bảo vệ tế bào.
Thực hiện nhiệm vụ			
HS nhận PHT1 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT1 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT1 của bạn. HS chấm điểm PHT1 của bạn. - HS hoàn thành phiếu học tập về Vitamin, trong đó minh họa rõ ràng cách trích dẫn nguồn (tên trang web, đường link) khi tìm kiếm thông tin về các bệnh liên quan đến thiếu hụt dinh dưỡng trên mạng.			
Báo cáo, thảo luận			
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn.			
Kết luận và nhận định			
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.			

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt		
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng			
GV đưa ra PHT2 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ.	4. Nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng - Chất khoáng giúp cho sự phát triển của xương, hoạt động của cơ bắp, cấu tạo hồng cầu,... - Mỗi loại chất khoáng có vai trò riêng đối với cơ thể và phần lớn đều có trong thực phẩm.		
	Loại chất khoáng	Nguồn thực phẩm cung cấp	Vai trò chủ yếu
	Sắt	Thịt, cá, gan, trứng; các loại đậu.	Tham gia vào quá trình cấu tạo hồng cầu trong máu.
	Canxi	Sữa, trứng; rau xanh.	Giúp cho xương và răng chắc khỏe.
	Iốt	Các loại hải sản, dầu cá; muối iốt.	Tham gia vào quá trình cấu tạo hooc môn tuyến giáp, giúp phòng tránh bệnh bướu cổ.
Thực hiện nhiệm vụ			
HS nhận PHT2 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT2 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT2 của bạn. HS chấm điểm PHT2 của bạn.			
Báo cáo, thảo luận			
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn.			
Kết luận và nhận định			
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.			

Hoạt động 3: Luyện tập(8')

- Mục tiêu: củng cố kiến thức về thực phẩm và dinh dưỡng
- Nội dung: Thực phẩm và dinh dưỡng
- Sản phẩm: Xếp được các loại thực phẩm vào các nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1: Hãy sắp xếp các thực phẩm dưới đây vào các nhóm sau: Nhóm thực phẩm cung cấp chất tinh bột, chất đường và chất xơ; nhóm thực phẩm cung	Xếp được các loại thực phẩm vào các nhóm.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>cấp chất đạm; nhóm thực phẩm cung cấp chất béo.</p> <p>1. HS nhận nhiệm vụ.</p> <p>- GV hướng dẫn HS cách truy cập và điều hướng các kết quả tìm kiếm về giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm (đạm, đường bột, béo) trên các website uy tín như Viện Dinh dưỡng Quốc gia hoặc Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).</p> <p>loáng. Cụ thể các loại thực phẩm đó chứa chất dinh dưỡng nào, như thế nào đối với cơ thể con người chúng ta vào bài hôm nay.</p> <p>S định hình nhiệm vụ học tập.</p> <p>Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới</p> <p>Nội dung 1: Tìm hiểu ăn uống hợp lý(10')</p> <p><i>Mục tiêu:</i> Nêu được khái niệm ăn uống hợp lý.</p> <p><i>Nội dung:</i> Bữa ăn hợp lý</p> <p><i>Sản phẩm:</i> Báo cáo nhóm trên giấy A0.</p> <p><i>Tổ chức hoạt động</i></p>	
<p>Hoạt động của GV và HS</p> <p>Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>V chiếu hình ảnh sau</p>	
	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.	
Báo cáo, thảo luận	
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

- Mục tiêu:* Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
- Nội dung:* Thực phẩm và dinh dưỡng
- Sản phẩm:* Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
- Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau:	Bản ghi trên giấy A4.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Hãy quan sát và kể tên các thực phẩm gia đình em hay sử dụng trong một tuần. Em có nhận xét gì về việc sử dụng thực phẩm của gia đình mình? Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - HS sử dụng công cụ số đã được hướng dẫn để tính toán nhu cầu dinh dưỡng thực tế cho các thành viên trong gia đình và đề xuất các việc làm cụ thể để hình thành thói quen ăn uống khoa học.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1. Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Loại vitamin	Nguồn thực phẩm cung cấp	Vai trò chủ yếu
Vitamin A		
Vitamin B		
Vitamin C		
Vitamin D		
Vitamin E		

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 2. Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Loại chất khoáng	Nguồn thực phẩm cung cấp	Vai trò chủ yếu
Sắt		
Canxi		
Iốt		

BÀI 4. THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG(T2)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Biết cách ăn uống khoa học, hợp lý.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết cách ăn uống khoa học, hợp lý.
- Sử dụng công nghệ: Biết cách ăn uống khoa học, hợp lý.
- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 1.1.TC1c: Giải thích được cách truy cập và điều hướng các kết quả tìm kiếm về giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm trên các website uy tín.
- + 5.2.TC1b: Chọn được ứng dụng số phù hợp để hỗ trợ xây dựng thói quen ăn uống khoa học và tính toán nhu cầu dinh dưỡng.
- + 2.2.TC1c: Minh họa rõ ràng cách trích dẫn nguồn khi tìm kiếm thông tin về các bệnh liên quan đến dinh dưỡng trên mạng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm.
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới; nhận biết tên chính xác của một số loại thực phẩm thông dụng.*
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học*
- Sản phẩm: Đọc tên được một số loại thực phẩm thông dụng.*
- Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra hình ảnh về một số loại thực phẩm thông dụng 	Đọc tên được một số loại thực phẩm thông dụng.
GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút để viết tên của các loại thực phẩm được trình chiếu. HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ. - GV hướng dẫn HS cách truy cập và điều hướng các kết quả tìm kiếm trên các website uy tín (như Viện	

Nội dung 1. Tìm hiểu ăn uống hợp lý(10')

- Mục tiêu: Nêu được khái niệm ăn uống hợp lý.
- Nội dung: Bữa ăn hợp lý
- Sản phẩm: Báo cáo nhóm trên giấy A0.
- Tổ chức hoạt động

uigeli.xyz

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>GV yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành ghi nội dung sau vào giấy A0, trong thời gian 5 phút:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kể tên các món có trong bữa ăn trên. 2. Kể tên các chất dinh dưỡng có trong món ăn trên. 3. Lượng thức ăn trên có đủ dùng cho 4 người không? 4. Món ăn trên có cảm giác ngon miệng không? <p>HS quan sát hình ảnh và nhận nhóm.</p> <p>- Kết quả phân tích bữa ăn hợp lý có sự hỗ trợ của ứng dụng số để tính toán nhu cầu dinh dưỡng và năng lượng (calo) phù hợp cho 4 người.</p> <p>GV yêu cầu các nhóm lên dán ý kiến của nhóm và bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm 1 liên nhóm trình bày ý kiến của nhóm.</p> <p>Kết luận</p> <p>GV nhận xét phần trình bày HS. Chốt lại kiến thức.</p> <p>GV nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.</p> <p>Nhiệm vụ 2. Định hướng nghề nghiệp</p> <p>Chuyển tiếp</p> <p>GV chiếu một video về nghề chuyên gia dinh dưỡng cho HS.</p> <p>GV yêu cầu HS xem và thảo luận trao đổi.</p>	
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS nhận nhóm, nhận giấy A0, phân công nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành nội dung yêu cầu của GV.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	

Nội dung 2: Tìm hiểu ăn uống hợp lý(18')

- a. Mục tiêu: Biết ăn uống hợp lý.
- b. Nội dung: Thói quen ăn uống khoa học
- c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu thói quen ăn uống khoa học	
<p>GV đưa ra tình huống như sau: 3 bạn Lan, Hằng, Thu ngồi nói chuyện với nhau làm thế nào có thói quen ăn uống khoa học để con người có sức khỏe tốt.</p> <p>Lan cho rằng: Lúc nào thích thì ăn, chỉ ăn những món mình thích như gà rán, nem rán, những món ăn hàng quán, vỉa hè, trà sữa.</p> <p>Hằng thì bảo: Cần ăn đủ 1 ngày 3 bữa sáng, trưa, tối; ăn đúng cách nhai kỹ; chỉ ăn loại thực phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được chế biến cẩn thận.</p> <p>Thu thì nêu ý kiến: Một ngày ăn 3 sáng, trưa, tối. Có thể ăn những món mình thích.</p> <p>GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trong thời gian 4 phút và đưa ra ý kiến của nhóm ghi vào giấy A4.</p> <p>- HS thực hiện tìm kiếm thông tin về các bệnh liên quan đến dinh dưỡng trên Internet để bổ sung cho ý kiến của nhóm và thực hành cách trích dẫn nguồn thông tin (tên website, đường link) rõ ràng.</p>	<p>2. Thói quen ăn uống khoa học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ăn đúng bữa: Mỗi ngày cần ăn 3 bữa chính: Bữa sáng; bữa trưa; bữa tối. - Ăn đúng cách: Tập trung, nhai kỹ và cảm nhận hương vị món ăn, tạo bầu không khí thân mật, vui vẻ. - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: Thực phẩm lựa chọn, bảo quản, chế biến cẩn thận, đúng cách.
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và trả lời được câu hỏi và ghi vào giấy A4.</p> <p>GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV chia bảng làm 3 phần tương ứng với vị trí câu trả lời của đồng ý với ý kiến bạn Lan, Hằng, Thu.</p> <p>GV yêu cầu các nhóm lên dán ý kiến của mình lên bảng. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét phần trình bày HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.</p>	
Nhiệm vụ 2. Định hướng nghề nghiệp	
GV chiếu một video về nghề chuyên gia dinh dưỡng cho HS.	<ul style="list-style-type: none"> * Chuyên gia dinh dưỡng - Chuyên gia dinh dưỡng là người nghiên

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV yêu cầu HS xem và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi sau trong thời gian là 2 phút. ? Công việc chính của chuyên gia dinh dưỡng là gì? ? Chuyên gia dinh dưỡng làm việc ở đâu? HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	cứu về dinh dưỡng và thực phẩm, đồng thời tư vấn cho mọi người về lối sống lành mạnh trong ăn uống, giúp cơ thể khỏe mạnh và phát triển toàn diện. - Chuyên gia dinh dưỡng thường làm việc tại các bệnh viện, phòng khám y tế cộng đồng, trung tâm chăm sóc sức khỏe.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập(8')

- Mục tiêu: *Củng cố kiến thức về thực phẩm và dinh dưỡng*
- Nội dung: *Thực phẩm và dinh dưỡng*
- Sản phẩm: *Xếp được các loại thực phẩm vào các nhóm.*
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt	
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập sau. Bài tập 2: Cho 3 bữa ăn sau. Trong 3 bữa ăn trên, bữa ăn nào đảm bảo tiêu chí của bữa ăn hợp lý nhất? Vì sao? GV yêu cầu HS cùng bàn, trao đổi thảo luận và hoàn thành bài tập trong thời gian 2 phút. <i>... với sức khỏe, tâm trạng, và hỗ trợ xây dựng một đời sống ăn uống khoa học cho gia đình.</i>	Bản ghi trên giấy A4.	
Thực hiện nhiệm vụ		
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà		
Báo cáo, thảo luận		
HS trình bày kết quả của mình. HS khác nhận xét và bổ sung.		
Thực hiện nhiệm vụ		
HS cùng bàn trao đổi, thảo luận và hoàn thành bài tập. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.		

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

- Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
- Nội dung: Thực phẩm và dinh dưỡng
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: Hãy đề xuất một số việc làm để hình thành thói quen ăn uống khoa học cho gia đình của mình. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - HS lựa chọn và sử dụng một ứng dụng số phù hợp (như các ứng dụng theo dõi sức khỏe, tính calo) để hỗ trợ xây dựng thực đơn và theo dõi thói quen ăn uống khoa học cho gia đình.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

BÀI 5. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM(T1)**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:****1. Kiến thức**

- Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.
- Trình bày được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến.
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Năng lực**2.1. Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. Nhận biết được một số phương pháp bảo quản phổ biến. Nhận biết được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Sử dụng công nghệ: Thực hiện các biện pháp giữ vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 1.2.TC1b: Thực hiện phân tích và đánh giá thông tin được xác định rõ ràng trên nhãn thực phẩm đóng hộp bằng công cụ số.
- + 3.1.TC1a: Chỉ ra được cách tạo và chỉnh sửa một video ngắn mô tả quy trình chế biến món salad hoa quả hoặc nộm rau muống.
- + 5.1.TC1b: Chọn được các giải pháp số (như ứng dụng nhắc nhở) để quản lý thời gian bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm.
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra hình ảnh về một số món ăn GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và cho biết thực phẩm đã được bảo quản và chế biến thành món ăn ngon như thế nào? HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	Hoàn thành nhiệm vụ.

		
Thực hiện nhiệm vụ		
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và nêu tên đúng loại thực phẩm. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.		
Báo cáo, thảo luận		
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.		
Kết luận và nhận định		
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Thực phẩm phải bảo quản chu đáo, cẩn thận; chế biến đa dạng, phong phú; cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể. Vậy cần tiến hành bảo quản và chế biến thực phẩm như thế nào thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.		

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát về bảo quản và chế biến thực phẩm(9')

- Mục tiêu: Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. Trình bày được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Nội dung: Vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.
- Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút hoàn thành yêu cầu sau: 1. Thực phẩm có thể bị hư hỏng do những nguyên nhân nào? 2. Làm thế nào để hạn chế các tác nhân gây hư hỏng thực phẩm? HS nhận nhiệm vụ.	I. Khái quát về bảo quản và chế biến thực phẩm 1. Vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm - Bảo quản thực phẩm có vai trò làm chậm quá trình thực phẩm bị hư hỏng, kéo dài thời gian sử dụng mà thực phẩm vẫn được đảm bảo chất lượng và chất dinh dưỡng.

 <p>- Video ngắn (dưới 2 phút) ghi lại và chỉnh sửa các bước thực hiện quy trình chế biến món sa-lát hoa quả hoặc nộm rau muống bằng các phần mềm đơn giản trên điện thoại.</p>	
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS xem hình ảnh chiếu. HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút. GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm	
<p>GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi sau: 1. Nêu cảm nhận của em về các thực phẩm trước và sau khi được chế biến ở trên? 2. Vì sao nên chế biến thực phẩm trước khi sử dụng? HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	<p>I. Khái quát về bảo quản và chế biến thực phẩm 1. Vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm - Chế biến thực phẩm là quá trình xử lý thực phẩm để tạo ra các món ăn được đảm bảo chất dinh dưỡng, sự đa dạng và hấp dẫn.</p>



Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời được câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Nội dung 2. Tìm hiểu an toàn thực phẩm trong bảo quản và chế biến thực phẩm(9')

- Mục tiêu: Trình bày được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Nội dung: An toàn thực phẩm trong bảo quản và chế biến thực phẩm.
- Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu hình ảnh sau. Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút hoàn thành yêu cầu sau: 1. Thực phẩm trên có thể sử dụng trong bảo quản và chế biến không? 2. Thực phẩm cần đảm bảo yêu cầu như thế nào thì được đem bảo quản và chế biến? HS quan sát hình ảnh và nhận nhóm.	2. An toàn thực phẩm trong bảo quản và chế biến thực phẩm * Khái niệm an toàn thực phẩm - An toàn vệ sinh thực phẩm là các biện pháp, điều kiện cần thiết để giữ cho thực phẩm không bị biến chất; không bị chất độc, vi khuẩn có hại xâm nhập giúp bảo vệ sức khỏe con người.

biện pháp để đảm bảo an toàn thực phẩm khi bảo quản và chế biến. Thời gian thảo luận 2 phút.	để t - Đ - R - S sống
Thực	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành và sắp xếp đúng các biện pháp để đảm bảo - GV hướng dẫn HS sử dụng thiết bị số (điện thoại, máy tính bảng) để tra cứu thông tin hoặc quét mã QR trên nhãn thực phẩm đóng hộp, từ đó phân tích các chỉ số về an toàn và hạn sử dụng. - HS tìm hiểu và thực hành lựa chọn các ứng dụng nhắc nhở trên thiết bị thông minh để thiết lập thời gian cảnh báo bảo quản cho từng loại thực phẩm cụ thể trong tủ lạnh.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, nhận giấy A0, phân công nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành nội dung yêu cầu của GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm khi bảo quản và chế biến	
GV chia lớp thành các nhóm (8HS/1 nhóm). GV phát cho mỗi nhóm các phiếu màu có ghi các cụm từ. GV yêu cầu các nhóm sắp xếp đúng các biện pháp để đảm bảo an toàn thực phẩm khi bảo quản và chế biến. Thời gian thảo luận 2 phút.	2. An toàn thực phẩm trong bảo quản và chế biến thực phẩm * Biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm khi bảo quản và chế biến thực phẩm - Giữ thực phẩm trong môi trường sạch sẽ, có che đậy để tránh bụi bẩn và các loại côn trùng; - Để riêng thực phẩm sống và thực phẩm chín; - Rửa tay sạch trước khi chế biến thực phẩm; - Sử dụng riêng các loại dụng cụ dành cho thực

	phẩm sống và thực phẩm chín.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và sắp xếp đúng các biện pháp để đảm bảo an toàn thực phẩm khi bảo quản và chế biến. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm lên dán ý kiến của mình lên bảng. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Nội dung 3. Tìm hiểu một số phương pháp bảo quản thực phẩm(10')

- Mục tiêu: Trình bày được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến.
- Nội dung: Một số phương pháp bảo quản thực phẩm
- Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập. Báo cáo nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra PHT và yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành PHT trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ.	<p>III. Một số phương pháp bảo quản thực phẩm</p> <p>1. Làm lạnh và đông lạnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm lạnh và đông lạnh là phương pháp sử dụng nhiệt độ thấp ngăn ngừa sự phát triển của vi khuẩn. - Làm lạnh: Bảo quản thực phẩm trong khoảng nhiệt độ từ 1°C đến 7°C, thường được dùng để bảo quản thịt, cá, trái cây, rau củ,... trong thời gian ngắn từ 3 đến 7 ngày. - Đông lạnh: Bảo quản thực phẩm trong khoảng nhiệt độ dưới 0°C, thường được dùng để bảo quản thịt, cá,... trong thời gian dài từ vài tuần đến vài tháng. <p>2. Làm khô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm khô là phương pháp sử dụng nhiệt độ cao làm bay hơi nước có trong thực phẩm để ngăn chặn vi khuẩn làm hỏng thực phẩm. - Áp dụng: dùng để bảo quản nông sản và thủy hải sản. <p>3. Ướp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ướp là phương pháp trộn một số chất vào thực phẩm để diệt và ngăn ngừa sự phát triển của vi khuẩn làm hỏng thực phẩm. - Áp dụng: bảo quản các loại thực phẩm như thịt, cá.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ tiến hành thảo luận, hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày. Đại diện nhóm nhận xét nhóm khác.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS.	

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.

Hoạt động 3: Luyện tập(8')*a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức về bảo quản và chế biến thực phẩm**b. Nội dung: Bảo quản và chế biến thực phẩm**c. Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.**d. Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1: Em hãy cho biết những sản phẩm dưới đây được bảo quản bằng phương pháp nào. (Lưu ý: Một sản phẩm có thể được xử lý kết hợp nhiều phương pháp bảo quản). HS nhận nhiệm vụ. Năng lực 1. Năng lực công nghệ <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số phương pháp bảo quản thực phẩm. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản bằng phương pháp bảo quản. - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng và sức khỏe. 2. Năng lực chung <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày ý kiến, quan điểm về bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực. 	Hoàn thành được bài tập.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.	
Báo cáo, thảo luận	
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng(5')*a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.**b. Nội dung: Bảo quản và chế biến thực phẩm**c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.**d. Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: Trong gia đình em thường hay sử dụng phương pháp bảo quản thực phẩm nào? Em có đề xuất sử dụng thêm phương pháp bảo quản nào không? Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.	Bản ghi trên giấy A4.

Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP

Câu 1. Em hãy điền những từ thích hợp vào chỗ trống

1. Làm lạnh và đông lạnh là phương pháp sử dụng
2. Làm lạnh: Bảo quản thực phẩm trong khoảng nhiệt độ từ 1°C đến 7°C, thường được dùng để bảo quản trong thời gian ngắn từ
3. Đông lạnh: Bảo quản thực phẩm trong khoảng nhiệt độ dưới 0°C, thường được dùng để bảo quản trong thời gian dài từ

Câu 2. Em hãy nêu cách tiến hành phương pháp làm khô? Phương pháp làm khô được áp dụng để bảo quản loại thực phẩm nào?

.....

Câu 3. Em hãy nêu cách tiến hành phương pháp ướp? Phương pháp ướp được áp dụng để bảo quản loại thực phẩm nào?

.....

BÀI 5. BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM(T2)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.
- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

- Năng lực số:

- + 1.2.TC1b: Thực hiện phân tích và đánh giá thông tin được xác định rõ ràng trên nhãn thực phẩm đóng hộp bằng công cụ số.

+ 3.1.TC1a: Chỉ ra được cách tạo và chỉnh sửa một video ngắn mô tả quy trình chế biến món salad hoa quả hoặc nộm rau muống.

+ 5.1.TC1b: Chọn được các giải pháp số (như ứng dụng nhắc nhở) để quản lý thời gian bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm.
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt	
Chuyển giao nhiệm vụ		
<p>GV đưa ra hình ảnh về một số món ăn</p> <p>GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và cho biết thực phẩm đã được chế biến thành món ăn ngon như thế nào?</p> <p>HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <div><p>b. Muối chua</p><ul style="list-style-type: none">- Khái niệm: Muối chua là phương lên men vi sinh trong thời gian cần chế biến các loại thực phẩm như: rau su hào.- Ưu điểm: dễ làm, món ăn có vị chua ngọt khi ăn.- Hạn chế: món ăn có nhiều muối, khó</div>	Hoàn thành nhiệm vụ.	
Thực hiện nhiệm vụ		
HS nhận DHT1 và hoàn thành phiếu		
Thực hiện nhiệm vụ		
<p>HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và nêu tên đúng loại thực phẩm.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>		
Báo cáo, thảo luận		
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>		
Kết luận và nhận định		
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p>		

GV dẫn dắt vào bài mới: Thực phẩm phải được chế biến đa dạng, phong phú; cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể. Vậy có những phương pháp chế biến thực phẩm nào thì chúng ta vào bài hôm nay.
HS định hình nhiệm vụ học tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu một số phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt(15')

- Mục tiêu: Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt
- Nội dung: Chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo nhóm.
- Tổ chức hoạt động

- HS thực hiện quay phim các công đoạn thực hành; sau đó sử dụng phần mềm trên thiết bị số để chèn phụ đề, âm nhạc và hiệu ứng nhằm làm rõ quy trình chế biến món ăn.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV chia lớp thành các nhóm (8HS/nhóm).</p> <p>GV chia bảng làm 4 phần. Giáo viên giới thiệu: Một số phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt là luộc, kho, nướng, rán. Tương ứng tên 4 phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt được viết ở một phần bảng.</p> <p>GV phát cho mỗi nhóm học sinh các phiếu màu có ghi cụm từ chỉ khái niệm, ưu và nhược điểm của từng phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt.</p> <p>GV yêu cầu các nhóm sắp xếp khái niệm, ưu và nhược điểm đúng với từng phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt. Thời gian 4 phút.</p> <p>HS nhận nhiệm vụ.</p>	<p>III. Một số phương pháp chế biến thực phẩm</p> <p>1. Chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt</p> <p>a. Luộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: Luộc là phương pháp làm chín thực phẩm trong nước, được dùng để chế biến các loại thực phẩm như: thịt, trứng, hải sản, rau, củ,... - Ưu điểm: phù hợp chế biến nhiều loại thực phẩm, đơn giản và dễ thực hiện. - Hạn chế: một số loại vitamin trong thực phẩm có thể bị hoà tan trong nước. <p>b. Kho</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: Kho là làm chín thực phẩm trong lượng nước vừa phải với vị mặn đậm đà, được dùng để chế biến các loại thực phẩm như: cá, thịt, củ cải,... - Ưu điểm: món ăn mềm, có hương vị đậm đà. - Hạn chế: thời gian chế biến lâu. <p>c. Nướng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: Nướng là làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của nguồn nhiệt, được dùng để chế biến các loại thực phẩm như: thịt, cá, khoai lang, khoai tây,... - Ưu điểm: món ăn có hương vị hấp dẫn. - Hạn chế: thực phẩm dễ bị cháy, gây biến chất. <p>d. Rán (chiên)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: Rán là làm chín thực phẩm trong chất béo ở nhiệt độ cao, được dùng để chế biến các loại thực phẩm như: thịt, cá, khoai tây, ngô,... - Ưu điểm: món ăn có độ giòn, độ ngọt. - Hạn chế: món ăn nhiều chất béo.
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành nội dung yêu cầu của GV.</p> <p>GV theo dõi giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	

Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm lên dán phiếu màu đúng lên phần bảng tương ứng với khái niệm, ưu và nhược điểm của từng phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt. Đại diện nhóm lên dán phiếu màu đúng lên phần bảng tương ứng. GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Nội dung 2. Tìm hiểu một số phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt(13')

- Mục tiêu: Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt*
- Nội dung: Chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt*
- Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập. Báo cáo nhóm.*
- Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra PHT1 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ. - Video ngắn (dưới 2 phút) được cắt ghép, chỉnh sửa bằng ứng dụng (như CapCut, Canva) mô tả sinh động các bước thực hiện món sa-lát hoa quả hoặc nộm rau muống.	2. Chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt a. Trộn hỗn hợp - Khái niệm: Trộn hỗn hợp là phương pháp trộn các thực phẩm đã được sơ chế hoặc làm chín, kết hợp với các gia vị tạo thành món ăn. Trộn dầu dấm, nộm,... là những món ăn được chế biến bằng phương pháp này. - Ưu điểm: dễ làm, thực phẩm giữ nguyên được màu sắc, mùi vị và chất dinh dưỡng. - Hạn chế: cầu kì trong việc lựa chọn, bảo quản và chế biến để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. b. Muối chua - Khái niệm: Muối chua là phương pháp làm thực phẩm lên men vi sinh trong thời gian cần thiết, được dùng để chế biến các loại thực phẩm như: rau cải bắp, rau cải bẹ, su hào. - Ưu điểm: dễ làm, món ăn có vị chua nên kích thích vị giác khi ăn. - Hạn chế: món ăn có nhiều muối, không tốt cho dạ dày.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận PHT1 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT1 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT1 của bạn. HS chấm điểm PHT1 của bạn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS.	

GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	
Nhiệm vụ 2. Định hướng nghề nghiệp	
GV chiếu một video về nghề đầu bếp cho HS. GV yêu cầu HS xem và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi sau trong thời gian là 2 phút. ? Đầu bếp thường là công việc ở địa điểm nào? ? Nghề đầu bếp đòi hỏi những đặc tính nào? HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	* Chuyên gia dinh dưỡng - Đầu bếp là tên gọi dành cho những người chế biến món ăn ở các nhà hàng, quán ăn, khách sạn,... - Nghề đầu bếp đòi hỏi sự tỉ mỉ, kiên nhẫn và khéo léo.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập(8')

- Mục tiêu: Củng cố kiến thức về bảo quản và chế biến thực phẩm*
- Nội dung: Bảo quản và chế biến thực phẩm*
- Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.*
- Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ		
<p>GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập sau:</p> <p>Bài tập 2: Cho 3 bữa ăn sau. Hãy quan sát các món ăn có trong mâm cơm và cho biết các món ăn đó đã được chế biến bằng phương pháp nào? Có món ăn nào mà phương pháp chế biến chưa được giới thiệu ở trong bài?</p>		Hoàn thành bài tập
<p>Chuẩn bị một video về nghề đầu bếp cho HS</p> <p>Yêu cầu HS xem và thảo luận trao đổi cặp bàn và trả lời câu hỏi sau trong thời gian 2 phút.</p> <p>Đầu bếp thường là công việc ở địa điểm nào? Nghề đầu bếp đòi hỏi những đặc tính nào? HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	<p>*Chuyên gia dinh dưỡng</p> <p>- Đầu bếp là tên gọi dành cho người chế biến món ăn ở các quán ăn, khách sạn,...</p> <p>- Nghề đầu bếp đòi hỏi sự tỉ mỉ và khéo léo.</p>	
Thực hiện nhiệm vụ		
<p>HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>		
Thực hiện nhiệm vụ		
<p>HS cùng bàn trao đổi, thảo luận và hoàn thành bài tập.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>		
Báo cáo, thảo luận		
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>		

Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

- a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
b. Nội dung: Bảo quản và chế biến thực phẩm
c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: Hãy cùng với người thân trong gia đình lựa chọn và chế biến một món ăn có sử dụng nhiệt. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - GV hướng dẫn HS sử dụng điện thoại thông minh quét mã QR hoặc dùng công cụ tìm kiếm để tra cứu ý nghĩa các ký hiệu, thành phần dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm đóng hộp, từ đó đánh giá độ an toàn của sản phẩm. - HS tìm hiểu và thực hành cài đặt một ứng dụng nhắc nhở (Reminder) hoặc ứng dụng quản lý thực phẩm trên điện thoại để thiết lập thông báo về thời hạn bảo quản của món ăn trong tủ lạnh, tránh lãng phí và đảm bảo an toàn.		Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ		
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà.		
Báo cáo, thảo luận		
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.		
Kết luận và nhận định		
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.		

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1. Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Các phương pháp chế biến không sử dụng nhiệt	Trộn hỗn hợp	Muối chua

Khái niệm		
Ưu điểm		
Nhược điểm		

BÀI 6. DỰ ÁN. BỮA ĂN KẾT NỐI YÊU THƯƠNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức

- Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và lên được thực đơn cho một bữa ăn gia đình.
- Chế biến được một món ăn có trong thực đơn gia đình

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quá trình tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và lên được thực đơn cho một bữa ăn gia đình. Nhận biết được quy trình chế biến được một món ăn có trong thực đơn gia đình.
- Sử dụng công nghệ: Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và lên được thực đơn cho một bữa ăn gia đình.
- Chế biến được một món ăn có trong thực đơn gia đình
- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. Đưa ra nhận xét món ăn sau khi chế biến.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bữa ăn kết nối yêu thương, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 1.3.TC1a: Lựa chọn dữ liệu về chi phí thực phẩm và định mức dinh dưỡng để tổ chức và quản lý trên bảng tính điện tử.
- + 2.4.TC1a: Lựa chọn các công cụ cộng tác trực tuyến để phân công nhiệm vụ nhóm thực hiện dự án xây dựng thực đơn.
- + 3.2.TC1a: Giải thích được cách cải thiện thông tin từ các thực đơn mẫu trên mạng để tạo ra thực đơn mới độc đáo cho gia đình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nghiên cứu yêu cầu cần đạt, lựa chọn nội dung dạy học.
- Giấy A4. Phiếu học tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu, lập kế hoạch dự án (tiết 1)

a. *Mục tiêu:* Định hướng sự quan tâm của HS vào dự án.

b. *Nội dung:* Nhằm khai thác những kinh nghiệm và hiểu biết của HS về chất dinh dưỡng có trong thực phẩm thông qua phiếu học tập số 1. Từ kết quả trả lời các câu hỏi của HS, GV xác định những kiến thức mà học sinh chưa biết, muốn biết về bữa ăn kết nối yêu thương, từ đó có hứng thú, động lực tìm hiểu kiến thức mới.

c. *Sản phẩm:* Bản báo cáo kết quả thảo luận nhóm trả lời PHT1.

d. *Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Giới thiệu nội dung bài	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV phát PHT1 cho HS các nhóm, yêu cầu HS làm việc theo hình thức cá nhân và thảo luận nhóm. - HS thảo luận và lựa chọn các công cụ cộng tác trực tuyến (như nhóm Zalo, Google Classroom hoặc Padlet) để phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thống nhất cách thức làm việc nhóm trên môi trường số.	Hoàn thành PHT
Thực hiện nhiệm vụ	
HS suy nghĩ, nhớ lại những điều đã quan sát được, biết được để trả lời câu hỏi.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Bữa ăn gia đình không chỉ cung cấp năng lượng cho cơ thể, giúp con người sống khỏe mạnh mà còn chứa đựng ý nghĩa sâu sắc về sự sum họp, là khoảnh khắc kết nối yêu thương giữa các thành viên trong gia đình.	

HS định hình nhiệm vụ HS	
Nhiệm vụ 2. Lập kế hoạch dự án	
Chuyển giao nhiệm vụ	
Từ phần trả lời của HS trên, GV chuyển sang hoạt động hình thành chủ đề dự án “Bữa ăn kết nối yêu thương” GV gợi ý các tiêu chủ đề và đưa ra các câu hỏi gợi ý. GV chia lớp làm 4 nhóm và phân công các nhóm thực hiện các tiêu chủ đề. GV hướng dẫn, tổ chức cho HS để lập kế hoạch dự án như phân công nhiệm vụ, cách thức hoạt động nhóm, vai trò của từng thành viên trong nhóm.	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, thực hiện nhiệm vụ GV giao, phân công nhiệm vụ, cách thức hoạt động nhóm, vai trò của từng thành viên trong nhóm.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm trình bày thành viên nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm, thời gian hoàn thành yêu cầu của các thành viên.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS.	

Hoạt động 2: Học sinh lập kế hoạch dự án và thực hiện dự án (Thực hiện ở nhà)

a. Mục tiêu: Nhằm hình thành kiến thức cho học sinh về bữa ăn kết nối yêu thương thông qua việc thu thập và tìm hiểu thông tin để thực hiện dự án.

b. Nội dung:

- + Xây dựng thực đơn bữa ăn để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của cả gia đình đã tính toán.
- + Lập danh sách các thực phẩm cần chuẩn bị bao gồm: Tên thực phẩm, khối lượng, giá tiền.
- + Lựa chọn và chế biến một món ăn có trong thực đơn

c. Sản phẩm: Các PHT 2 và bản ghi chép thảo luận nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV cung cấp cho HS phiếu hướng dẫn thực hiện từng nhiệm vụ của dự án của dự án. GV nêu nội dung, hình thức, thời hạn nộp sản phẩm, cách thức và nguồn tìm kiếm sản phẩm.	1. Danh sách các thành viên trong gia đình với nhu cầu về dinh dưỡng - Liệt kê các thành viên trong gia đình 2. Thực đơn bữa ăn hàng ngày Thực đơn một bữa cơm gia đình hằng ngày

<p>- HS thực hiện tìm kiếm các thực đơn mẫu trên Internet, phân tích và giải thích cách cải thiện, điều chỉnh các thành phần món ăn để tạo ra thực đơn mới độc đáo, phù hợp với khẩu vị và nhu cầu dinh dưỡng riêng của gia đình.</p> <p>- HS sử dụng phần mềm bảng tính điện tử (Excel hoặc Google Sheets) để nhập dữ liệu về tên thực phẩm, khối lượng, đơn giá và thiết lập công thức tính toán chi phí cũng như quản lý định mức dinh dưỡng cho bữa ăn.</p>	<p>thường có: Com; món mặn; món rau; món canh; nước chấm; hoa quả tráng miệng</p> <p>3. Danh sách chuẩn bị thực phẩm</p> <p>- Tùy món ăn trong thực đơn mà lựa chọn thực phẩm phù hợp.</p> <p>4. Cách thực hiện một món ăn trong thực đơn</p> <p>- Lựa chọn một món ăn trong thực đơn mà thực hiện chế biến</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ trong nhóm.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HS có thể hỏi ý kiến GV nếu cần thiết.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ phân công theo kế hoạch và thực hiện thời gian 1 tuần. Tùy điều kiện, khả năng các em sẽ thu thập thông tin, tìm hiểu thực tiễn bằng cách quan sát, đọc sách tham khảo, tìm thông tin trên Internet, sau khi đã thu thập được các thông tin cần thiết, học sinh sẽ xây dựng sản phẩm của nhóm và cá nhân.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ của giáo viên đưa ra.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	

Hoạt động 3: Báo cáo kết quả thực hiện dự án

a. Mục tiêu: HS tổng hợp và hoàn thiện sản phẩm của nhóm. Thông qua đó sẽ phản ánh kết quả học tập của học sinh trong quá trình thực hiện dự án.

b. Nội dung:

- Danh sách các thành viên trong gia đình với nhu cầu về dinh dưỡng.

b. Nội dung:

- Danh sách các thành viên trong gia đình với nhu cầu về dinh dưỡng.
- Thực đơn cho một bữa ăn (trưa hoặc tối).
- Danh sách chuẩn bị thực phẩm.
- Cách thực hiện một món ăn có trong thực đơn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn trong quá trình thực hiện.

c. Sản phẩm: Poster, giấy A0, báo cáo power Point

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện thông qua hình thức poster trên giấy A0 hoặc trình chiếu trên Power Point và sản phẩm. - Bảng tính điện tử (Excel/Google Sheets) quản lý chi phí và dinh dưỡng; Bài trình chiếu (PowerPoint/Canva) hoặc Poster số thể hiện thực đơn đã được cải thiện từ các nguồn tham khảo trực tuyến.	1. Thực đơn bữa ăn hàng ngày Thực đơn một bữa cơm gia đình hằng ngày thường có: Cơm; món mặn; món rau; món canh; nước chấm; hoa quả tráng miệng. 2. Quy trình chế biến món ăn Bước 1: Sơ chế nguyên liệu Bước 2: Thực hiện chế biến món ăn Bước 3: Trình bày món ăn
Thực hiện nhiệm vụ	
Đại diện nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm mình theo từng tiêu chủ đề đã được giao từ tiết đầu dựa trên PHT và các thông tin thu thập được trong quá trình tìm hiểu và thu thập thông tin.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm trình bày, thuyết minh cho sản phẩm của nhóm. Khi trao đổi nhận xét, đánh giá, thảo luận trong lớp thì các thành viên khác có thể tham gia phát biểu ý kiến. Các nhóm lắng nghe, bổ sung ý kiến và có thể đặt ra câu hỏi. GV lắng nghe và hỗ trợ các nhóm trả lời câu hỏi của nhóm khác.	

Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, góp ý các câu hỏi trả lời của học sinh. GV chốt lại kiến thức, yêu cầu HS ghi nhớ. HS ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 4: Đánh giá dự án (tiết 13)

- a. Mục tiêu: Tổng kết lại kiến thức bài học. Đánh giá hoạt động của học sinh.
- b. Nội dung: Đánh giá kết quả thực hiện các tiểu dự án của học sinh
- c. Sản phẩm: Bảng đánh giá của GV và HS
- d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV tổ chức cho học sinh tham gia đánh các tiểu dự án của các nhóm khác nhau. - HS sử dụng các công cụ bình chọn trực tuyến hoặc bảng kiểm số để đánh giá chéo giữa các nhóm về tính hợp lý của dữ liệu chi phí và định mức dinh dưỡng đã quản lý trên bảng tính.	Bảng đánh giá của GV và HS
Thực hiện nhiệm vụ	
GV hoàn thiện phiếu đánh giá của mình và yêu cầu các nhóm tự đánh giá và cho điểm các thành viên trong nhóm cũng như đánh giá kết quả của nhóm khác. HS tự đánh giá trong nhóm một cách khách quan theo bảng phân công nhiệm vụ đã lập từ đầu.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình và kết quả của nhóm khác.	
Kết luận và nhận định	
GV tổng hợp các phiếu đánh giá và công bố kết quả của từng nhóm và cũng như của từng HS. GV tuyên dương, khen thưởng và ghi nhận sự cố gắng của các nhóm. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Xây dựng bộ câu hỏi gợi ý và các phiếu học tập

1. Xây dựng bộ câu hỏi gợi ý và các phiếu học tập

Phiếu học tập số 1.

Bảng 1. Bảng thành phần dinh dưỡng tính trên 100g của một số món ăn

Tên món ăn	Khối lượng thực phẩm (gam)	Năng lượng(kcal)
Cơm		
Cơm trắng	Gạo: 100	345
Món ăn mặn		
Thịt kho tiêu	Thịt lợn: 100	185
Thịt kho trứng	- Thịt lợn: 55 - Trứng vịt: 45	252
Gà kho gừng	- Thịt gà: 90 - Gừng: 10	243
Cá chuối kho	Cá chuối: 100	162
Sườn rang	Sườn lợn: 100	272
Trứng đúc thịt	- Thịt nạc: 70 - Trứng vịt: 30	277
Tép rang	Tép: 100	217
Món rau, món canh		
Bầu xào trứng	- Bầu: 84 - Trứng: 16	125
Giá đỗ xào thịt	- Giá đỗ: 50. Rau hẹ: 15 - Thịt lợn: 35	99
Canh bắp cải	- Bắp cải: 90 - Thịt nạc băm: 10	67
Canh bí đao	- Bí đao: 90 - Thịt nạc băm: 10	53
Canh rau ngót	- Rau ngót: 80 - Thịt nạc băm: 20	116
Rau muống luộc	Rau muống: 100	23
Nước chấm		
Nước mắm	100	21
Nước tương	100	40
Trái cây		
Bưởi	100	31
Dưa hấu	100	16
Đu đủ	100	35

Bảng 2. Nhu cầu dinh dưỡng cho người Việt Nam trong một ngày để đảm bảo hoạt động ở mức độ trung bình, được tính bằng đơn vị kcal.

Lứa tuổi	Nam	Nữ
0 - 2 tháng	405	405
3-5 tháng	505	505
6-8 tháng	769	769
9 -12 tháng	858	858
1-3 tuổi	1180	1180
4-6 tuổi	1470	1470

7-9 tuổi	1825	1825
10-12 tuổi	2110	2110
13-15 tuổi	2650	2205
16-18 tuổi	2980	2240
19-30 tuổi	2934	2154
31 - 60 tuổi	2634	2212
> 60 tuổi	2128	1962

1. Em hãy tính tổng nhu cầu dinh dưỡng của gia đình gồm bố mẹ có độ tuổi 31 - 60 tuổi; con 13-15 tuổi; con 4-6 tuổi

2. Để xây dựng được thực đơn cho bữa ăn hàng ngày cần tuân theo nguyên tắc nào

3. Quy trình thực hiện chế biến món ăn?

Phiếu học tập số 2

Câu 1.

1. Thành viên của gia đình gồm những ai?
2. Tìm hiểu về nhu cầu dinh dưỡng của các thành viên trong gia đình (tham khảo thông tin trong Bảng 6.1) và trình bày theo mẫu dưới đây

Thành viên	Giới tính	Độ tuổi	Nhu cầu dinh dưỡng/ 1 ngày

Câu 2. Tính tổng nhu cầu dinh dưỡng của các thành viên trong gia đình cho một bữa ăn (giả định bằng 1/3 nhu cầu dinh dưỡng cả ngày)

Thành viên trong gia đình	Tổng nhu cầu dinh dưỡng của các thành viên cho 1 bữa ăn

Câu 3. Xây dựng thực đơn bữa ăn hàng ngày để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho cả nhà đã tính toán ở câu 2

- Cơm.
- Món mặn:
- Món rau:
- Món canh
- Nước chấm:
- Hoa quả tráng miệng:

Câu 4: Lập danh sách các thực phẩm cần chuẩn bị bao gồm: tên thực phẩm, khối lượng, giá tiền.

Món ăn	Thực phẩm cần sử dụng	Số lượng	Giá tiền

Câu 5: Lựa chọn và chế biến một món ăn có trong thực đơn.

Tên món ăn:

Bước 1: Sơ chế nguyên liệu

.....

.....

Bước 2: Quy trình chế biến

.....

.....

.....

Bước 3: Trình bày món ăn

.....

.....

PHỤ LỤC 2. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Hoạt động 1: Tiết 1

Hoạt động 2: Thực hiện ở nhà 1 tuần

Hoạt động 3, 4: Tiết 2

PHỤ LỤC 3. CÁC PHIẾU ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**1. Hồ sơ của nhóm**

Tên nhóm:

Danh sách và vị trí nhân sự:

Vị trí	Mô tả nhiệm vụ	Tên thành viên
Nhóm trưởng	Quản lý các thành viên trong nhóm, hướng dẫn, góp ý, đôn đốc các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	
Thư kí		
Thành viên		
Thành viên		
Thành viên		

2. Phiếu đánh giá kết quả báo cáo dự án trước lớp**PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 1: ĐÁNH GIÁ BẢN BÁO CÁO DỰ ÁN BỮA ĂN KẾT NỐI YÊU THƯƠNG***Phiếu này được sử dụng để đánh giá nhóm khi báo cáo dự án bữa ăn kết nối yêu thương*

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đạt được
1.	Cấu trúc bài báo cáo đầy đủ nội dung, rõ ràng, chặt chẽ.	7	
2.	Diễn đạt tự tin trôi chảy, thuyết phục	2	
3.	Hình thức báo cáo đẹp, phong phú, hấp dẫn	1	
	Tổng điểm	10	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 2: ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM

Phiếu này được sử dụng để đánh giá nhóm khi giới thiệu sản phẩm món ăn kết nối yêu thương

Nhóm đánh giá:.....

TT	8 điểm	9 điểm	10 điểm
1	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa phù hợp khẩu vị, tâm trạng và sức khỏe của các thành viên trong gia đình. - Nguyên liệu, món ăn phải được chế biến từ những thực phẩm tươi ngon, hợp vệ sinh và tạo sự ngon miệng. - Gia vị trong món ăn chưa được phối hợp đúng cách, đúng liều lượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp khẩu vị, tâm trạng và sức khỏe của các thành viên trong gia đình. - Nguyên liệu, món ăn phải được chế biến từ những thực phẩm tươi ngon, hợp vệ sinh và tạo sự ngon miệng. - Gia vị trong món ăn chưa được phối hợp đúng cách, đúng liều lượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp khẩu vị, tâm trạng và sức khỏe của các thành viên trong gia đình. - Nguyên liệu, món ăn phải được chế biến từ những thực phẩm tươi ngon, hợp vệ sinh và tạo sự ngon miệng. - Gia vị trong món ăn phải được phối hợp đúng cách, đúng liều lượng
2	Món ăn được chế biến đúng quy trình	Món ăn được chế biến đúng quy trình	Món ăn được chế biến đúng quy trình
3	Chi phí cao hơn giá thành sản phẩm	Chi phí bằng giá thành sản phẩm	Chi phí thấp hơn giá thành sản phẩm

BÀI 7. TRANG PHỤC VÀ ĐỜI SỐNG**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:****1. Kiến thức**

- Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời sống.
- Phân loại, kể tên được một số trang phục cơ bản dùng trong đời sống.

2. Năng lực**2.1. Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời sống.
- Sử dụng công nghệ: Phân loại được một số trang phục cơ bản dùng trong đời sống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến trang phục trong đời sống, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 1.1.TC1d: Giải thích được rõ ràng chiến lược tìm kiếm các loại vải phổ biến và ưu, nhược điểm của chúng trên Internet.

+ 2.5.TC1c: Mô tả được các khía cạnh đa dạng về văn hóa trang phục các dân tộc được tìm thấy qua các thư viện ảnh số.

+ 4.2.TC1a: Giải thích được cách bảo vệ thông tin cá nhân khi truy cập các trang web tìm hiểu về thời trang.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV đưa ra hình ảnh về một số trang phục như sau</p>  <p>? Tại sao nói trang phục rất đa dạng và phong phú? Trang phục có thể được may từ những loại vải nào và có vai trò gì với đời sống con người? GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>- GV hướng dẫn HS truy cập các thư viện ảnh số hoặc bảo tàng trực tuyến để quan sát và mô tả các khía cạnh đa dạng về văn hóa trang phục của các dân tộc Việt Nam và thế giới.</p>	Hoàn thành nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Trang phục rất đa dạng và phong phú về màu sắc, hình dạng, chất liệu, kiểu may. Vậy trang phục có vai trò như thế nào đối với con người, được may từ những loại vải nào, để biết được thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu vai trò của trang phục (12')

- Mục tiêu: Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời sống
- Nội dung: Vai trò của trang phục trong đời sống.
- Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu khái niệm trang phục	
<p>GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát</p>  <p>Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút hoàn thành yêu cầu sau</p> <ol style="list-style-type: none"> Kể tên những vật dụng có trên người mẫu trên? Vật dụng nào là quan trọng nhất? <p>HS nhận nhiệm vụ.</p>	<p>I. Vai trò của trang phục</p> <p>- Trang phục là vật dụng cần thiết của con người, bao gồm các loại quần áo và một số vật dụng đi kèm như giày, thắt lưng, tất, khăn quàng, mũ,... Trong đó, quần áo là những vật dụng quan trọng nhất</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS xem hình ảnh chiếu</p> <p>HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút.</p> <p>GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau.</p> <p>HS đổi phiếu cho nhau.</p>	
Báo cáo, thảo luận	

GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu vai trò của trang phục

Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra PHT1 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ.	*Vai trò của trang phục - Che chở, bảo vệ cơ thể con người khỏi một số tác động có hại của thời tiết và môi trường - Góp phần tôn lên vẻ đẹp của người mặc - Có thể biết được một số thông tin cơ bản về người mặc như sở thích, nghề nghiệp.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận PHT1 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT1 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT1 của bạn. HS chấm điểm PHT1 của bạn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Nội dung 2. Tìm hiểu về một số loại trang phục (16')

- Mục tiêu: Phân loại, kể tên được một số trang phục cơ bản dùng trong đời sống.
- Nội dung: Một số loại trang phục
- Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV: Trang phục đa dạng và phong phú, có thể phân trang phục thành theo giới tính, theo lứa tuổi, theo thời tiết, theo công dụng GV chia lớp thành các nhóm (8HS/1 nhóm) GV phát cho mỗi nhóm các phiếu màu có ghi các cụm từ về các loại trang phục (trang phục nam, trang phục trẻ em..). GV yêu cầu các nhóm sắp xếp đúng các loại trang phục theo cách phân chia trên. Thời gian thảo luận 2 phút. - Bản trình bày chiến lược tìm kiếm thông tin trên	II. Một số loại trang phục - Theo giới tính: Trang phục nam, trang phục nữ. - Theo lứa tuổi: Trang phục trẻ em, trang phục thanh niên, trang phục trung niên, trang phục người cao tuổi. - Theo thời tiết: Trang phục mùa nóng, trang phục mùa lạnh. - Theo công dụng: Trang phục mặc

Internet (lựa chọn từ khóa, sử dụng công cụ lọc) để tìm hiểu về ưu, nhược điểm của các loại vải phổ biến dùng trong may mặc.	thường ngày, trang phục lễ hội, trang phục thể thao, trang phục bảo hộ lao động, trang phục biểu diễn nghệ thuật.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và sắp xếp đúng các loại trang phục theo cách phân chia trên. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.	
Báo cáo, thảo luận	
GV treo sơ đồ cây như sau lên bảng	



GV yêu cầu các nhóm lên dán ý kiến của mình lên bảng tương ứng với từng cách phân chia trang phục. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập (8')

- Mục tiêu: Củng cố kiến thức về trang phục trong đời sống*
- Nội dung: Trang phục trong đời sống*
- Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.*
- Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1. Lựa chọn 2 trong 4 tiêu chí phân loại trang phục: Theo thời tiết, theo giới tính, theo công dụng, theo lứa tuổi và phân nhóm các trang phục dưới đây theo tiêu chí trên.	Hoàn thành được bài tập.



HS nhận nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ	
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.	
Báo cáo, thảo luận	
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng (5')

- Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
- Nội dung: Trang phục trong đời sống
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Hãy kể tên một số loại trang phục thường mặc của em. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - HS thảo luận và giải thích các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân (như không cung cấp số điện thoại, địa chỉ, mật khẩu) khi truy cập các trang web hoặc ứng dụng di động để tìm hiểu về xu hướng thời trang.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	

HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1.

Cho các loại trang phục sau

B		
C		
D		
E		
G		
I		
K		

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Mô tả được một số đặc điểm cơ bản của trang phục làm cơ sở để lựa chọn trang
- Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng trang phục.
- Sử dụng công nghệ: *Lựa chọn loại vải phù hợp để may mặc.*

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận c
liên quan đến trang phục trong đời sống, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá t
đồng nhóm

Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Nhân vật	Loại trang phục	Vai trò
A		
B		
C		
D		
E		
G		
I		
K		

BÀI 7. TRANG PHỤC VÀ ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Mô tả được một số đặc điểm cơ bản của trang phục làm cơ sở để lựa chọn trang phục.
- Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn loại vải phù hợp để may mặc.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến trang phục trong đời sống, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

- Năng lực số:

- + 1.1.TC1d: Giải thích được rõ ràng chiến lược tìm kiếm các loại vải phổ biến và ưu, nhược điểm của chúng trên Internet.
- + 2.5.TC1c: Mô tả được các khía cạnh đa dạng về văn hóa trang phục các dân tộc được tìm thấy qua các thư viện ảnh số.
- + 4.2.TC1a: Giải thích được cách bảo vệ thông tin cá nhân khi truy cập các trang web tìm hiểu về thời trang.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV đưa ra hình ảnh về một số trang phục như sau</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">   </div> <p>? Mô tả màu sắc và kiểu dáng của các trang phục trên GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Trang phục rất đa dạng và phong phú về màu sắc, hình dạng, chất liệu, kiểu may. Vậy trang phục có đặc điểm như thế nào, được may từ những loại vải nào, để biết được thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.</p>	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu một số đặc điểm của trang phục (14')

- Mục tiêu: Mô tả được một số đặc điểm cơ bản của trang phục làm cơ sở để lựa chọn trang phục.
- Nội dung: Đặc điểm của trang phục
- Sản phẩm: Báo cáo nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	



GV chia lớp làm các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận nội dung sau. Thời gian là 3 phút
? Em hãy chỉ ra kiểu dáng, màu sắc, đường nét và họa tiết của hai bộ trang phục trên

- HS truy cập vào các thư viện ảnh số hoặc bảo tàng trực tuyến để quan sát và mô tả sự đa dạng về màu sắc, họa tiết trong trang phục truyền thống của các dân tộc Việt Nam.

III. Đặc điểm của trang phục

- Chất liệu là thành phần cơ bản để tạo ra trang phục. Chất liệu may trang phục đa dạng và có sự khác biệt về độ bền, độ dày, mỏng, độ nhàu và độ thấm hút.
- Kiểu dáng là hình dạng bề ngoài của trang phục, thể hiện tính thẩm mỹ, tính đa dạng của các bộ trang phục.
- Màu sắc là yếu tố quan trọng tạo nên vẻ đẹp của trang phục. Trang phục có thể sử dụng một màu hoặc phối hợp nhiều màu với nhau.
- Đường nét, họa tiết là yếu tố được dùng để trang trí, làm tăng vẻ đẹp và tạo hiệu ứng thẩm mỹ cho trang phục như đường kẻ, đường cong, đăng ten, nơ, ren,...

Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm, tiến hành thảo luận và hoàn thành yêu cầu GV.
GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.
Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.
GV chốt lại kiến thức.
HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.

Nội dung 2: Tìm hiểu một số loại vải thông dụng để may trang phục (14')

- Mục tiêu: Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.
- Nội dung: Chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo nhóm.
- Tổ chức hoạt động

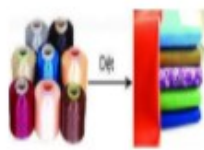
Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu một số loại vải thông dụng để may quần áo	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau:	IV. Một số loại vải thông dụng để may quần áo *Vải sợi thiên nhiên: - Nguồn gốc: Được dệt bằng các sợi có nguồn gốc từ thiên



Hình 4.1. Sơ đồ quy trình sản xuất vải sợi thiên nhiên



Hình 4.2. Sơ đồ quy trình sản xuất vải sợi hoá học



Sợi 1 + Sợi 2 → Sợi pha
Quy trình sản xuất sợi pha

GV chia lớp thành các nhóm.(8HS/nhóm)

GV yêu cầu các nhóm tiến hành thảo luận và hoàn thành PHT2.

- GV hướng dẫn HS sử dụng công cụ tìm kiếm

Sợi 1 + Sợi 2

Sợi pha

Quy trình sản xuất sợi pha

GV chia lớp thành các nhóm (8HS/nhóm)

GV yêu cầu các nhóm tiến hành thảo luận và hoàn thành PHT2.

- GV hướng dẫn HS sử dụng công cụ tìm kiếm trên Internet, thực hiện tìm kiếm với các từ khóa về “ưu nhược điểm vải sợi thiên nhiên”, “vải sợi hóa học” để hoàn thành phiếu học tập.

- HS thảo luận về cách lựa chọn các kết quả tìm kiếm phù hợp và giải thích lý do chọn nguồn thông tin đó.

nhiên như sợi bông (cotton), sợi tơ tằm, sợi len,...

- Tính chất:

+ Vải sợi bông, vải tơ tằm có độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát nhưng dễ bị nhàu.

+ Vải len có khả năng giữ nhiệt tốt.

*Vải sợi hoá học: gồm vải sợi nhân tạo và vải sợi tổng hợp.

- Vải sợi nhân tạo:

+ Nguồn gốc: Được dệt bằng các loại sợi có nguồn gốc từ gỗ, tre, nứa,... như sợi vít-cô (viscose), sợi a-xê-tát (acetate),...

+ Tính chất: có độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát, ít nhàu.

- Vải sợi tổng hợp:

+ Nguồn gốc: Được dệt bằng các loại sợi có nguồn gốc từ than đá, dầu mỏ,... như sợi ni-lông (nylon), sợi pô-li-ét-te (polyester),...

+ Tính chất: bền, đẹp, giặt nhanh khô, không bị nhàu nhưng có độ hút ẩm thấp, mặc không thoáng mát.

- Vải sợi pha:

+ Nguồn gốc: được dệt bằng sợi có sự kết hợp từ hai hoặc nhiều loại sợi khác nhau.

+ Tính chất: có ưu điểm của các loại sợi thành phần.

Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành nội dung yêu cầu của GV.
GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.
Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.
GV chốt lại kiến thức.
HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.

Nhiệm vụ 2. Định hướng nghề nghiệp

Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu một video về nghề dệt lụa cho HS GV yêu cầu HS xem và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi sau trong thời gian là 2 phút. ? Nghề dệt lụa thường có ở vùng nào nước ta ? Sản phẩm của nghề dệt lụa HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	*Nghề dệt lụa - Nghề dệt lụa là một nghề lâu đời ở Việt Nam, với những làng nghề truyền thống như làng lụa Vạn Phúc, Bảo Lộc, Mã Châu, Tân Châu, Nha Xá,... Đây vừa là nơi sản xuất ra các sản phẩm lụa nổi tiếng, vừa là các điểm tham quan du lịch văn hóa đặc sắc
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập (8')

- a. Mục tiêu: *Củng cố kiến thức về trang phục trong đời sống*
- b. Nội dung: *Trang phục trong đời sống*
- c. Sản phẩm: *Hoàn thành được bài tập.*
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập sau Bài tập 2: _____ cùng bàn trao đổi, thảo luận và hoàn thành bài tập. _____ theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn. Báo cáo, thảo luận _____ yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. _____ đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Kết luận và nhận định _____ nhận xét, đánh giá trình bày của HS. _____ chốt lại kiến thức. _____ nghe và ghi nhớ	Hoàn thành bài tập

<p>Hãy đọc những thông tin ở hình a, b, c, cho biết trang phục đó được làm từ loại vải nào? Trong ba loại vải này, em thích chọn áo được làm từ loại vải nào hơn? Tại sao?</p> <p>GV yêu cầu HS cùng bàn, trao đổi thảo luận và hoàn thành bài tập trong thời gian 2 phút</p>	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS cùng bàn trao đổi, thảo luận và hoàn thành bài tập. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng (5')

- Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.*
- Nội dung: Trang phục trong đời sống*
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.*

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Hãy kể tên một số loại trang phục thường mặc của em và tìm hiểu loại vải để may các trang phục đó. Với thời tiết mùa hè, em sẽ chọn quần áo làm từ loại vải nào? 2. Hãy tìm hiểu loại vải thường dùng để may trang phục truyền thống đặc trưng cho dân tộc của em hoặc nơi em đang sinh sống. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - GV lồng ghép hướng dẫn HS cách nhận diện các trang web thời trang uy tín và nhắc nhở HS không cung cấp thông tin cá nhân (họ tên, địa chỉ, số điện thoại) khi truy cập các trang web lạ để tìm hiểu tư liệu về trang phục dân tộc.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

BÀI 8. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TRANG PHỤC

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được cách lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến sử dụng và bảo quản trang phục, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

- Năng lực số:

- + 3.4.TC1a: Liệt kê được các hướng dẫn thực hiện theo quy trình giặt, phơi trang phục dưới dạng các bước thuật toán đơn giản.
- + 1.3.TC1b: Sắp xếp các ký hiệu giặt là một cách trật tự trong một bảng tra cứu số cá nhân để dễ truy xuất.
- + 5.2.TC1c: Chọn được cách tùy chỉnh môi trường số (như ứng dụng quản lý tủ đồ) theo nhu cầu cá nhân để phối hợp trang phục.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới
- b. Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Làm thế nào để có những bộ trang phục đẹp, bền? Mỗi người có thể lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục của mình như thế nào cho đúng? GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và	

bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Để những bộ trang phục luôn bền và đẹp thì phải sử dụng và bảo quản trang phục cho đúng. Vậy làm thế nào để sử dụng và bảo quản cho đúng thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu cách lựa chọn trang phục (18')

- Mục tiêu: Lựa chọn được trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể*
- Nội dung: Lựa chọn trang phục*
- Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.*
- Tổ chức hoạt động*

GV giới thiệu và hướng dẫn HS cách tìm kiếm hoặc tùy chỉnh các ứng dụng quản lý tủ đồ ảo trên thiết bị số để hỗ trợ việc lựa chọn và phối hợp trang phục theo nhu cầu cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu ảnh hưởng của màu sắc, hoa văn đến vóc dáng người mặc	
Chuyển giao nhiệm vụ	
Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút hoàn thành yêu cầu sau: 1. Nhận xét về vóc dáng của người mặc khi sử dụng trang phục có cùng kiểu may nhưng khác màu sắc và hoa văn. HS nhận nhiệm vụ.	I. Lựa chọn trang phục - Màu sắc, hoa văn của trang phục ảnh hưởng đến vóc dáng của người mặc, làm người mặc có thể béo ra, thấp đi hoặc gầy đi, cao lên.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS xem hình ảnh chiếu HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút. GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức.	

HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu ảnh hưởng kiểu may đến vóc dáng người mặc	
Chuyển giao nhiệm vụ	
? Nhận xét về vóc dáng của người mặc khi sử dụng trang phục có cùng màu sắc nhưng khác kiểu may. GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	- Kiểu may của trang phục ảnh hưởng đến vóc dáng của người mặc, làm người mặc có thể béo ra, thấp đi hoặc gầy đi, cao lên.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	
Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu lựa chọn trang phục dựa trên hiệu ứng thẩm mỹ	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chia lớp thành các nhóm (8HS/1 nhóm) GV phát cho mỗi nhóm các phiếu mẫu có ghi các cụm từ về chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc. GV yêu cầu các nhóm sắp xếp đúng các ảnh hưởng của chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc. Thời gian thảo luận 2 phút.	- Lựa chọn trang phục có chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết làm cho người mặc có cảm giác gầy đi hoặc cao lên; hoặc người mặc có cảm giác béo ra thấp xuống.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và ảnh hưởng của chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh khi gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm lên dán ý kiến của mình lên bảng tương ứng với từng chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết ảnh hưởng tới vóc dáng người mặc. Đại diện nhóm trình bày ý kiến	

của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Nội dung 2. Tìm hiểu cách lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi (10')

- a. Mục tiêu: Lựa chọn được trang phục phù hợp với lứa tuổi*
- b. Nội dung: Lựa chọn trang phục*
- c. Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.*
- d. Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
? Nhận xét về kiểu dáng và màu sắc của mỗi lứa tuổi: Người lớn tuổi, trẻ em, thanh thiếu niên GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	- Lựa chọn trang phục dựa trên lứa tuổi. - Lựa chọn trang phục còn phù hợp điều kiện làm việc; sở thích về màu sắc, kiểu dáng trang phục. - Lựa chọn trang phục phù hợp điều kiện tài chính của gia đình.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 3: Luyện tập (8')

- a. Mục tiêu: củng cố kiến thức về sử dụng và bảo quản trang phục*
- b. Nội dung: Sử dụng và bảo quản trang phục*
- c. Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.*
- d. Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	

Ảnh hưởng của đường nét, họa tiết hường của kiểu dáng HS nhận nhiệm vụ.	Ảnh	Hoàn thành được bài tập.
- Một bảng tra cứu kỹ thuật số (file tài liệu hoặc bảng tính) sắp xếp các ký hiệu giặt là một cách có hệ thống, giúp dễ dàng truy xuất thông tin khi thực hành bảo quản trang phục.		
Thực hiện nhiệm vụ		
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.		
Báo cáo, thảo luận		
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.		
Kết luận và nhận định		
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.		

Hoạt động 4: Vận dụng (5')

- a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
- b. Nội dung: Sử dụng và bảo quản trang phục
- c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
- HS thực hiện liệt kê các bước trong quy trình giặt và phơi trang phục tại nhà dưới dạng một chuỗi các chỉ dẫn (thuật toán đơn giản) trên ứng dụng ghi chú hoặc công cụ soạn thảo văn bản.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

BÀI 8. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TRANG PHỤC (T2)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Sử dụng được một số loại hình trang phục thông dụng

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quy trình sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.
- Sử dụng công nghệ: Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến sử dụng và bảo quản trang phục, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

- Năng lực số:

- + 3.4.TC1a: Liệt kê được các hướng dẫn thực hiện theo quy trình giặt, phơi trang phục dưới dạng các bước thuật toán đơn giản.
- + 1.3.TC1b: Sắp xếp các ký hiệu giặt là một cách trật tự trong một bảng tra cứu số cá nhân để dễ truy xuất.
- + 5.2.TC1c: Chọn được cách tùy chỉnh môi trường số (như ứng dụng quản lý tủ đồ) theo nhu cầu cá nhân để phối hợp trang phục.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Làm thế nào để có những bộ trang phục đẹp, bền? Mỗi người có thể sử dụng của mình như thế nào cho đúng? GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Để những bộ trang phục luôn bền và đẹp thì phải sử dụng cho đúng. Vậy làm thế nào để sử dụng cho đúng thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**Nội dung 2. Tìm hiểu cách sử dụng trang phục (12')**

a. Mục tiêu: Sử dụng được một số loại hình trang phục thông dụng

b. Nội dung: Cách sử dụng trang phục

c. Sản phẩm: Báo cáo hoạt động nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
- Bảng tra cứu số cá nhân (file ảnh hoặc bảng tính) sắp xếp các ký hiệu giặt là một cách trật tự, khoa học để dễ dàng tra cứu khi sử dụng.	- Trang phục để sử dụng cho một số hoạt động chủ yếu: + Trang phục đi học: có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hòa; thường được may từ vải sợi pha. + Trang phục lao động: có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động;

	<p>có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông.</p> <p>+ Trang phục dự lễ hội: có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể là trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội.</p> <p>+ Trang phục mặc ở nhà: có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh khi gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Nội dung 2. Tìm hiểu cách phối hợp trang phục (16')

- Mục tiêu: Phối hợp được một số loại hình trang phục thông dụng*
- Nội dung: Cách phối hợp trang phục*
- Sản phẩm: Báo cáo hoạt động nhóm.*
- Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu cách phối hợp về họa tiết	
Chuyển giao nhiệm vụ	
- GV hướng dẫn HS truy cập các ứng dụng quản lý tủ đồ ảo hoặc trang web thời trang để thực hành lựa chọn và phối hợp trang phục theo nhu cầu cá nhân.	2. Cách phối hợp trang phục - Phối hợp về họa tiết: Vải hoa hợp với vải trơn có màu trùng với một trong các màu chính của vải hoa. Không nên mặc áo và quần có hai dạng họa tiết khác nhau.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu về cách phối hợp màu sắc của trang phục	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV phát giấy màu A4 cho các nhóm (mỗi nhóm là một màu), yêu cầu các nhóm ghi ý kiến của nhóm mình về cách phối màu sắc quần và áo ở trang phục a, b, c, d dựa trên vòng tròn màu HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	2. Cách phối hợp trang phục - Phối hợp về màu sắc: + Sử dụng một màu hoặc kết hợp các sắc độ trong cùng một màu. + Kết hợp nhiều màu với nhau như: màu đối nhau, các màu cạnh nhau,... trên vòng màu cơ bản. + Màu trắng hoặc màu đen có thể kết hợp với bất kì màu nào.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận giấy A4, nhận nhóm, phân công nhiệm vụ trong nhóm, tiến hành thảo luận và ghi ý kiến về cách phối màu sắc quần và áo ở trang phục a, b, c, d dựa trên vòng tròn màu lên giấy A4 GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV kẻ một phần bảng thành bốn phần tương ứng với trang phục a, b, c, d. GV yêu cầu đại diện nhóm lên dán ý kiến của mình trên bảng. Đại diện của nhóm lên dán ý kiến của nhóm mình lên bảng. GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 3: Luyện tập (8')

- Mục tiêu: củng cố kiến thức về sử dụng và bảo quản trang phục*
- Nội dung: Sử dụng và bảo quản trang phục*
- Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.*

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
1.1. Phối hợp về họa tiết	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS cùng bàn, trao đổi thảo luận và hoàn thành bài tập trong thời gian 2 phút.	Hoàn thành bài tập
- Xây dựng danh sách các hướng dẫn thực hiện quy trình giặt và phơi trang phục, trình bày dưới dạng các bước thuật toán đơn giản (đầu vào -> các bước xử lý -> đầu ra).	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS cùng bàn trao đổi, thảo luận và hoàn thành bài tập. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	
2.2. Phối hợp về màu sắc	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS cùng bàn, trao đổi thảo luận và hoàn thành bài tập trong thời gian 2 phút.	Hoàn thành bài tập
Thực hiện nhiệm vụ	
HS cùng bàn trao đổi, thảo luận và hoàn thành bài tập. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng (5')

- a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
 b. Nội dung: Sử dụng và bảo quản trang phục
 c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
 d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Đề xuất phương án bảo quản các loại trang phục trong gia đình em. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1.

Cho các loại trang phục sau



Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Trang phục	Kiểu may	Màu sắc	Chất liệu vải
Trang phục đi học			
Trang phục lao động			
Trang phục lễ hội			

Trang phục mặc ở nhà			
----------------------	--	--	--

BÀI 8. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TRANG PHỤC (T3)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quy trình sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.
- Sử dụng công nghệ: Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến sử dụng và bảo quản trang phục, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

- Năng lực số:

- + 3.4.TC1a: Liệt kê được các hướng dẫn thực hiện theo quy trình giặt, phơi trang phục dưới dạng các bước thuật toán đơn giản.
- + 1.3.TC1b: Sắp xếp các ký hiệu giặt là một cách trật tự trong một bảng tra cứu số cá nhân để dễ truy xuất.
- + 5.2.TC1c: Chọn được cách tùy chỉnh môi trường số (như ứng dụng quản lý tủ đồ) theo nhu cầu cá nhân để phối hợp trang phục.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Làm thế nào để có những bộ trang phục đẹp, bền? Mỗi người có thể bảo quản trang phục của mình như thế nào cho đúng? GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Để những bộ trang phục luôn bền và đẹp thì phải bảo quản trang phục cho đúng. Vậy làm thế nào để bảo quản cho đúng thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**Nội dung 3. Tìm hiểu cách sử dụng trang phục (28')**

a. Mục tiêu: Bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng

b. Nội dung: Cách sử dụng trang phục

c. Sản phẩm: Báo cáo nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu mục đích và các bước của bảo quản quần áo	
Chuyển giao nhiệm vụ	
Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút hoàn thành yêu cầu sau: 1. Bảo quản trang phục đúng cách có tác dụng gì?	III. Bảo quản trang phục * Mục đích của bảo quản trang phục - Bảo quản trang phục đúng cách sẽ giúp quần

	áo giữ được vẻ đẹp và độ bền cao.
2. Nêu các bước để bảo quản trang phục? HS nhận nhiệm vụ	- Bảo quản trang phục gồm các bước: Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút. GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu cách làm sạch trang phục	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu HS quan sát video quy trình giặt ướn và giặt khô. GV đưa ra PHT2 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ. - HS thực hiện liệt kê các bước trong quy trình giặt trang phục dưới dạng các bước thuật toán đơn giản (sử dụng sơ đồ khối hoặc danh sách các bước logic) trên các công cụ sơ đồ tư duy trực tuyến hoặc ứng dụng ghi chú.	1. Làm sạch - Giặt ướn: + Làm sạch quần áo trong nước kết hợp với các loại bột giặt, nước giặt,... + Giặt ướn bằng tay hoặc sử dụng máy giặt. + Áp dụng với quần áo sử dụng hằng ngày. Giặt khô: + Làm sạch vết bẩn bằng hoá chất, không dùng nước. + Áp dụng với quần áo được làm từ len, tơ tằm, da, lông vũ,...
Thực hiện nhiệm vụ	
HS xem video HS nhận PHT2 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT2 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT2 của bạn. HS chấm điểm PHT2 của bạn.	
Báo cáo, thảo luận	

GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	
Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu phương pháp làm khô	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV: Có hai cách cơ bản để làm khô quần áo là phơi và sấy khô. GV chia lớp làm các nhóm, phát phiếu giấy màu cho các nhóm (mỗi nhóm 1 màu) ghi nội dung khái niệm, ưu và nhược điểm của phơi và sấy khô. GV yêu cầu các nhóm thảo luận và sắp xếp đúng các ý về khái niệm, ưu và nhược điểm của phơi và sấy khô. Thời gian 2 phút. - HS thực hiện liệt kê các bước trong quy trình phơi trang phục dưới dạng các bước thuật toán đơn giản (sử dụng sơ đồ khối hoặc danh sách các bước logic) trên các công cụ sơ đồ tư duy trực tuyến hoặc ứng dụng ghi chú.	2. Làm khô - Phơi: + Khái niệm: làm khô quần áo bằng cách phơi ở nơi thoáng gió, có ánh nắng. + Ưu điểm: tiết kiệm chi phí. + Nhược điểm: nhưng phụ thuộc vào thời tiết và tốn nhiều thời gian. - Sấy: + Khái niệm: làm khô quần áo bằng máy móc. + Ưu điểm: giúp quần áo khô nhanh, không phụ thuộc vào thời tiết. + Nhược điểm: tiêu hao điện năng.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, nhận phiếu, phân công nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV chia một phần bảng làm 2 phần và yêu cầu đại diện nhóm lên bảng dán ý kiến của nhóm mình. Đại diện nhóm lên bảng dán ý kiến của nhóm mình. GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	
Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu phương pháp làm khô	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chia lớp làm các nhóm, yêu cầu các nhóm	3. Làm phẳng

thảo luận nội dung sau. Thời gian là 3 phút
 Bài tập 1: Em hãy nối nội dung của cột A với nội dung của cột B sao cho phù hợp

	b. Khi là xong, rút phích cắm, dựng bàn là, chờ bàn là nguội, cất nơi quy định.
	c. Chuẩn bị bàn là, cầu là, bình phun nước
	d. Là theo chiều dọc vải.
	e. Trước khi là cần phun ẩm quần áo.

- Có nhiều phương pháp khác nhau, trong đó phương pháp phổ biến là sử dụng bàn là.
 - Phương pháp sử dụng bàn là:
 + Chuẩn bị các dụng cụ như bàn là, cầu là, bình phun nước.
 + Thao tác là: Khi là, cần điều chỉnh nhiệt độ của bàn là phù hợp với từng loại vải. Đối với một số loại vải, trước khi là cần phun nước làm ẩm vải. Trong khi là, không để bàn là lâu ở một chỗ trên mặt vải. Là xong, rút phích cắm điện, dựng bàn là, chờ bàn là nguội cất vào nơi quy định.

Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm, tiến hành thảo luận và hoàn thành yêu cầu GV.
 GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.
 Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.
 GV chốt lại kiến thức.
 HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.

Nhiệm vụ 4. Tìm hiểu cất giữ quần áo

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát tủ quần áo dưới đây

4. Cất giữ
 - Với những quần áo sử dụng thường xuyên cần treo bằng mắc áo hoặc gấp và xếp gọn gàng vào ngăn tủ theo từng loại.
 - Những quần áo chưa dùng đến cần gói trong túi để tránh ẩm, mốc,...



GV yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi
 ? Loại quần áo nào nên treo vào móc
 ? Loại quần áo nào nên gấp gọn trong tủ

Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, tự suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo, thảo luận

1-2 HS trả lời câu hỏi
 HS khác nhận xét và bổ sung

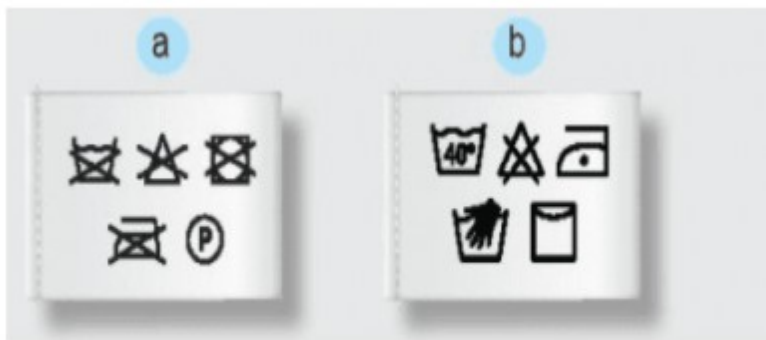
Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.
 GV chốt lại kiến thức.
 HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.
 GV hướng dẫn HS cách tuân theo các kí hiệu
 quy định chế độ giặt, là, sấy ghi trên nhãn
 hiệu quần áo ở bảng 8.2 (SGK-T50)

Hoạt động 3: Luyện tập (8')

- a. Mục tiêu: *Củng cố kiến thức về sử dụng và bảo quản trang phục*
 b. Nội dung: *Sử dụng và bảo quản trang phục*
 c. Sản phẩm: *Hoàn thành được bài tập.*
 d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
1. Làm sạch trang phục	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập:	Hoàn thành được bài tập.



Sắp xếp các bước trên theo thứ tự phù hợp với các bước giặt bằng tay

HS nhận nhiệm vụ.

- Bảng tra cứu số cá nhân chứa các ký hiệu giặt là được sắp xếp trật tự khoa học trên thiết bị số giúp học sinh dễ dàng tra cứu và đối chiếu khi thực hiện bảo quản sản phẩm thực tế.

Thực hiện nhiệm vụ

HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.

Báo cáo, thảo luận

1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.
GV khen bạn có kết quả tốt nhất.
HS nghe và ghi nhớ.

2. Cất giữ

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS làm bài tập sau:
Bài tập. Dựa vào bảng 8.2 cho biết thông tin bảo quản sản phẩm trên nhãn quần áo a, b

Hoàn thành được bài tập.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà

Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.
GV khen bạn có kết quả tốt nhất.
HS nghe và ghi nhớ.
HS nhận nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ

HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.

Báo cáo, thảo luận

1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng (5')

- a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
b. Nội dung: Sử dụng và bảo quản trang phục
c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Em hãy mô tả cách bố trí, sắp xếp tủ quần áo của gia đình sao cho hợp lí, ngăn nắp, gọn gàng. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - Tìm hiểu và lựa chọn một ứng dụng quản lý tủ đồ số (như Smart Closet, Your Closet...) để thực hành tùy chỉnh môi trường số theo nhu cầu cá nhân, hỗ trợ việc sắp xếp, phối hợp và quản lý trang phục gia đình một cách khoa học.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1.

Cho các loại trang phục sau



Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Trang phục	Kiểu may	Màu sắc	Chất liệu vải
Trang phục đi học			
Trang phục lao động			
Trang phục lễ hội			
Trang phục mặc ở nhà			

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 2.

Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Làm sạch	Cách tiến hành	Áp dụng
Giặt ướt		
Giặt khô		

BÀI 9. THỜI TRANG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.
- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được những kiến thức cơ bản về thời trang. Nhận biết được phong cách thời trang.
- Sử dụng công nghệ: Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân
- Đánh giá công nghệ: Đánh giá được xu hướng, phong cách thời trang.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thời trang, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 3.1.TC1b: Thể hiện phong cách thời trang của bản thân thông qua việc tạo ra các bộ sưu tập ảnh hoặc poster thời trang số.
- + 5.3.TC1b: Gắn kết cá nhân vào quá trình xử lý tư duy để lựa chọn phong cách thời trang phù hợp thông qua các ứng dụng thực tế ảo đơn giản.
- + 6.2.TC1a: Sử dụng được các công cụ hỗ trợ bởi AI đơn giản để gợi ý phối màu trang phục theo vòng tròn màu sắc.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau	Hoàn thành nhiệm vụ.



Đây là hình ảnh ăn mặc thời trang. Vậy thế nào là ăn mặc thời trang?
Phong cách thời trang là gì? Có những phong cách thời trang thường gặp trong cuộc sống?
GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên
HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên.
GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.
Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.
GV chốt lại kiến thức.
GV dẫn dắt vào bài mới: Ngành công nghiệp thời trang bao gồm các lĩnh vực như thiết kế, sản xuất, phân phối, quảng bá và tiêu thụ... các loại trang phục. Vậy thời trang là gì, có những phong cách thời trang nào trong cuộc sống. Để hiểu rõ hơn thì chúng ta vào bài hôm nay.
HS định hình nhiệm vụ học tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu thời trang trong cuộc sống (14')

- Mục tiêu: Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.
- Nội dung: Thời trang trong cuộc sống
- Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu khái niệm thời trang	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát	I. Thời trang trong cuộc sống - Thời trang là cách mặc, trang điểm phổ biến trong xã hội tại một thời điểm nào đó; giúp người mặc trở nên tự tin hơn, thể hiện

<p>GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát</p>  <p>Thời trang phụ nữ thế kỉ XIX Thời trang phụ nữ hiện nay ? Hãy nêu sự khác biệt về thời trang của phụ nữ Việt Nam ở thời kì thế kỉ XIX và hiện nay. GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên. HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	<p>bản thân và sự tôn trọng người khác.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng và xu thế phát triển thời trang hiện nay	
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV phân chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm tiến hành thảo luận và hoàn thành nội dung dưới trong thời gian 3 phút. 1. Các yếu tố làm thời trang thay đổi? 2. Xu hướng của thời trang hiện nay là gì?</p>	<p>I. Thời trang trong cuộc sống - Thời trang thay đổi do ảnh hưởng của các yếu tố như văn hoá, xã hội, kinh tế, sự phát triển khoa học và công nghệ,... - Xu hướng chung của thời trang là đơn giản, tiện dụng với kiểu dáng, chất liệu, màu sắc đa dạng, phong phú.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	

Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	
1.1. Tìm hiểu lựa chọn trang phục dựa trên hiệu ứng thẩm mỹ	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chia lớp thành các nhóm (8HS/1 nhóm). GV phát cho mỗi nhóm các phiếu màu có ghi các cụm từ về chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc. GV yêu cầu các nhóm sắp xếp đúng các ảnh hưởng của chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc. Thời gian thảo luận 2 phút. Tìm hiểu cách sử dụng các công cụ hỗ trợ bởi AI đơn giản để gợi ý phối màu trang phục theo vòng tròn màu sắc.	- Lựa chọn trang phục có chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết làm cho người mặc có cảm giác gầy đi hoặc cao lên; hoặc người mặc có cảm giác béo ra, thấp xuống.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh khi gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Nội dung 2. Tìm hiểu một số phong cách thời trang (14')

- Mục tiêu: Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân
- Nội dung: Phong cách thời trang
- Sản phẩm: Báo cáo hoạt động nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu phong cách thời trang là gì	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS quan sát một số phong cách thời trang	II. Cách sử dụng trang phục II. Một số phong cách thời trang * Phong cách thời trang là gì Phong cách thời trang là cách mặc trang phục hợp thời, tạo nét độc đáo riêng cho từng cá nhân và được lựa chọn bởi tính cách, sở thích của người mặc.
 <p><i>Phong cách thể thao</i></p>  <p><i>Phong cách cổ điển</i></p> <p>Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút nêu phong cách thời trang là gì?</p>	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút.	

GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau.																
Báo cáo, thảo luận																
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn.																
Kết luận và nhận định																
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.																
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu một số phong cách thời trang																
Chuyển giao nhiệm vụ																
<p>GV: Có 4 phong cách thời trang là phong cách cổ điển, phong cách thể thao, phong cách dân gian, phong cách lãng mạn. GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau.</p> <div><div></div><div></div></div> <p>Phong cách thể thao</p> <p>Phong cách cổ điển</p> <p>Phong cách dân gian</p> <p>Phong cách lãng mạn</p> <p>GV chia lớp làm các nhóm, phát phiếu giấy màu cho các nhóm (mỗi nhóm 1 màu) ghi kiểu may, ứng dụng của các phong cách thời trang. GV yêu cầu các nhóm thảo luận và sắp xếp đúng các ý kiểu may và ứng dụng đối với từng phong cách thời trang. Thời gian 3 phút.</p> <p>- HS sử dụng các ứng dụng thực tế ảo đơn giản hoặc phần mềm mô phỏng thời trang để trải nghiệm và lựa chọn phong cách phù hợp với bản thân.</p>	<p>* Một số phong cách thời trang</p> <p>- Phong cách cổ điển: Trang phục có hình thức giản dị, nghiêm túc, lịch sự, tôn vẻ đẹp tự nhiên của cơ thể; phù hợp với nhiều người, được sử dụng khi đi học, đi làm hay tham gia các sự kiện có tính chất trang trọng.</p> <p>- Phong cách thể thao: Trang phục được thiết kế đơn giản, có những đường nét mạnh mẽ và khoẻ khoắn; thoải mái và linh hoạt cho mọi hoạt động.</p> <p>- Phong cách dân gian: Trang phục được thiết kế có nét đặc trưng của trang phục dân tộc về hoa văn, chất liệu, kiểu dáng; vừa mang vẻ hiện đại vừa đậm nét văn hoá của mỗi dân tộc.</p> <p>- Phong cách lãng mạn: Trang phục thể hiện sự nhẹ nhàng, mềm mại thông qua các đường cong, đường uốn lượn; thường sử dụng cho phụ nữ.</p>															
Thực hiện nhiệm vụ																
HS nhận nhóm, nhận phiếu, phân công nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.																
Báo cáo, thảo luận																
GV treo bảng cam như sau lên bảng																
<table><tr><th>Phong cách</th><th>Kiểu may</th><th>Ứng dụng</th></tr><tr><td>Phong cách cổ điển</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Phong cách thể thao</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Phong cách dân gian</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Phong cách lãng mạn</td><td></td><td></td></tr></table>	Phong cách	Kiểu may	Ứng dụng	Phong cách cổ điển			Phong cách thể thao			Phong cách dân gian			Phong cách lãng mạn			
Phong cách	Kiểu may	Ứng dụng														
Phong cách cổ điển																
Phong cách thể thao																
Phong cách dân gian																
Phong cách lãng mạn																

GV yêu cầu các nhóm lên dán ý kiến của mình lên bảng tương ứng với từng các ý kiểu may và ứng dụng đối với từng phong cách thời trang tương ứng. GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	
Nhiệm vụ 3. Định hướng nghề nghiệp	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu một video về nghề thiết kế thời trang. GV yêu cầu HS xem và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi sau trong thời gian là 2 phút. ? Người làm nghề thiết kế thời trang làm ở đâu? ? Công việc chính của nghề thiết kế thời trang là gì? HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	* Thiết kế thời trang - Thiết kế thời trang là ngành nghề trực tiếp thiết kế, cắt, may các kiểu sản phẩm may từ cơ bản đến phức tạp. - Người làm nghề thiết kế thời trang thường làm việc tại các cửa hàng may đo, quản lí và điều hành công việc thiết kế tại các doanh nghiệp may.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập (8')

- Mục tiêu: củng cố kiến thức về thời trang
- Nội dung: Thời trang
- Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Luyện tập kiến thức về một số phong cách thời trang	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1. Cho biết bộ trang phục hình a, b, c, d thuộc phong cách thời trang nào?	Hoàn thành được bài tập.
	

HS nhận nhiệm vụ.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.	
Báo cáo, thảo luận	
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng (5')

- a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
- b. Nội dung: Thời trang
- c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Hãy tìm hiểu một số phong cách thời trang hiện nay và lựa chọn phong cách mà em thích. 2. Hãy cho biết phong cách thời trang của các thành viên trong gia đình em, đưa ra ý kiến điều chỉnh nếu cần. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - Bộ sưu tập ảnh hoặc poster thời trang số (thiết kế trên Canva, PowerPoint...) thể hiện phong cách cá nhân.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

BÀI 10. KHÁI QUÁT VỀ ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH(T1)**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:** Sau bài học này học sinh phải:**1. Kiến thức**

- Kể được tên một số đồ dùng điện trong gia đình.
- Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.

2. Năng lực**2.1. Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện gia đình.
- Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về đồ dùng điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 1.2.TC1a: Thực hiện phân tích, đánh giá độ chính xác của các thông số kỹ thuật trên nhãn năng lượng số của đồ dùng điện.
- + 5.1.TC1a: Chỉ ra được các vấn đề kỹ thuật thông thường khi vận hành đồ dùng điện được mô tả trong các tài liệu hướng dẫn số.
- + 4.1.TC1a: Chỉ ra được những cách thức cơ bản để bảo vệ các thiết bị điện tử và đồ dùng điện trong gia đình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4, A0, A3. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh. power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới
- Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau	Hoàn thành nhiệm vụ.



Đồ dùng điện giúp nâng cao sự tiện nghi trong gia đình như thế nào? Làm thế nào để lựa chọn, sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn, hiệu quả?

GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên.

GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

GV dẫn dắt vào bài mới: Đồ dùng điện giúp nâng cao sự tiện nghi trong gia đình. Có những đồ dùng điện nào, nguyên lý và công dụng ra sao. Khi lựa chọn và sử dụng như thế nào để đem lại hiệu quả, an toàn cũng như tiết kiệm năng lượng thì chúng ta vào bài hôm nay.

HS định hình nhiệm vụ học tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu đồ dùng điện trong gia đình(14')

a. Mục tiêu: Kể được tên một số đồ dùng điện trong gia đình.

b. Nội dung: Đồ dùng điện trong gia đình

c. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập. Báo cáo nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Chuyển giao nhiệm vụ

<p>GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát</p>  <p>Giáo viên yêu cầu HS quan sát, tiến hành hoạt động nhóm và hoàn thành PHT1 trong thời gian 3 phút. HS nhận nhiệm vụ.</p>	<p>I. Đồ dùng điện trong gia đình</p> <p>Đồ dùng điện trong gia đình là các sản phẩm công nghệ, hoạt động bằng năng lượng điện, phục vụ sinh hoạt trong gia đình.</p>
---	--

Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành PHT1. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	

Nội dung 2. Tìm hiểu thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình(14')

- Mục tiêu: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình
- Nội dung: Thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình
- Sản phẩm: Báo cáo hoạt động nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau</p>	<p>II. Thông số kỹ thuật của đồ dùng điện - Thông số kỹ thuật của đồ dùng điện bao gồm các đại lượng điện định mức chung và các đại lượng đặc trưng riêng cho chức năng</p>

nghĩa như thế nào

- GV hướng dẫn HS truy cập các trang web của nhà sản xuất hoặc quan sát hình ảnh nhãn năng lượng số để thực hiện phân tích, đánh giá độ chính xác của các thông số kỹ thuật ghi trên nhãn.

của đồ dùng điện, được quy định bởi nhà sản xuất.

- Các đại lượng điện định mức chung của đồ dùng điện thông thường gồm có:

+ Điện áp định mức: Là mức điện áp để đồ dùng điện hoạt động bình thường và an toàn, đơn vị là vôn (kí hiệu là V).

+ Công suất định mức: Là mức độ tiêu thụ điện năng của đồ dùng điện khi hoạt động bình thường, đơn vị là oát (kí hiệu là W).

- Thông số kỹ thuật giúp người dùng lựa chọn đồ điện phù hợp và sử dụng đúng yêu cầu trong sinh hoạt.

GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi sau

? Thông số kỹ thuật của đồ dùng điện là gì

? Các đại lượng điện định mức của đồ dùng điện bao gồm những đại lượng nào

? Việc hiểu thông số kỹ thuật của đồ dùng điện có ý nghĩa như thế nào

- GV hướng dẫn HS truy cập các trang web của nhà sản xuất hoặc quan sát hình ảnh nhãn năng lượng số để thực hiện phân tích, đánh giá độ chính xác của các thông số kỹ thuật ghi trên nhãn.

Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh khi gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập(8')

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức về khái quát đồ dùng điện trong gia đình

b. Nội dung: Khái quát đồ dùng điện trong gia đình

c. Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1. Quan sát hình A, B và chỉ ra công suất định mức và điện áp định mức của hai thiết bị điện trên.	Hoàn thành được bài tập.
1. Câu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 2. Gia đình em có những đồ dùng điện nào? Hãy đọc và cho biết của các thông số kĩ thuật ghi trên những đồ dùng điện đó. 3. In giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. 4. Ghi danh sách đồ dùng điện kèm theo các đề xuất cụ thể về cách thiết bị điện tử và đồ dùng điện trong gia đình an toàn, bền bỉ.	
Thực hiện nhiệm vụ	
Thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
HS nhận nhiệm vụ. - Nội dung bổ sung: Nhận diện các vấn đề kỹ thuật thông thường (lỗi hiển thị, mã lỗi) khi vận hành đồ dùng điện thông qua việc tra cứu các tài liệu hướng dẫn sử dụng số (e-manual).	

Thực hiện nhiệm vụ	
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.	
Báo cáo, thảo luận	
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

- Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
- Nội dung: Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình.
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
- Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Trong gia đình em có những đồ dùng điện nào? Hãy đọc và cho biết ý nghĩa của các thông số kĩ thuật ghi trên những đồ dùng điện đó. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - Bản ghi danh sách đồ dùng điện kèm theo các đề xuất cụ thể về cách thức bảo vệ thiết bị điện tử và đồ dùng điện trong gia đình an toàn, bền bỉ.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1.

Cho các đồ dùng điện sau

- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

Năng lực số:

2.TC1a: Thực hiện phân tích, đánh giá độ chính xác của các thông số kỹ thuật và lượng số của đồ dùng điện.

1.TC1a: Chỉ ra được các vấn đề kỹ thuật thông thường khi vận hành đồ dùng điện trong các tài liệu hướng dẫn sử dụng.

1.TC1a: Chỉ ra được những cách thức cơ bản để bảo vệ các thiết bị điện tử và đồ gia đình.

hầm chất

Em hãy hoàn thành bảng sau thể hiện tên và công dụng của đồ dùng điện

STT	Tên gọi	Công dụng

BÀI 10. KHÁI QUÁT VỀ ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Nêu được cách lựa chọn và một số lưu ý khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và hiệu quả.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được cách lựa chọn một số đồ dùng điện trong gia đình.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về đồ dùng điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 1.2.TC1a: Thực hiện phân tích, đánh giá độ chính xác của các thông số kỹ thuật trên nhãn năng lượng số của đồ dùng điện.
- + 5.1.TC1a: Chỉ ra được các vấn đề kỹ thuật thông thường khi vận hành đồ dùng điện được mô tả trong các tài liệu hướng dẫn số.
- + 4.1.TC1a: Chỉ ra được những cách thức cơ bản để bảo vệ các thiết bị điện tử và đồ dùng điện trong gia đình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4, A0, A3. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh. power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức hoạt động

Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau</p>  <p>n thể nào để lựa chọn, sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an</p> <p>Làm thế nào để lựa chọn, sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn, hiệu quả?</p>	<p>Hoàn thành nhiệm vụ.</p>

Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra tình huống sau: Nhà bạn Lan thu nhập hằng tháng 5 triệu đồng/1 tháng. Mạng điện nhà bạn sử dụng là 220 V. Nhà bạn Lan muốn mua một chiếc nồi cơm điện, nhà bạn Lan nên lựa chọn đồ dùng điện nào dưới đây?

lưới đây



Nồi cơm điện Cuckoo CRP-M1060SR
(1,8L)

Mã sp: M1060SR

Giá bán: **4,150,000 đ**



Nồi cơm điện KG 568

690.000 đ

Nồi cơm điện tử cao tần Tiger JKTS18W 1,8 l	Tủ lạnh panasonic NR-BA188PKV
Giá bán 10.089.000 đồng	Giá 6.078.000 đồng.

GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời tình huống trên trong thời gian 2 phút.

Thực hiện nhiệm vụ

HS tự suy nghĩ và giải quyết tình huống.

Nồi cơm điện tử cao tần Tiger JKT-S18W 1,8 l **Tủ lạnh panasonic NR-BA188PKV**

Giá bán 10.089.000 đồng

Giá 6.078.000 đồng.

GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời tình huống trên trong thời gian 2 phút.

III. Lựa chọn và sử dụng đồ dùng điện trong gia đình

1. Lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình

- Lựa chọn loại có thông số kỹ thuật và tính năng phù hợp nhu cầu sử dụng.

- Lựa chọn loại có khả năng tiết kiệm điện.

- Lựa chọn các thương hiệu và cửa hàng có uy tín.

- Lựa chọn loại có giá phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.

- Lựa chọn đồ dùng điện thân thiện với môi trường, sử dụng năng lượng từ tự nhiên.

Thực hiện nhiệm vụ

HS tự suy nghĩ và giải quyết tình huống.

Báo cáo, thảo luận	
1-2 HS trình bày. GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Nội dung 2. Tìm hiểu cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình(16')

- a. Mục tiêu: Nêu được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và hiệu quả.
b. Nội dung: Cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình
c. Sản phẩm: Báo cáo hoạt động nhóm
d. Tổ chức hoạt động

Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu các biện pháp an toàn đối với người sử dụng đồ dùng điện trong gia đình</p> <p>GV phân nhóm HS (4 HS/nhóm). GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0. GV yêu cầu các thành viên trong nhóm tự trình bày các ý kiến của mình về các biện pháp an toàn đối với người sử dụng đồ dùng điện trong gia đình vào các vị trí 1, 2, 3, 4. Thời gian cá nhân là 3 phút. GV phát cho mỗi nhóm HS 10 tờ giấy A4, GV yêu cầu các thành viên trong nhóm thống nhất ý kiến của nhóm, mỗi ý kiến ghi vào tờ giấy A4 và dán vào khu vực hình tròn ở giữa. Thời gian thực hiện là 3 phút.</p>	<p>2. An toàn sử dụng đồ dùng điện trong gia đình</p> <p>a. An toàn đối với người sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không chạm vào chỗ đang có điện. - Không cắm phích điện, đóng cầu dao, bật công tắc điện hay sử dụng đồ dùng điện khi tay hoặc người bị ướt. - Không được vừa sử dụng vừa nạp điện, khi nạp đầy cần rút nguồn điện ra để tránh cháy nổ. - Không tiếp xúc trực tiếp với những bộ phận của thiết bị điện có nhiệt độ cao hoặc đang vận hành. - Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế ngay nếu đồ dùng điện bị hư hỏng, để tránh cháy nổ, hở điện gây điện giật.

	<ul style="list-style-type: none"> - Khi sửa các đồ điện trong nhà phải ngắt nguồn điện, sử dụng các dụng cụ bảo vệ an toàn điện và treo biển cấm cấm điện hoặc cử người giám sát nguồn điện. - Các đồ dùng điện khi không sử dụng nữa, phải xử lý đúng cách để tránh tác hại ảnh hưởng đến môi trường.
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS thành lập nhóm, các nhóm HS nhận giấy A0 từ GV.</p> <p>Mỗi HS trình bày ý kiến của mình vào khu vực giấy đã quy định.</p> <p>HS thảo luận nhóm và làm theo yêu cầu GV.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu các nhóm HS treo sản phẩm của mình lên bảng.</p> <p>Dựa vào phiếu của các nhóm, GV tổng hợp để riêng những ý kiến trùng nhau và không trùng nhau.</p> <p>GV yêu cầu HS đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình.</p> <p>Các nhóm theo dõi sản phẩm lẫn nhau, giải thích ý kiến nhóm mình, phản biện ý kiến nhóm bạn.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu các biện pháp an toàn đối với đồ dùng điện</p> <p>GV yêu cầu các nhóm tiến hành thảo luận và ghi ý kiến lên phiếu giấy A3 về các biện pháp thực hiện an toàn đối với đồ dùng điện. Thời gian là 3 phút.</p> <p>- HS tìm kiếm các tài liệu hướng dẫn sử dụng điện tử (e-manual) hoặc video hướng dẫn kỹ thuật trên môi trường số để chỉ ra các lỗi kỹ thuật thông thường và quy trình bảo trì định kỳ cho các đồ dùng điện trong gia đình.</p>	<p>2. An toàn sử dụng đồ dùng điện trong gia đình</p> <p>b. An toàn đối với đồ dùng điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định hoặc cố định chắc chắn để tránh rơi, đổ trong quá trình vận hành.

<p>- Bổ sung nội dung an toàn cho thiết bị số: Cách bảo vệ các thiết bị điện tử (tivi, máy tính) khỏi sự cố sốc điện, cách sử dụng bộ lưu điện (UPS) hoặc thiết bị chống sét lan truyền để bảo vệ dữ liệu và phần cứng.</p>	<p>- Hạn chế cắm chung nhiều đồ dùng điện có công suất lớn trên cùng một ổ cắm.</p> <p>- Vận hành đồ dùng điện theo đúng quy trình hướng dẫn.</p> <p>- Nên sử dụng đúng chức năng của đồ dùng điện.</p> <p>- Tránh đặt đồ dùng điện ở nơi ẩm ướt hoặc gần các nguồn nhiệt.</p> <p>- Ngắt điện hoặc rút phích cắm điện khỏi ổ cắm khi không sử dụng hoặc trước khi làm vệ sinh.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS thành lập nhóm.</p> <p>HS thảo luận nhóm và làm theo yêu cầu GV.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm 1 lên dán ý kiến của nhóm mình lên bảng. Sau nhóm 1 các nhóm học sinh khác lần lượt lên dán với các yêu cầu các ý kiến trùng nhau sẽ dán chèn lên nhau.</p> <p>Đại diện các nhóm dán sản phẩm của nhóm mình lên bảng theo yêu cầu của GV.</p> <p>GV yêu cầu HS đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm theo dõi sản phẩm lẫn nhau, giải thích ý kiến nhóm mình, phản biện ý kiến nhóm bạn.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>Nhiệm vụ 3. Định hướng nghề nghiệp</p> <p>GV chiếu một video về nghề điện dân dụng.</p> <p>GV yêu cầu HS xem và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn và trả</p>	<p>*Nghề điện dân dụng</p> <p>Nghề điện dân dụng rất phổ biến và gắn liền với các công việc như lắp</p>

lời câu hỏi sau trong thời gian là 2 phút. ? Nghề điện dân dụng gắn liền với những công việc nào? HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện và các đồ điện
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập(8')

- a. Mục tiêu: *Củng cố kiến thức về khái quát đồ dùng điện trong gia đình*
- b. Nội dung: *Khái quát đồ dùng điện trong gia đình*
- c. Sản phẩm: *Giải quyết được tình huống.*
- d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS giải quyết tình huống sau: Bạn Lan đang giặt quần áo thì hết nước. Bạn Lan đứng lên, tay không lau hết nước. Bạn Lan cảm phích máy cơ để bơm nước, tự nhiên tay tê rần, choáng váng. Em hãy giải thích hiện tượng bạn Lan gặp phải? Để khắc phục không xảy ra hiện tượng trên thì chúng ta sử dụng biện pháp nào? GV yêu cầu HS cùng bàn, trao đổi thảo luận và giải quyết tình huống trong thời gian 2 phút.	Giải quyết tình huống.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS cùng bàn trao đổi, thảo luận và giải quyết tình huống. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	
--	--

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

- a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
b. Nội dung: Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình.
c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Tìm hiểu ý nghĩa của các nhãn năng lượng và cách lựa chọn một đồ dùng điện sao cho tiết kiệm điện dựa trên nhãn năng lượng? Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - GV hướng dẫn HS sử dụng điện thoại thông minh hoặc máy tính để truy cập các trang web của nhà sản xuất, thực hiện tra cứu và phân tích độ chính xác của các thông số kỹ thuật (công suất, hiệu suất năng lượng) trên nhãn năng lượng số của các loại nồi cơm điện và tủ lạnh. - Bản danh mục các thông số kỹ thuật được trích xuất từ nhãn năng lượng số và tệp ảnh/video ngắn mô tả cách kiểm tra an toàn thiết bị điện tử tại gia đình.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

BÀI 11. ĐÈN ĐIỆN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Nhận biết được các bộ phận chính của một số đèn điện.
- Mô tả được nguyên lí làm việc của một số đèn điện.
- Lựa chọn và sử dụng được đèn điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn.

2. Năng lực**2.1. Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được các bộ phận chính của đèn điện. Nhận biết được nguyên lý làm việc của một số đèn điện.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được các loại bóng đèn đúng cách, tiết kiệm và an toàn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến đèn điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.
- **Năng lực số:**

+ 5.2.TC1b: Chọn được công cụ số phù hợp để tính toán và so sánh hiệu quả tiết kiệm điện của các loại bóng đèn sợi đốt, compact và LED.

+ 3.3.TC1a: Chỉ ra được các quy tắc về bản quyền khi sử dụng hình ảnh các phát minh về đèn điện của Thomas Edison.

+ 2.3.TC1b: Xác định được các chiến dịch số (như Giờ Trái Đất) để tham gia vào xã hội với tư cách công dân có trách nhiệm tiết kiệm điện.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh. power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới;

b. Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau Trước khi có đèn điện, người ta thường chiếu sáng bằng thiết bị nào? Việc chiếu sáng có gặp khó khăn nào? Giải thích? GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	Hoàn thành nhiệm vụ.



Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Việc thay thế một số bóng đèn sợi đốt trong gia đình bằng bóng đèn LED có phải là một giải pháp tiết kiệm điện? Đèn điện và bóng điện có những loại nào, chúng có đặc điểm gì? Để trả lời được câu hỏi trên thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát chung về đèn điện(9')

- Mục tiêu: Nhận biết được một số loại đèn điện và chức năng của chúng.*
- Nội dung: Khái quát chung về đèn điện.*
- Sản phẩm: Báo cáo nhóm.*

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi sau ? Kể tên các loại đèn có hình a, b, c, d ? Các loại đèn trên đều có chức năng gì HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ. <div style="text-align: center;">  </div> <p><small>GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút</small></p>	I. Khái quát chung - Một số loại đèn phổ biến: Đèn sợi đốt, đèn huỳnh quang, đèn compact, đèn LED - Đèn điện là đồ dùng điện dùng để chiếu sáng, ngoài ra còn được dùng để sưởi ấm, trang trí.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Nội dung 2. Tìm hiểu một số loại đèn thông dụng(19')

a. Mục tiêu: Nhận biết được các bộ phận chính của một số đèn điện. Mô tả được nguyên lý làm việc của một số đèn điện. Lựa chọn và sử dụng được đèn điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn.

b. Nội dung: Một số loại đèn thông dụng

c. Sản phẩm: Hoàn thành PHT. Báo cáo hoạt động nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra phiếu học tập. Yêu cầu HS hoạt	II. Một số loại đèn điện 1. Bóng đèn sợi đốt

<p>động nhóm và hoàn thành PHT. Thời gian 4 phút.</p> <p>HS nhận nhiệm vụ.</p> <p>- Khi tìm kiếm thông tin hoặc hình ảnh về các loại đèn điện để hoàn thành phiếu học tập, HS cần lưu ý các quy tắc về bản quyền khi sử dụng hình ảnh từ các nguồn số.</p>	<p>- Cấu tạo gồm có ba bộ phận chính: bóng thủy tinh, sợi đốt và đuôi đèn.</p> <p>- Nguyên lý làm việc: Khi hoạt động, dòng điện chạy trong sợi đốt của bóng đèn làm cho sợi đốt nóng lên đến nhiệt độ rất cao và phát sáng.</p> <p>- Thông số kĩ thuật của một số loại bóng đèn sợi đốt: 110 V/15 W, 110 V/100 W, 220 V/25 W, 220 V/40 W, 220 V/60 W, 220 V/75 W, 220 V/100 W</p> <p>2. Bóng đèn huỳnh quang</p> <p>- Cấu tạo gồm hai bộ phận chính: ống thủy tinh (có phủ lớp bột huỳnh quang) và hai điện cực.</p> <p>- Nguyên lý làm việc: Khi hoạt động, sự phóng điện giữa hai cực của đèn tác dụng lên lớp bột huỳnh quang phủ bên trong ống làm phát ra ánh sáng.</p> <p>- Thông số kĩ thuật của một số loại bóng đèn huỳnh quang: 110 V/18 W, 110 V/40 W, 220 V/18 W, 220 V/20 W, 220 V/36 W, 220 V/40 W.</p> <p>3. Bóng đèn com-pắc</p> <p>- Cấu tạo bởi những hình chữ u hoặc có dạng ống xoắn.</p> <p>- Nguyên lý làm việc: Khi hoạt động, sự phóng điện giữa hai cực của đèn tác dụng lên lớp bột huỳnh quang phủ bên trong ống làm phát ra ánh sáng.</p> <p>- Thông số kĩ thuật của một số loại bóng đèn com-pắc: 110 V/5 W, 110 V/8 W, 220 V/8 W, 220 V/15 W, 220 V/18 W.</p> <p>4. Bóng đèn LED</p> <p>- Cấu tạo bóng đèn LED gồm 3 phần chính: vỏ bóng, bảng mạch LED, đuôi đèn.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>Đại diện nhóm trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS nghe và ghi nhớ.</p>	

Hoạt động 3: Luyện tập(8')

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức về khái quát đèn điện.

b. Nội dung: Khái quát về đèn điện.

c. Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên. - HS sử dụng công cụ số (ví dụ: máy tính cầm tay hoặc ứng dụng bảng tính đơn giản) để tính toán và so sánh hiệu quả tiết kiệm điện của các loại bóng đèn, từ đó đưa ra lựa chọn thay thế phù hợp.	Hoàn thành bài tập.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.	
Báo cáo, thảo luận	
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

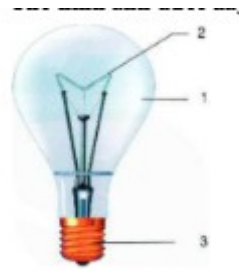
b. Nội dung: Khái quát về đèn điện

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Gia đình em đang sử dụng bóng đèn loại nào ở khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực nấu ăn,...? 2. Hãy đề xuất phương án thay thế bóng đèn ở gia đình em sao cho tiết kiệm điện năng. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV. - HS tìm hiểu và đề xuất các phương án tiết kiệm điện năng cho gia đình, có thể tham khảo các chiến dịch số về tiết kiệm năng lượng (như Giờ Trái Đất) để nâng cao ý thức công dân số.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

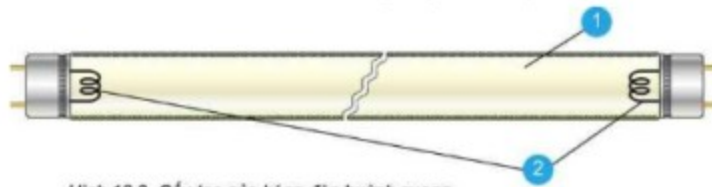
PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1.
Cho hình ảnh dưới đây



Cấu tạo của bóng đèn sợi đốt

Cấu tạo của bóng đèn sợi đốt
 1. Bóng thủy tinh 2. Sợi đốt 3. Đuôi đèn

1. Bóng thủy tinh 2. Sợi đốt 3. Đuôi đèn



Hình 13.3. Cấu tạo của bóng đèn huỳnh quang
 1. Ống thủy tinh



Bóng đèn com-pắc
 Em hãy hoàn thành nội dung bảng

Bóng đèn com-pắc

Em hãy hoàn thành nội dung bảng dưới đây

Các loại đèn điện	Cấu tạo	Nguyên lý làm việc	Thông số kỹ thuật
Bóng đèn sợi đốt			
Bóng đèn huỳnh quang			
Bóng đèn com-pắc			
Bóng đèn LED			

BÀI 12. NỒI CƠM ĐIỆN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của nồi cơm điện.

- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lý làm việc và công dụng của nồi cơm điện.
- Đọc được thông số kỹ thuật, lựa chọn và sử dụng được nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của nồi cơm điện. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của nồi cơm điện.
- Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật nồi cơm điện.
- Thiết kế kỹ thuật: Vẽ được sơ đồ khối của nồi cơm điện.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến nồi cơm điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 3.4.TC1a: Liệt kê được chuỗi các hướng dẫn (thuật toán) để hệ thống nồi cơm điện thực hiện chức năng nấu hoặc giữ ấm.
- + 5.1.TC1b: Chọn được giải pháp xác định rõ ràng trên các diễn đàn hỗ trợ khi nồi cơm điện gặp lỗi hiển thị trên màn hình số.
- + 1.1.TC1a: Giải thích được nhu cầu thông tin khi tìm đọc các thông số kỹ thuật (V, W, L) của nồi cơm điện trên website nhà sản xuất.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh. power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')*a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới.**b. Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học.**c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.**d. Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau  Cơm được nấu như thế nào trước khi có nồi cơm điện GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Trước khi có nồi	

cơm điện thì con người nấu cơm bằng nồi gang. Để tiện lợi trong quá trình sử dụng, hiện nay sử dụng nồi cơm điện để nấu cơm. Vậy nồi cơm điện làm việc như thế nào? Làm sao để lựa chọn, sử dụng nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn thì chúng ta vào bài hôm nay.

HS định hình nhiệm vụ học tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu cấu tạo của nồi cơm điện(9')

a. Mục tiêu: Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của nồi cơm điện.

b. Nội dung: Cấu tạo của nồi cơm điện.

c. Sản phẩm: Báo cáo nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu thế nào là nồi cơm điện	
Chuyển giao nhiệm vụ	
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát</p>  <p>Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút hoàn thành mô tả thế nào là nồi cơm điện và chức năng của nồi cơm điện.</p> <p>HS nhận nhiệm vụ.</p>	<p>*Khái niệm và chức năng của nồi cơm điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nồi cơm điện là đồ dùng điện thông dụng trong các gia đình - Chức năng chính là nấu cơm, một số nồi cơm điện còn có thêm chức năng nấu một số món ăn khác
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS xem hình ảnh chiếu</p> <p>HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút.</p> <p>GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau.</p>	

phù hợp với gia đình.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành PHT1. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

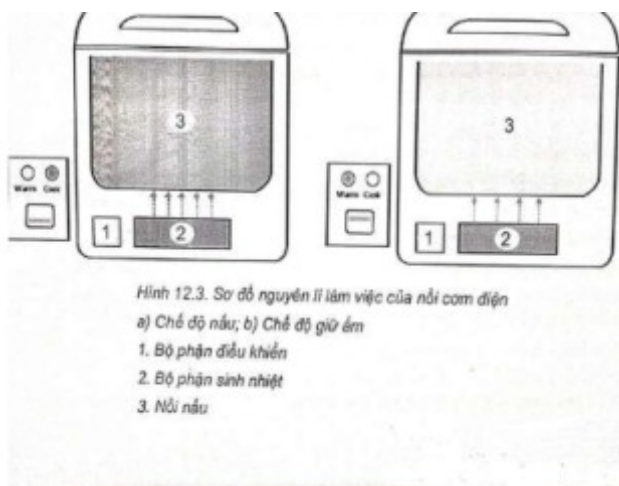
Nội dung 2. Tìm hiểu nguyên lý làm việc của nồi cơm điện(9')

a. Mục tiêu: Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lý làm việc và công dụng của nồi cơm điện.

b. Nội dung: Nguyên lý hoạt động của nồi cơm điện

c. Sản phẩm: Báo cáo hoạt động nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau</p>  <p>Hình 12.3. Sơ đồ nguyên lý làm việc của nồi cơm điện a) Chế độ nấu; b) Chế độ giữ ấm 1. Bộ phận điều khiển 2. Bộ phận sinh nhiệt 3. Nồi nấu</p>	<p>II. Nguyên lý hoạt động của nồi cơm điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi bắt đầu nấu, bộ phận điều khiển cấp điện cho bộ phận sinh nhiệt, khi nồi làm việc ở chế độ nấu. - Khi cạn nước, bộ phận điều khiển làm giảm nhiệt độ của bộ phận sinh nhiệt nồi chuyển sang chế độ nấu.
<p>GV phân nhóm HS(4 HS/nhóm) GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0 GV yêu cầu các thành viên trong nhóm tự trình bày các ý kiến của mình về nguyên lý hoạt động của nồi cơm điện vào các vị trí 1, 2, 3, 4. Thời gian cá mỗi thành viên là 3</p>	

phút. GV phát cho mỗi nhóm HS 10 tờ giấy A4, GV yêu cầu các thành viên trong nhóm thống nhất ý kiến của nhóm, mỗi ý kiến ghi vào tờ giấy A4 và dán vào khu vực hình tròn ở giữa. Thời gian thực hiện là 3 phút. - HS liệt kê chuỗi các bước hoạt động của nồi cơm điện như một thuật toán khi mô tả nguyên lý làm việc.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thành lập nhóm, các nhóm HS nhận giấy A0 từ GV. Mỗi HS trình bày ý kiến của mình vào khu vực giấy đã quy định. HS thảo luận nhóm và làm theo yêu cầu GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm HS treo sản phẩm của mình lên bảng. Dựa vào phiếu của các nhóm, GV tổng hợp để riêng những ý kiến trùng nhau và không trùng nhau. GV yêu cầu HS đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm theo dõi sản phẩm lẫn nhau, giải thích ý kiến nhóm mình, phản biện ý kiến nhóm bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Nội dung 3: Tìm hiểu cách lựa chọn và sử dụng nồi cơm điện(10')

- a. Mục tiêu: Đọc được thông số kỹ thuật, lựa chọn và sử dụng được nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn.
- b. Nội dung: Cách lựa chọn và sử dụng nồi cơm điện
- c. Sản phẩm: Giải quyết được tình huống.
- d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình	
Chuyển giao nhiệm vụ	

<p>GV đưa ra tình huống sau: Gia đình bạn Hoa có bốn người: bố, mẹ, Hoa và em trai gần một tuổi. Em hãy giúp Hoa lựa chọn một chiếc nồi cơm điện phù hợp nhất với gia đình bạn ấy trong ba loại dưới đây và giải thích cho sự lựa chọn đó.</p> <p>A. Nồi cơm điện có thông số: 220 V, 680 w, 2,0 L.</p> <p>B. Nồi cơm điện có thông số: 220 V, 775 w, 1,8 L.</p> <p>C. Nồi cơm điện có thông số: 220 V, 680 w, 1,0L</p> <p>GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời tình huống trên trong thời gian 2 phút.</p>	<p>III. Lựa chọn và sử dụng</p> <p>1. Lựa chọn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn nồi cơm điện cần quan tâm đến dung tích, chức năng của nồi cơm điện sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của gia đình. - Nồi cơm điện thường sử dụng điện áp là 220 V, công suất từ 500 - 1500 w, dung tích nồi từ 0,5-10 L
Thực hiện nhiệm vụ	
HS tự suy nghĩ và giải quyết tình huống.	
Báo cáo, thảo luận	
<p>1-2HS trình bày.</p> <p>GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>HS nhận xét bài làm của bạn</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu sử dụng nồi cơm điện	
Chuyển giao nhiệm vụ	
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>Giáo viên yêu cầu HS, tiến hành hoạt động nhóm và hoàn thành PHT2 trong thời gian 3 phút.</p> <p>HS nhận nhiệm vụ.</p> <p>- HS liệt kê các bước cơ bản khi sử dụng nồi cơm điện theo một chuỗi hướng dẫn (thuật toán) để hoàn thành PHT2.</p>	<p>2. Sử dụng</p> <p>a) Những bước cơ bản khi sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị: + Vo gạo và điều chỉnh lượng nước vừa đủ + Lau khô mặt ngoài của nồi nấu bằng khăn mềm + Kiểm tra và làm sạch mặt của mâm nhiệt.

	<ul style="list-style-type: none"> + Đặt nồi nấu khít với mặt trong của thân nồi và đóng nắp. - Nấu cơm: + Cắm điện và bật công tắc ở chế độ nấu. + Không mở nắp nồi để kiểm tra cơm khi đang nấu. + Rút phích điện ra khỏi ổ lấy điện khi đã nấu xong cơm và mang đi sử dụng. <p>b) Một số lưu ý khi sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt nồi cơm điện ở nơi khô ráo, thoáng mát. - Không dùng tay để che hoặc tiếp xúc với lỗ thông hơi của nồi cơm điện khi nồi đang nấu. - Không dùng các vật dụng cứng, nhọn chà sát, lau chùi bên trong nồi nấu. - Không nấu quá lượng gạo quy định.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành PHT2. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập(8')*a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức về nồi cơm điện**b. Nội dung: Nồi cơm điện**c. Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.**d. Tổ chức thực hiện:*

Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS làm bài tập sau:	Hoàn thành

<p>Bài tập 1. Quan sát hình ảnh dưới đây</p>  <p>Hình 12.5. Sử dụng nồi cơm điện không an toàn</p> <p>Chỉ ra những điểm có thể gây mất an toàn khi sử dụng nồi cơm điện? HS nhận nhiệm vụ.</p>	<p>được bài tập.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.</p>	

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Khái quát về nồi cơm điện

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.

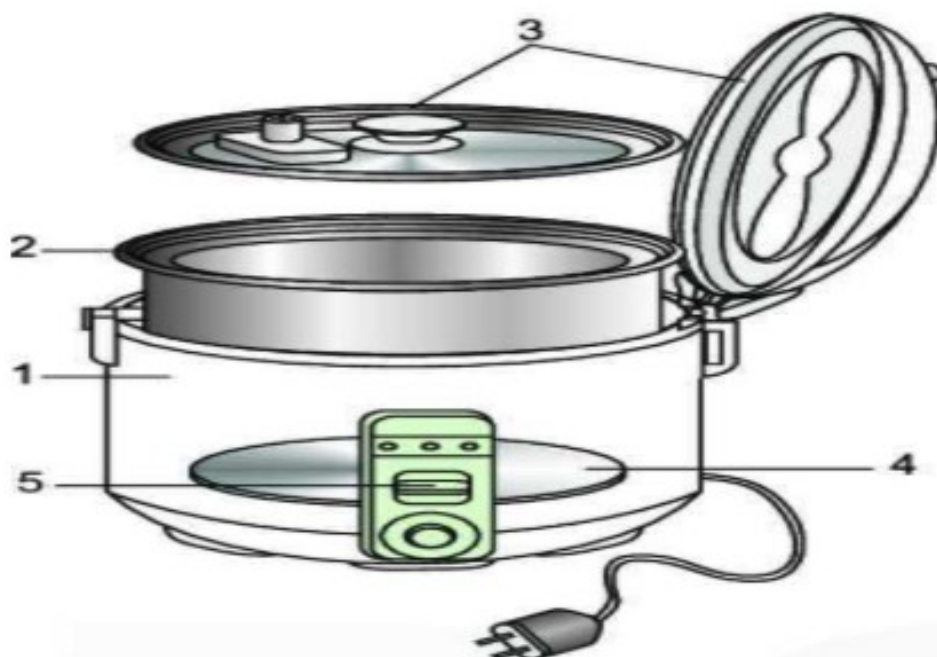
d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau:</p> <p>Hãy tìm hiểu và cho biết thông tin về loại nồi cơm điện nhà em, hoặc nhà người thân của em đang sử dụng. Hãy quan sát việc sử dụng nồi cơm điện đó và cho biết việc sử dụng nồi cơm điện đã an toàn chưa</p> <p>Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV</p> <p>- HS tìm đọc thông tin về nồi cơm điện đang sử dụng trong gia đình hoặc người thân,</p>	<p>Bản ghi trên giấy A4.</p>

đồng thời đề xuất giải pháp an toàn nếu phát hiện vấn đề hoặc lỗi kỹ thuật.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1.

Quan sát hình ảnh dưới đây



Em hãy hoàn thành nội dung bảng dưới đây

Bộ phận	Tên gọi	Cấu tạo và chức năng

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 2.

Em hãy hoàn thành bảng sau

Nồi cơm điện

Những bước cơ bản khi sử dụng	Một số chú ý khi sử dụng

BÀI 13. BẾP HỒNG NGOẠI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của bếp hồng ngoại.
- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lý làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại.
- Đọc được thông số kỹ thuật, lựa chọn và sử dụng được bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm và an toàn.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của bếp hồng ngoại. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại.
- Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật bếp hồng ngoại.
- Thiết kế kỹ thuật: Vẽ được sơ đồ khối của bếp hồng ngoại.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm và an toàn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bếp hồng ngoại, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

2.3. Năng lực số:

- + 6.1.TC1b: Diễn giải được khái niệm về cảm biến và bảng điều khiển thông minh tích hợp AI trong bếp hồng ngoại hiện đại.
- + 4.3.TC1b: Lựa chọn được những cách thức an toàn để bảo vệ bản thân tránh rủi ro nhiệt khi sử dụng các thiết bị điện thông minh.
- + 2.1.TC1a: Thực hiện tương tác với các giao diện điều khiển số mô phỏng để hiểu quy trình vận hành bếp an toàn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. Bài tập. Ảnh. power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới (3')

a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau</p> <p>Để phục vụ nhu cầu nấu nướng của gia đình, nên sử dụng bếp củi hay bếp điện? Giải thích tại sao</p> <p>GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên</p> <p>HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <div data-bbox="236 680 652 1124" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="236 1140 681 1505" data-label="Image"> </div> <p>- GV có thể giới thiệu thêm về các loại bếp điện hiện đại, có tích hợp cảm biến hoặc bảng điều khiển thông minh (AI) để HS có cái nhìn tổng quan hơn về công nghệ.</p>	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p>	

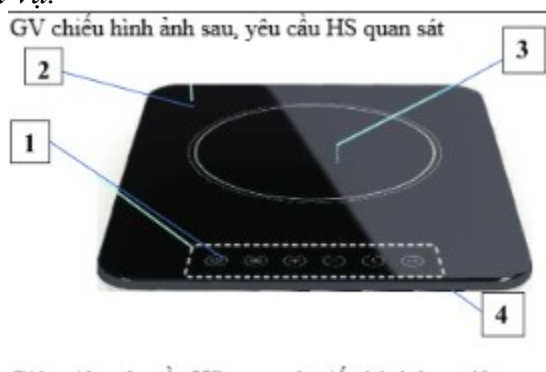
Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV dẫn dắt vào bài mới: Sử dụng bếp điện để đun nấu có nhiều ưu điểm so với bếp củi. Bếp hồng ngoại hoạt động thế nào? Làm sao để lựa chọn, sử dụng bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm và an toàn thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu cấu tạo của bếp hồng ngoại(10')

- Mục tiêu: Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của bếp hồng ngoại.
- Nội dung: Cấu tạo của bếp hồng ngoại.
- Sản phẩm: Báo cáo nhóm.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát Giáo viên yêu cầu HS quan sát, tiến hành hoạt động nhóm và hoàn thành PHT1 trong thời gian 3 phút. HS nhận nhiệm vụ.	I. Cấu tạo Bếp hồng ngoại gồm các bộ phận chính - Mặt bếp: Là nơi đặt nồi nấu, có chức năng dẫn nhiệt, thường được làm bằng kính chịu nhiệt, có độ bền cao. Trên mặt bếp thường có biểu tượng. - Bảng điều khiển: Là nơi để điều chỉnh nhiệt độ, chế độ nấu của bếp. Trên bảng điều khiển có các nút tăng - giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu, các đèn báo. - Thân bếp: Là toàn bộ phần còn lại bên dưới mặt bếp và bảng điều khiển, có chức năng bao kín và bảo vệ



Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
	các bộ phận bên trong của bếp. - Mâm nhiệt hồng ngoại: Là phần nằm phía trong thân bếp và sát với mặt bếp, có chức năng cung cấp nhiệt cho bếp.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành PHT1. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Nội dung 2. Tìm hiểu nguyên lý làm việc của bếp hồng ngoại(8')

a. Mục tiêu: Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lý làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại.

b. Nội dung: Nguyên lý hoạt động của bếp hồng ngoại

c. Sản phẩm: Báo cáo hoạt động nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau GV phân nhóm HS (4 HS/nhóm) GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0. GV yêu cầu các thành viên trong nhóm tự trình bày các ý kiến của mình về nguyên lý hoạt động của bếp hồng ngoại vào các vị trí 1, 2, 3, 4. Thời gian cá nhân là 3 phút. GV phát cho mỗi nhóm HS 10 tờ giấy A4, GV yêu cầu các thành viên trong nhóm thống nhất ý kiến của nhóm, mỗi ý kiến ghi vào tờ giấy A4 và dán vào khu vực hình tròn ở giữa. Thời gian thực hiện là 3 phút.	II. Nguyên lý hoạt động của bếp hồng ngoại - Khi được cấp điện, mâm nhiệt hồng ngoại nóng lên, truyền nhiệt tới nồi nấu và làm chín thức ăn. - Với nguyên lý làm việc như trên, trong quá trình sử dụng,

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>Yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau</p> <p>Nguyên lý hoạt động của bếp hồng ngoại</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS thực hành tương tác với giao diện điều khiển số mô phỏng (nếu có) hoặc hình ảnh bảng điều khiển trên slide để hiểu quy trình vận hành bếp an toàn (bật/tắt, điều chỉnh chế độ). - GV có thể mở rộng, giới thiệu về cách các cảm biến nhiệt hoặc hệ thống điều khiển thông minh (AI) hoạt động để duy trì nhiệt độ ổn định hoặc tự động ngắt khi quá nhiệt, giúp HS hiểu rõ hơn về khái niệm cảm biến và AI trong bếp hồng ngoại hiện đại. 	<p>mặt bếp hồng ngoại có nhiệt độ rất cao và có ánh sáng màu đỏ.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS thành lập nhóm, các nhóm HS nhận giấy A0 từ GV. Mỗi HS trình bày ý kiến của mình vào khu vực giấy đã quy định. HS thảo luận nhóm và làm theo yêu cầu GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu các nhóm HS treo sản phẩm của mình lên bảng. Dựa vào phiếu của các nhóm, GV tổng hợp để riêng những ý kiến trùng nhau và không trùng nhau. GV yêu cầu HS đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm theo dõi sản phẩm lẫn nhau, giải thích ý kiến nhóm mình, phản biện ý kiến nhóm bạn.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	

Nội dung 3: Tìm hiểu cách lựa chọn và sử dụng bếp hồng ngoại(10')

- Mục tiêu: Đọc được thông số kỹ thuật, lựa chọn và sử dụng được bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm và an toàn.*
- Nội dung: Cách lựa chọn và sử dụng bếp hồng ngoại*
- Sản phẩm: Giải quyết được tình huống.*
- Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình		
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV đưa ra tình huống sau: Nhà bạn Lan thu nhập hằng tháng 5 triệu đồng/1 tháng. Mạng điện nhà bạn sử dụng là 220 V. Nhà bạn Lan muốn mua một chiếc bếp hồng ngoại, nhà bạn Lan nên lựa chọn đồ dùng điện nào dưới đây?  <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="text-align: center;"> Bếp hồng ngoại đơn RC2000ES Kaizen Giá 980.000 đ </div> <div style="text-align: center;"> Bếp hồng ngoại đôi Giá 10.000.000 đồng </div> </div> GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời tình huống trên trong thời gian 2 phút.		III. Lựa chọn và sử dụng 1. Lựa chọn - Lựa chọn bếp hồng ngoại cần quan tâm đến nhu cầu sử dụng, điều kiện kinh tế của gia đình để lựa chọn chức năng, kiểu dáng, công suất, thương hiệu của bếp.
Thực hiện nhiệm vụ		
HS tự suy nghĩ và giải quyết tình huống.		
Báo cáo, thảo luận		
1-2 HS trình bày. GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn.		
Kết luận và nhận định		
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.		
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu sử dụng bếp hồng ngoại		
Chuyển giao nhiệm vụ		
Giáo viên yêu cầu HS, tiến hành hoạt động nhóm và hoàn thành PHT2 trong thời gian 3 phút. HS nhận nhiệm vụ. - GV nhấn mạnh các cách thức an toàn để bảo vệ bản thân tránh rủi ro nhiệt khi sử dụng các thiết bị điện thông minh, đặc biệt là bếp hồng ngoại.		2. Sử dụng a) Những bước cơ bản khi sử dụng - Chuẩn bị: Kiểm tra và làm sạch bề mặt bếp; lựa chọn

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
	<p>nồi, chảo nấu phù hợp với bếp; đặt nồi nấu lên bếp; cấp điện cho bếp.</p> <p>- Bật bếp: Nhấn nút nguồn, chọn chế độ nấu hoặc điều chỉnh nhiệt độ phù hợp.</p> <p>- Tắt bếp: Sau khi nấu xong, nhấn nút nguồn để tắt bếp.</p> <p>b) Một số lưu ý khi sử dụng</p> <p>- Đặt bếp ở nơi khô ráo, thoáng mát.</p> <p>- Không được chạm tay lên bề mặt bếp khi đang nấu hoặc vừa nấu xong.</p> <p>- Khi vệ sinh mặt bếp, cần sử dụng khăn mềm và chất tẩy rửa phù hợp.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành PHT2.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.</p>	
Nhiệm vụ 3. Định hướng nghề nghiệp	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu một video về nghề kỹ sư điện	*Kỹ sư điện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV yêu cầu HS xem và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi sau trong thời gian là 2 phút. ? Nghề kỹ sư điện tốt nghiệp đại học chuyên ngành gì? ? Công việc chính của kỹ sư điện là gì HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	- Kỹ sư điện là người tốt nghiệp chuyên ngành điện tại trường đại học. - Công việc chính của người kỹ sư điện là xây dựng, thiết kế, thử nghiệm, giám sát và phát triển các hệ thống điện
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập(8')a. Mục tiêu: *Củng cố kiến thức về bếp hồng ngoại*b. Nội dung: *Bếp hồng ngoại*c. Sản phẩm: *Hoàn thành được bài tập.*

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1. Quan sát hình ảnh dưới đây Căn cứ vào bảng điều khiển trong Hình 13.3, mô tả các thao tác để thực hiện một số yêu cầu sau đây: • Bật, tắt bếp • Tăng, giảm nhiệt độ • Nấu lẩu • Hẹn giờ	Hoàn thành được bài tập.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
 <p>Hình 13.3. Bảng điều khiển của bếp điện</p> <p>- HS thực hành mô tả các thao tác trên bảng điều khiển số của bếp hồng ngoại (dựa trên hình ảnh hoặc mô phỏng) để thực hiện các chức năng như bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu, hẹn giờ, nhằm hiểu rõ quy trình vận hành an toàn.</p> <p>- HS nhận nhiệm vụ.</p>	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.	
Báo cáo, thảo luận	
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng(5')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Khái quát về bếp hồng ngoại

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.

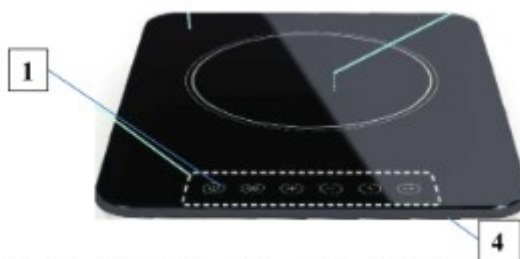
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhà em có sử dụng bếp hồng ngoại không? Hãy quan sát và ghi lại những tình huống có thể gây mất an toàn khi sử dụng bếp trong gia đình em. Nếu được chọn mua một loại bếp điện trong gia đình, em sẽ chọn loại bếp nào? Giải thích về sự lựa chọn của em. <p>Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.</p> <p>- HS ghi lại các tình huống mất an toàn và đề xuất các cách thức an toàn để bảo vệ bản thân khi sử dụng bếp hồng ngoại, đặc biệt là các thiết bị điện thông minh.</p>	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1.**Quan sát hình ảnh dưới đây**

GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát



Em hãy hoàn thành nội dung bảng dưới đây

Em hãy hoàn thành nội dung bảng dưới đây

Bộ phận	Tên gọi	Cấu tạo và chức năng

PHỤ LỤC 2. Phiếu học tập 2.

Em hãy hoàn thành bảng sau

Những bước cơ bản khi sử dụng	Một số chú ý khi sử dụng

BÀI 14. DỰ ÁN. AN TOÀN VÀ TIẾT KIỆM ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:** Sau bài học này học sinh phải:**1. Kiến thức**

- Đánh giá được thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình.
- Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Năng lực**2.1. Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quá trình đánh giá thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình. Nhận biết được nguyên nhân gây lãng phí điện năng. Nhận biết được các biện pháp sử dụng điện năng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.
- Sử dụng công nghệ: Tính toán được điện năng tiêu thụ, chi phí sử dụng điện trong một tháng của các đồ dùng điện. So sánh với tổng chi phí điện mà gia đình phải trả thông qua hóa đơn tiền điện. Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.
- Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được các kí hiệu an toàn điện trên các thiết bị điện.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến an toàn và tiết kiệm điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.
- **Năng lực số:**
 - + 1.1.TC1b: Thực hiện quy trình tìm kiếm trên môi trường số để tìm dữ liệu về thực trạng sử dụng điện và các biện pháp tiết kiệm.
 - + 5.3.TC1a: Chọn được các công cụ số (như Canva) để tạo ra poster tuyên truyền về an toàn và tiết kiệm điện.
 - + 2.4.TC1a: Lựa chọn được các công cụ và công nghệ số để cùng cộng tác hoàn thành báo cáo dự án nhóm.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nghiên cứu yêu cầu cần đạt, lựa chọn nội dung dạy học.
- Giấy A4. Phiếu học tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu, lập kế hoạch dự án ()

a. Mục tiêu: Định hướng sự quan tâm của HS vào dự án.

b. Nội dung: Nhằm khai thác những kinh nghiệm và hiểu biết của HS về an toàn và tiết kiệm điện năng thông qua phiếu học tập số 1. Từ kết quả trả lời các câu hỏi của HS, GV xác định những kiến thức mà học sinh chưa biết, muốn biết về an toàn và tiết kiệm điện năng, từ đó có hứng thú, động lực tìm hiểu kiến thức mới.

c. Sản phẩm: Bản báo cáo kết quả thảo luận nhóm trả lời PHT1.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
------------------------	------------------

Nhiệm vụ 1. Giới thiệu nội dung bài	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV phát PHT1 cho HS các nhóm, yêu cầu HS làm việc theo hình thức cá nhân và thảo luận nhóm. - HS sử dụng các công cụ công tác trực tuyến (ví dụ: Google Docs, Zalo nhóm) để phân công nhiệm vụ, lập kế hoạch dự án và ghi chú các ý tưởng ban đầu.	Hoàn thành PHT
Thực hiện nhiệm vụ	
HS suy nghĩ, nhớ lại những điều đã quan sát được, biết được để trả lời câu hỏi.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Điện năng có vai trò vô cùng to lớn trong đời sống và sản xuất. Nhờ có điện năng, quá trình sản xuất được tự động hoá, cuộc sống con người trở nên tiện nghi, văn minh hiện đại hơn. Sử dụng điện năng an toàn và tiết kiệm đang là một vấn đề được nhiều quốc gia trên thế giới coi trọng. Tiết kiệm điện không chỉ tiết kiệm nguồn năng lượng cho mỗi quốc gia, mà còn có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường. HS định hình nhiệm vụ HS.	
Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 2. Lập kế hoạch dự án	

Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>Từ phần trả lời của HS trên, GV chuyển sang hoạt động hình thành chủ đề dự án “An toàn và tiết kiệm điện trong gia đình”.</p> <p>GV gợi ý các tiêu chủ đề và đưa ra các câu hỏi gợi ý.</p> <p>GV chia lớp làm 4 nhóm và phân công các nhóm thực hiện các tiêu chủ đề.</p> <p>GV hướng dẫn, tổ chức cho HS đề lập kế hoạch dự án như phân công nhiệm vụ, cách thức hoạt động nhóm, vai trò của từng thành viên trong nhóm.</p>	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, thực hiện nhiệm vụ GV giao, phân công nhiệm vụ, cách thức hoạt động nhóm, vai trò của từng thành viên trong nhóm.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm trình bày thành viên nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm, thời gian hoàn thành yêu cầu của các thành viên.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS.	

Hoạt động 2: Học sinh thực hiện dự án

a. Mục tiêu: Nhằm hình thành kiến thức cho học sinh về an toàn và tiết kiệm điện trong gia đình thông qua việc thu thập và tìm hiểu thông tin để thực hiện dự án

b. Nội dung:

- Thực trạng sử dụng điện năng của gia đình
- Nguyên nhân gây lãng phí điện năng
- Biện pháp sử dụng điện năng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình

c. Sản phẩm: PHT 2 và bản ghi chép thảo luận nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV cung cấp cho HS phiếu hướng dẫn thực hiện từng nhiệm vụ của dự án.</p> <p>GV nêu nội dung, hình thức, thời hạn nộp sản phẩm, cách thức và nguồn tìm hiểu sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện tìm kiếm thông tin trên môi trường số (Internet) theo quy trình để thu thập dữ liệu về thực trạng sử dụng điện và các biện pháp tiết kiệm. - HS sử dụng các công cụ số để chia sẻ và tổng hợp thông tin đã tìm được trong nhóm. 	<p>1. Thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập danh sách các đồ dùng điện được sử dụng trong gia đình bao gồm: tên, công suất, số lượng và thời gian sử dụng trong một ngày. - Lựa chọn một số đồ dùng điện trong gia đình, tính điện năng tiêu thụ, chi phí sử dụng điện trong một tháng của các đồ dùng điện đó. So sánh với tổng chi phí điện mà gia đình phải trả hằng tháng thông qua hoá đơn tiền điện. <p>2. Nguyên nhân gây lãng phí điện năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và chỉ ra những biểu hiện sử dụng đồ dùng điện không an toàn, lãng phí điện năng. Qua đó, đánh giá về mức độ sử dụng điện an toàn và tiết kiệm trong gia đình. <p>3. Biện pháp sử dụng điện năng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình.</p> <p>Đề xuất những việc làm cụ thể để việc sử dụng điện năng trong gia đình em được an toàn, tiết kiệm</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ trong nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HS có thể hỏi ý kiến GV nếu cần thiết. - HS thực hiện nhiệm vụ phân công theo kế hoạch và thực hiện thời gian 1 tuần. <p>Tùy điều kiện, khả năng các em sẽ thu thập thông tin, tìm hiểu thực tiễn bằng cách quan sát, đọc sách tham khảo, tìm thông tin trên Internet, sau khi đã thu thập được các thông tin cần thiết, học sinh sẽ xây dựng sản phẩm của nhóm và cá nhân.</p>	

Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ của giáo viên đưa ra.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 3: Báo cáo kết quả thực hiện dự án

a. Mục tiêu: HS tổng hợp và hoàn thiện sản phẩm của nhóm. Thông qua đó sẽ phản ánh kết quả học tập của học sinh trong quá trình thực hiện dự án.

b. Nội dung:

- Thực trạng sử dụng điện năng của gia đình
- Nguyên nhân gây lãng phí điện năng
- Biện pháp sử dụng điện năng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình

c. Sản phẩm: Poster, giấy A0, báo cáo power Point

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện thông qua hình thức poster trên giấy A0 hoặc trình chiếu trên Power Point và sản phẩm. - Poster số được thiết kế bằng các công cụ số (như Canva, PowerPoint) hoặc bài trình chiếu điện tử. - Báo cáo dự án nhóm được hoàn thành thông qua các công cụ cộng tác trực tuyến.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực trạng sử dụng điện năng của gia đình - Nguyên nhân gây lãng phí điện năng - Biện pháp sử dụng điện năng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình
Thực hiện nhiệm vụ	
Đại diện nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm mình theo từng tiểu chủ đề đã được giao từ tiết đầu dựa trên PHT và các thông tin thu thập được trong quá trình tìm hiểu và thu thập thông tin.	

Báo cáo, thảo luận	
<p>Đại diện nhóm trình bày, thuyết minh cho sản phẩm của nhóm.</p> <p>Khi trao đổi nhận xét, đánh giá, thảo luận trong lớp thì các thành viên khác có thể tham gia phát biểu ý kiến.</p> <p>Các nhóm lắng nghe, bổ sung ý kiến và có thể đặt ra câu hỏi.</p> <p>GV lắng nghe và hỗ trợ các nhóm trả lời câu hỏi của nhóm khác.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét, góp ý các câu hỏi trả lời của học sinh.</p> <p>GV chốt lại kiến thức, yêu cầu HS ghi nhớ.</p> <p>HS ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.</p>	

Hoạt động 4: Đánh giá dự án

a. Mục tiêu: Tổng kết lại kiến thức bài học. Đánh giá hoạt động của học sinh.

b. Nội dung: Đánh giá kết quả thực hiện các tiểu dự án của học sinh

c. Sản phẩm: Bảng đánh giá của GV và HS

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV tổ chức cho học sinh tham gia đánh giá các tiểu dự án của các nhóm khác nhau.	Bảng đánh giá của GV và HS
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>GV hoàn thiện phiếu đánh giá của mình và yêu cầu các nhóm tự đánh giá và cho điểm các thành viên trong nhóm cũng như đánh giá kết quả của nhóm khác.</p> <p>HS tự đánh giá trong nhóm một cách khách quan theo bảng phân công nhiệm vụ đã lập từ đầu.</p>	
Báo cáo, thảo luận	

Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình và kết quả của nhóm khác.	
Kết luận và nhận định	
GV tổng hợp các phiếu đánh giá và công bố kết quả của từng nhóm và cũng như của từng HS. GV tuyên dương, khen thưởng và ghi nhận sự cố gắng của các nhóm. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Xây dựng bộ câu hỏi gợi ý và các phiếu học tập

Phiếu học tập số 1.

Câu 1. Điện năng được sử dụng ở các đồ dùng điện nào?

Câu 2. Điện năng có vai trò như thế nào?

Câu 3. Kể tên những hành động sử dụng điện năng không an toàn và tiết kiệm?

Câu 4. Để khắc phục những hành động sử dụng điện năng không an toàn và tiết kiệm cần thực hiện biện pháp nào?

Phiếu học tập số 2

Câu 1.

1. Lập danh sách các đồ dùng điện trong gia đình

STT	Tên đồ dùng điện	Công suất (W)	Số lượng	Thời gian sử dụng trong ngày t(h)
1				
2				
3				

2. Tính điện năng tiêu thụ của đồ dùng điện trong gia đình

TT	Tên đồ dùng điện	Điện năng tiêu thụ của đồ dùng điện trong ngày A(Wh)	Chi phí sử dụng điện năng của đồ dùng điện trong ngày
1			
2			
3			

4			
---	--	--	--

Ghi chú:

- Điện năng tiêu thụ của một đồ dùng điện = công suất X thời gian sử dụng của đồ dùng điện.
- Điện năng tiêu thụ của các đồ dùng điện = tổng điện năng tiêu thụ của từng đồ dùng điện trong gia đình.
- Chi phí sử dụng điện năng = điện năng tiêu thụ X giá tiền điện sinh hoạt hiện hành.

*** Tiêu thụ điện năng của gia đình trong tháng.**

Nếu điện năng tiêu thụ các ngày trong tháng như nhau thì điện năng tiêu thụ trong tháng (30 ngày) là $A = \dots\dots\dots$

3. Nguyên nhân gây lãng phí điện năng

.....

.....

.....

.....

4. Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 2. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Hoạt động 1: Tiết 1

Hoạt động 2: Thực hiện ở nhà 1 tuần

Hoạt động 3, 4: Tiết 2

PHỤ LỤC 3. CÁC PHIẾU ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**1. Hồ sơ của nhóm**

Tên nhóm:

Danh sách và vị trí nhân sự:

Vị trí	Mô tả nhiệm vụ	Tên thành viên
Nhóm trưởng	Quản lý các thành viên trong nhóm, hướng dẫn, góp ý, đôn đốc các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	
Thư kí		
Thành viên		

		
Thành viên		
Thành viên		

2. Phiếu đánh giá kết quả báo cáo dự án trước lớp

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 1: ĐÁNH GIÁ BẢN BÁO CÁO DỰ ÁN AN TOÀN VÀ TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

Phiếu này được sử dụng để đánh giá nhóm khi báo cáo dự án an toàn và tiết kiệm điện năng

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đạt được
1.	Cấu trúc bài báo cáo đầy đủ nội dung, rõ ràng, chặt chẽ.	7	
2.	Diễn đạt tự tin trôi chảy, thuyết phục	2	
3.	Hình thức báo cáo đẹp, phong phú, hấp dẫn	1	
	Tổng điểm	10	

ÔN TẬP HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa kiến thức về trang phục và thời trang
- Hệ thống hóa kiến thức về đồ dùng điện trong gia đình.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được thời trang trong cuộc sống. Nhận biết được sử dụng và bảo quản trang phục. Nhận biết được thời trang. Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.
- Đánh giá công nghệ: Đánh giá việc lựa chọn trang phục phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi và công việc. Lựa chọn được đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.
- Thiết kế kỹ thuật: Vẽ được sơ đồ khối của một số đồ dùng điện.

- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được phương pháp sử dụng và bảo quản trang phục phù hợp. Xây dựng phong cách thời trang phù hợp với bản thân và các thành viên trong gia đình. Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến trang phục trong gia đình, đồ dùng điện trong gia đình lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra

- Năng lực số:

- + 1.1.TC1b: Thực hiện tìm kiếm theo quy trình để tổng hợp kiến thức về trang phục và thời trang phục vụ bài ôn tập.
- + 2.2.TC1b: Giải thích cách hoạt động như một trung gian để chia sẻ các tài liệu ôn tập thời trang cho bạn bè qua mạng.
- + 4.3.TC1a: Giải thích được các cách tránh rủi ro cho mắt khi dành nhiều thời gian tìm kiếm thông tin thời trang trên màn hình.
- + 1.3.TC1b: Sắp xếp kiến thức về các loại đồ dùng điện một cách trật tự trong một sơ đồ hệ thống trên môi trường số.
- + 5.4.TC1b: Chỉ ra được các nguồn tài liệu số để tự học và cập nhật kiến thức về các thiết bị điện thế hệ mới.
- + 2.6.TC1b: Giải thích được cách bảo vệ danh tiếng trực tuyến khi tham gia thảo luận trên các hội nhóm về kỹ thuật điện gia đình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tham gia tích cực các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A0.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm
- Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Hoạt động ôn tập (33')

- Lòng ghép hướng dẫn HS cách bảo vệ thị lực (quy tắc 20-20-20) khi sử dụng thiết bị số để tìm kiếm thông tin ôn tập trong thời gian dài.
- Thảo luận về trách nhiệm và cách bảo vệ danh tính số khi tham gia đặt câu hỏi hoặc bình luận trên các diễn đàn, hội nhóm về kỹ thuật điện gia đình.

- GV hướng dẫn HS sử dụng công cụ tìm kiếm (Google) theo từ khóa để tổng hợp thông tin về các loại đồ dùng điện thể hệ mới và các phong cách thời trang hiện đại.
- HS thực hiện chia sẻ các đường link tài liệu, hình ảnh minh họa về sơ đồ khối đồ dùng điện vào nhóm học tập trực tuyến của lớp để cùng thảo luận.

a. Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về trang phục và thời trang, đồ dùng điện trong gia đình

b. Nội dung: Trang phục và thời trang. Đồ dùng điện trong gia đình

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo kết quả nhóm.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chia lớp làm 7 nhóm, các nhóm tiến hành thảo luận nội dung sau (thời gian 10 phút)	1. Trang phục trong đời sống
Nhóm 1	- Vai trò của trang phục.
1. Trang phục có vai trò như thế nào trong đời sống con người?	- Một số loại trang phục
2. Hãy phân loại trang phục theo một số tiêu chí và trình bày đặc điểm của trang phục	- Đặc điểm của trang phục
Nhóm 2:	2. Sử dụng và bảo quản trang phục
3. Trang phục có thể được làm từ các loại vải nào?	- Lựa chọn trang phục
Nhóm 4:	- Sử dụng trang phục
4. Có thể lựa chọn trang phục dựa trên những tiêu chí nào?	- Bảo quản trang phục
Nhóm 3:	3. Thời trang
5. Kể tên một số loại trang phục em thường mặc và đề xuất phương án phù hợp để bảo quản chúng.	- Thời trang trong cuộc sống
6. Thời trang là gì? Hãy lựa chọn phong cách thời trang em yêu thích và giải thích tại sao?	- Một số phong cách thời trang
Nhóm 4	4. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình
7. Hãy kể tên một số đồ dùng điện trong gia đình và nêu công dụng của chúng	- Đồ dùng điện trong gia đình
8. Liệt kê tên các bộ phận chính của bếp hồng ngoại. Vẽ sơ đồ khối và mô tả nguyên lý làm việc của bếp hồng ngoại	- Thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình
	- Lựa chọn và sử dụng đồ dùng điện trong gia đình
	5. Bếp hồng ngoại
	- Cấu tạo
	- Nguyên lý làm việc
	- Lựa chọn và sử dụng
	6. Nồi cơm điện
	- Cấu tạo
	- Nguyên lý làm việc
	- Lựa chọn và sử dụng

<p>Nhóm 5:</p> <p>9. Trình bày chức năng các bộ phận chính của nồi cơm điện. Vẽ sơ đồ khối và mô tả nguyên lý làm việc của nồi cơm điện</p> <p>10. Với cùng độ sáng, bóng đèn nào trong ba loại (sợi đốt, huỳnh quang, LED) tiêu thụ năng lượng ít nhất?</p> <p>Nhóm 6</p> <p>11. Trình bày một số lưu ý khi lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình để tiết kiệm năng lượng và phù hợp với điều kiện gia đình</p> <p>Nhóm 6:</p> <p>12. Liệt kê một số tình huống không an toàn khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình</p> <p>Nhóm 7</p> <p>13. Tính toán chi phí sử dụng điện năng trong một tháng của một số đồ dùng điện trong gia đình.</p> <p>14. Hãy đề xuất một số biện pháp cụ thể để việc sử dụng điện trong gia đình được an toàn và tiết kiệm.</p> <p>HS nhận nhiệm vụ.</p>	<p>7. Đèn điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát chung - Một số loại bóng đèn thông dụng <p>8. Dự án. An toàn và tiết kiệm điện trong gia đình</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành yêu cầu của GV.</p> <p>GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét phần trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.</p>	

Hoạt động 2: Luyện tập(8')

a.Mục tiêu: Củng cố kiến thức về trang phục và thời trang

b. Nội dung: Trang phục và thời trang. Đồ dùng điện trong gia đình

c. Sản phẩm: Hoàn thành sơ đồ

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV phân chia nhóm, phát giấy A0 cho các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và đưa ra sơ đồ tư duy gồm trang phục và thời trang; đồ dùng điện trong gia đình. Thời gian là 4 phút. - Sản phẩm sơ đồ tư duy hệ thống hóa kiến thức chương III và IV được thực hiện trên các ứng dụng thiết kế số (như Canva, MindMeister hoặc sơ đồ trên PowerPoint).	Hoàn thành sơ đồ
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành sơ đồ tư duy gồm trang phục và thời trang; đồ dùng điện trong gia đình. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 3: Vận dụng(3')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Trang phục và thời trang. Đồ dùng điện trong gia đình

c. Sản phẩm: Bản ghi trên giấy A4

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV yêu cầu HS về nhà mô tả phong cách thời trang của bản thân và các thành viên trong gia đình. Ghi vào giấy A4. Giờ sau nộp GV. - Giúp học sinh biết cách khai thác các nguồn học liệu số uy tín để tự học và cập nhật những thay đổi của công nghệ đồ dùng điện và xu hướng thời trang thực tế.	Bản ghi giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

THỰC HÀNH. BẾP HỒNG NGOẠI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Trình bày được cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại.
- Đọc được các thông số kỹ thuật ghi trên bếp hồng ngoại.
- Tự chuẩn bị được dụng cụ và vật liệu thực hành.
- Thực hiện cấp điện cho bếp, bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại. Nhận biết quy trình bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại.
- Giao tiếp công nghệ: Đọc được các thông số kỹ thuật ghi trên bếp hồng ngoại.
- Đánh giá công nghệ: Đánh giá được sản phẩm bếp hồng ngoại sau khi sử dụng.
- Sử dụng công nghệ: Tự chuẩn bị được dụng cụ và vật liệu thực hành. Thực hiện cấp điện cho bếp, bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận về bếp hồng ngoại, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.3. Năng lực số:

+ 6.1.TC1b: Diễn giải được khái niệm về cảm biến và bảng điều khiển thông minh tích hợp AI trong bếp hồng ngoại hiện đại.

+ 4.3.TC1b: Lựa chọn được những cách thức an toàn để bảo vệ bản thân tránh rủi ro nhiệt khi sử dụng các thiết bị điện thông minh.

+ 2.1.TC1a: Thực hiện tương tác với các giao diện điều khiển số mô phỏng để hiểu quy trình vận hành bếp an toàn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Thực hiện biện pháp chăm sóc phù hợp với từng giống gà.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Dụng cụ, thiết bị: bếp hồng ngoại.
- Nguồn điện 220 V.
- Phiếu báo cáo thực hành theo mẫu.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ, thiết bị: bếp hồng ngoại.
- Nguồn điện 220 V.
- Phiếu báo cáo thực hành theo mẫu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học (3')

a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: Giới thiệu bài dạy.

c. Sản phẩm: Giải quyết được tình huống.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên đưa ra tình huống: Nhà bạn Lan tổ chức họp mặt gia đình, nhà bạn Lan muốn làm món ăn lẩu hải sản. Để chuẩn bị dụng cụ và nguyên vật liệu món nấu, bố bạn Lan đem bếp hồng ngoại ra sử dụng. Để giúp bố bạn Lan sử dụng được bếp hồng ngoại đó thì cần phải làm như thế nào?

GV yêu cầu HS cùng bàn trao đổi thảo luận nhóm với nhau.

Thời gian 1 phút. Giải quyết tình huống.

HS tiếp nhận tình huống

- Giáo viên có thể đặt câu hỏi mở rộng về các tính năng thông minh hoặc các biện pháp an toàn khi sử dụng bếp hồng ngoại hiện đại để khơi gợi sự tò mò của HS về các khía cạnh công nghệ số

Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi thảo luận với nhau.

HS giải quyết tình huống.

Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện trả lời. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

GV dẫn dắt nội dung bài mới: Bếp hồng ngoại có cấu tạo và chức năng như thế nào? Làm thế nào để sử dụng bếp hồng ngoại an toàn, tiết kiệm và hiệu quả thì chúng ta vào bài hôm nay.

HS định hình nhiệm vụ học tập

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết(5')

a. Mục tiêu: Chọn được những vật liệu và dụng cụ cần thiết cho bài thực hành.

b. Nội dung: Vật liệu và dụng cụ thực hành.

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu các nhóm tiến hành liệt kê các dụng cụ và vật liệu cần thiết cho bài thực hành.

I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết
- Dụng cụ, thiết bị: bếp hồng ngoại.
- Nguồn điện 220 V.

Thực hiện nhiệm vụ

HS kiểm tra lại vật liệu và dụng cụ thực hành đã được phát và chuẩn bị.

GV bao quát lớp, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

Các nhóm thống nhất kết quả làm việc, lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết.

Báo cáo, thảo luận

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.

Nội dung 2: Đọc các thông số ghi trên bếp hồng ngoại (7')

a. Mục tiêu: Đọc được các thông số kỹ thuật ghi trên bếp hồng ngoại.

b. Nội dung: Thông số kỹ thuật của bếp hồng ngoại.

c. Sản phẩm: Hoàn thành mục 1 của báo cáo thực hành.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát bếp hồng ngoại đã chuẩn bị.

GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và thảo luận, ghi các thông số kỹ thuật của bếp hồng ngoại vào mục 1. Báo cáo thực hành.

II. Nội dung và trình tự thực hành
1. Đọc thông số kỹ thuật ghi trên bếp hồng ngoại.

Sau đó hoàn thành bản báo cáo thực hành.

Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV.

Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình.

Các nhóm tiến hành thảo luận và ghi thông số kỹ thuật của bếp hồng ngoại vào báo cáo thực hành.

Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp.

Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình

Nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét phần trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ.

Nội dung 3: Quan sát, chỉ ra cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại (7')

a. Mục tiêu: Trình bày được cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại.

b. Nội dung: Cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại.

c. Sản phẩm: Hoàn thành mục 2 của báo cáo thực hành

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS quan sát bếp hồng ngoại đã chuẩn bị.

GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và thảo luận, ghi cấu tạo và chức năng các bộ phận chính của bếp hồng ngoại vào mục 2. Báo cáo thực hành. Sau đó hoàn thành bản báo cáo thực hành.

- Khi quan sát cấu tạo và chức năng, HS cần nhận diện và diễn giải được khái niệm về cảm biến và bảng điều khiển thông minh tích hợp AI trong bếp hồng ngoại hiện đại.

II. Nội dung và trình tự thực hành
2. Quan sát, chỉ ra cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại

Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV.

Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình.

Các nhóm tiến hành thảo luận và ghi cấu tạo và chức năng các bộ phận chính của bếp hồng ngoại vào báo cáo thực hành.

Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp

thời các thao tác thực hành của HS

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp.

Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình

Nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét phần trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ.

Nội dung 4: Cấp điện cho bếp, bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại(13')

a. Mục tiêu: Thực hiện cấp điện cho bếp, bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại.

b. Nội dung: Cấp điện cho bếp, bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại

c. Sản phẩm: Sử dụng được bếp hồng ngoại.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS thực hiện cấp điện cho bếp, bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại

GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và tiến hành thực hành theo yêu cầu trên.

- Giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS, đặc biệt nhấn mạnh các cách thức an toàn để bảo vệ bản thân tránh rủi ro nhiệt khi sử dụng thiết bị điện thông minh.

II. Nội dung và trình tự thực hành

3. Cấp điện cho bếp, bật/tắt, tăng/giảm nhiệt độ, chọn chế độ nấu của bếp hồng ngoại

Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV.

Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình.

Các nhóm tiến hành thảo luận và thực hành theo yêu cầu trên.

Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp.

Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình

Nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét phần trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ.

Hoạt động 3: Đánh giá, tổng kết (7')

a. Mục tiêu: Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chủ đề học tập; giao nhiệm vụ học tập cho bài mới.

b. Nội dung: Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các vấn đề cần rút kinh nghiệm; giao nhiệm vụ học tập mới.

c. Sản phẩm: Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu các nhóm tự đánh giá và nhận xét theo phiếu đánh giá 2 và 3.

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.

- Các nhóm tiến hành thảo luận và thực hành theo yêu cầu trên, trong đó HS thực hiện tương tác với các giao diện điều khiển số của bếp để hiểu quy trình vận hành an toàn.

Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu tự đánh giá số 2 và 3.

Báo cáo, thảo luận

Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét.

HS nghe và ghi nhớ.

Hoạt động 4: Vận dụng (2')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Bếp hồng ngoại

c. Sản phẩm: 1 bản ghi giấy A4.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS về nhà mô tả cách sử dụng bếp hồng ngoại tại gia đình em. Ghi vào giấy A4. Nộp lại cho GV buổi học sau.

1 bản ghi giấy A4.

- HS về nhà mô tả cách sử dụng bếp hồng ngoại tại gia đình em, đặc biệt chú ý đến các tính năng an toàn và cách tương tác với bảng điều khiển số hoặc các tính năng thông minh (nếu có) của bếp

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS trình bày, HS khác nhận xét và bổ sung cho nội dung vừa nêu.
Xin ý kiến của GV.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.
GV chốt lại kiến thức.

PHỤ LỤC 1. BÁO CÁO THỰC HÀNH. BẾP HỒNG NGOẠI**Nhóm:**

Họ và tên.

1.....
2.....
3.....
4.....

1.Tên hãng sản xuất:.....
Loại bếp(Đơn/đôi):.....

Thông số kỹ thuật**Ý nghĩa**

2.Cấu tạo và bộ phận chính của bếp

Tên bộ phận chính**Chức năng****PHỤ LỤC 2****Phiếu đánh giá tổng hợp**

Tên nhóm.....lớp.....

N1 N2 N3 N4 N5 N6 N7 N8 N9 N10 GV

Sản
phẩm(90
%)

Ý thức
(10%)

**Điểm
trung
bình
(ĐTB)**

Cách tính điểm

+ Điểm trung bình của nhóm

ĐTB= (sản phẩmx9 +ý thứcx6):10

+ Điểm cá nhân

Điểm cá nhân =(YTCN+ĐTB)/2

TT**Họ và tên****Điểm****Ghi chú**

1
2
3
4

PHỤ LỤC 3

Phiếu đánh giá điểm ý thức cá nhân trong quá trình hoạt động nhóm(YTCN)

TT	Họ và tên	Tiêu chí đánh giá			
		Hợp tác nhóm, chủ động, sáng tạo	Hoàn thành nhiệm vụ được giao	Ý thức tổ chức, kỷ luật	Tổng điểm
		Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	10

1
2
3
4

- Mức điểm cho tiêu chí hợp tác, trách nhiệm

Mức độ	Chưa tốt	Tốt	Rất tốt
	Có sự hợp tác với các thành viên trong nhóm nhưng vẫn còn hạn chế; chưa chủ động trong việc phối hợp nhóm làm việc.	Chủ động, có trách nhiệm với công việc được giao.	Chủ động có trách nhiệm cao với công việc được giao, có sự sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ kết quả tích cực
Điểm đánh giá	1	3	5

- Mức điểm cho tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ

Mức độ	Không thực hiện nhiệm vụ	Hoàn thành một phần	Hoàn thành tốt	Hoàn thành rất tốt
--------	--------------------------------	------------------------	-------------------	--------------------------

được giao

Điểm	0	1	3	4
đánh giá				

- Mức độ cho tiêu chí về ý thức tổ chức kỷ luật

Mức độ **Đi muộn, không nghiêm túc** **Chấp hành nội**
trong giờ **quy tốt**

Điểm	0	1
đánh giá		

THỰC HÀNH. CHẾ BIẾN MÓN ĂN MÓN SA-LÁT HOA QUẢ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Trình bày được quy trình thực hiện chế biến món sa-lát hoa quả
- Tự chuẩn bị được dụng cụ và nguyên liệu thực hành.
- Thực hiện làm được món sa-lát hoa quả theo đúng quy trình và đảm bảo an toàn thực phẩm.

2. Năng lực**2.1. Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết quy trình thực hiện chế biến món sa-lát hoa quả.
- Sử dụng công nghệ: Tự chuẩn bị được dụng cụ và nguyên liệu thực hành. Thực hiện làm được món sa-lát hoa quả theo đúng quy trình và đảm bảo an toàn thực phẩm
- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét món ăn đạt yêu cầu kỹ thuật.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận về món sa-lát hoa quả, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực số:

- + 1.2.TC1b: Thực hiện phân tích và đánh giá thông tin được xác định rõ ràng trên nhãn thực phẩm đóng hộp bằng công cụ số.
- + 3.1.TC1a: Chỉ ra được cách tạo và chỉnh sửa một video ngắn mô tả quy trình chế biến món salad hoa quả hoặc nộm rau muống.
- + 5.1.TC1b: Chọn được các giải pháp số (như ứng dụng nhắc nhở) để quản lý thời gian bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Thực hiện biện pháp chăm sóc phù hợp với từng giống gà.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nguyên liệu: Táo: 2 quả, dứa: 1 quả; dưa chuột: 1 quả; thanh long: 1 quả; cà chua bi: 3 quả; chanh: 1 quả; sữa đặc: 40g; mật ong: 2 thìa canh; sốt mai-o-ne (mayonnaise): 50g; rau xà lách: 1 cây; đường: đủ dùng.
- Dụng cụ: Dao thái, thớt, bát (tô) to, đĩa to.
- Giấy A0. Ảnh. Power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Nguyên liệu: Táo: 2 quả, dứa: 1 quả; dưa chuột: 1 quả; thanh long: 1 quả; cà chua bi: 3 quả; chanh: 1 quả; sữa đặc: 40g; mật ong: 2 thìa canh; sốt mai-o-ne (mayonnaise): 50g; rau xà lách: 1 cây; đường: đủ dùng.
- Dụng cụ: Dao thái, thớt, bát (tô) to, đĩa to.
- Báo cáo thực hành.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học (3')

a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: Giới thiệu bài dạy.

c. Sản phẩm: Giải quyết được tình huống.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>Giáo viên đưa ra tình huống: cho các loại thực phẩm như sau</p>  <p>Giáo viên đưa ra tình huống: cho các loại thực phẩm như sau</p>	<p>Giải quyết tình huống.</p>

  <p>? Làm thế nào để có món ăn như sau</p>  <p>? Làm thế nào để có món ăn như sau</p> <p>GV yêu cầu HS cùng bàn trao đổi thảo luận nhóm với nhau. Thời gian 1 phút. Giải quyết tình huống.</p> <p>HS tiếp nhận tình huống</p>	
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS trao đổi thảo luận với nhau.</p> <p>HS giải quyết tình huống.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV gọi đại diện trả lời. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p> <p>Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>GV dẫn dắt nội dung bài mới: Để từ thực phẩm trên có món ăn trên thì chúng ta cần phải tiến hành trộn hỗn hợp tạo thành món sa-lát hoa quả. Vậy món sa-lát hoa quả được tiến hành như thế nào thì chúng ta vào bài hôm nay.</p> <p>HS định hình nhiệm vụ học tập</p>	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết(5')

- a. Mục tiêu: Chọn được những vật liệu và dụng cụ cần thiết cho bài thực hành.
 b. Nội dung: Vật liệu và dụng cụ thực hành.
 c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.
 d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu các nhóm tiến hành liệt kê các dụng cụ và vật liệu cần thiết cho bài thực hành. - Trong quá trình liệt kê vật liệu, HS có thể sử dụng điện thoại/máy tính để tìm kiếm thông tin về các loại nguyên liệu, đặc biệt là đọc và phân tích nhãn thực phẩm đóng hộp (nếu có) để đảm bảo chất lượng và an toàn.	1. Vật liệu và dụng cụ cần thiết - Nguyên liệu: Táo: 2 quả, dưa: 1 quả; dưa chuột: 1 quả; thanh long: 1 quả; cà chua bi: 3 quả; chanh: 1 quả; sữa đặc: 40g; mật ong: 2 thìa canh; sốt mai-o-ne (mayonnaise): 50g; rau xà lách: 1 cây; đường: đủ dùng. - Dụng cụ: Dao thái, thớt, bát (tô) to, đĩa to.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS kiểm tra lại vật liệu và dụng cụ thực hành đã được phát và chuẩn bị. GV bao quát lớp, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ. Các nhóm thống nhất kết quả làm việc, lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.	

Nội dung 2: Thực hành quy trình làm món sa-lát hoa quả (7')

- a. Mục tiêu: Trình bày được quy trình thực hiện chế biến món sa-lát hoa quả. Tự chuẩn bị được dụng cụ và nguyên liệu thực hành. Thực hiện làm được món sa-lát hoa quả theo đúng quy trình và đảm bảo an toàn thực phẩm
 b. Nội dung: Quy trình làm món sa-lát hoa quả
 c. Sản phẩm: Món sa-lát hoa quả (dành cho 3-4 người ăn).

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV đàm thoại, thuyết trình nêu quy trình chế biến món ăn sa-lát hoa quả</p> <p>Bước 1: Sơ chế nguyên liệu</p> <p>+ Các loại trái cây: làm sạch, gọt vỏ, bỏ hạt, thái miếng vừa ăn.</p> <p>+ Rau xà lách: tách rời các lá, rửa sạch.</p> <p>Bước 2: Trộn</p> <p>+ Làm nước sốt: Cho sữa đặc, mật ong, sốt mai-o-ne, đường vào bát to rồi trộn đều.</p> <p>+ Trộn hoa quả với nước sốt: cho tất cả hoa quả đã sơ chế vào bát đựng nước sốt, dùng thìa đảo đều để nước sốt ngấm vào các loại hoa quả.</p> <p>Bước 3: Trình bày món ăn</p> <p>+ Xếp lá xà lách lên đĩa, cho sa-lát lên trên.</p> <p>+ Trình bày món ăn cho đẹp mắt, hấp dẫn</p> <p>GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và thực hiện quy trình như trên. Sau đó hoàn thành bản báo cáo thực hành.</p> <p>- Các nhóm tiến hành thảo luận và hoàn thành chế biến món ăn sa-lát hoa quả. Trong quá trình thực hiện, các nhóm có thể quay video ngắn hoặc chụp ảnh các bước thực hiện để minh họa quy trình chế biến, sau đó chỉnh sửa để tạo thành một video hướng dẫn đơn giản.</p> <p>- Món sa-lát hoa quả (dành cho 3-4 người ăn) kèm theo video ngắn hoặc chuỗi ảnh minh họa các bước chế biến.</p>	<p>II. Nội dung và trình tự thực hành</p> <p>Bước 1: Sơ chế nguyên liệu</p> <p>+ Các loại trái cây: làm sạch, gọt vỏ, bỏ hạt, thái miếng vừa ăn.</p> <p>+ Rau xà lách: tách rời các lá, rửa sạch.</p> <p>Bước 2: Trộn</p> <p>+ Làm nước sốt: Cho sữa đặc, mật ong, sốt mai-o-ne, đường vào bát to rồi trộn đều.</p> <p>+ Trộn hoa quả với nước sốt: cho tất cả hoa quả đã sơ chế vào bát đựng nước sốt, dùng thìa đảo đều để nước sốt ngấm vào các loại hoa quả.</p> <p>Bước 3: Trình bày món ăn</p> <p>+ Xếp lá xà lách lên đĩa, cho sa-lát lên trên.</p> <p>+ Trình bày món ăn cho đẹp mắt, hấp dẫn</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV.</p> <p>Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các</p>	

thành viên của nhóm mình. Thực hiện. Các nhóm tiến hành thảo luận và hoàn thành chế biến món ăn sa-lát hoa quả. Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp. Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 3: Đánh giá, tổng kết (5')

a. Mục tiêu: Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chủ đề học tập; giao nhiệm vụ học tập cho bài mới.

b. Nội dung: Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các vấn đề cần rút kinh nghiệm; giao nhiệm vụ học tập mới.

c. Sản phẩm: Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu các nhóm tự đánh giá và nhận xét theo phiếu đánh giá 2 và 3. HS tiếp nhận nhiệm vụ. - Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các vấn đề cần rút kinh nghiệm; giao nhiệm vụ học tập mới. Thảo luận về cách bảo quản các nguyên liệu còn lại hoặc món salad đã chế biến bằng cách tìm kiếm và lựa chọn các ứng dụng số (nếu có) để quản lý thời gian bảo quản thực phẩm.	Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.

Thực hiện nhiệm vụ	
- Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu tự đánh giá số 2 và 3.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét.	

Hoạt động 4: Vận dụng (2')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Món sa-lát hoa quả.

c. Sản phẩm: 1 bản ghi giấy A4.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà mô tả quy trình làm món sa-lát hoa quả sữa chua. Ghi vào giấy A4. Nộp lại cho GV buổi học sau. - GV yêu cầu HS về nhà mô tả quy trình làm món sa-lát hoa quả sữa chua. HS có thể lựa chọn trình bày dưới dạng văn bản trên giấy A4 hoặc tạo một bài trình chiếu/video ngắn để mô tả quy trình, sau đó chia sẻ với giáo viên qua nền tảng học tập số.	1 bản ghi giấy A4
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
Cá nhân HS trình bày, HS khác nhận xét và bổ sung cho nội dung vừa nêu. Xin ý kiến của GV.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức.	

PHỤ LỤC 1. BÁO CÁO THỰC HÀNH. MÓN SA-LÁT HOA QUẢ**Nhóm:**

Họ và tên:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....

Tiêu chuẩn đánh giá

- Nguyên liệu trong món ăn không bị nát.
- Màu sắc hài hoà, có mùi thơm trái cây.
- Có vị ngọt, chua dịu nhẹ, thanh mát.

PHỤ LỤC 2**Phiếu đánh giá tổng hợp**

Tên nhóm.....lớp.....

	N1	N2	N3	N4	N5	N6	N7	N8	N9	N10	GV
Sản phẩm(90%)											
Ý thức (10%)											

Điểm trung bình (ĐTB)

Cách tính điểm

+ Điểm trung bình của nhóm

 $\text{ĐTB} = (\text{sản phẩm} \times 9 + \text{ý thức} \times 6) : 10$

+ Điểm cá nhân

 $\text{Điểm cá nhân} = (\text{YTCN} + \text{ĐTB}) / 2$

TT	Họ và tên	Điểm	Ghi chú
1			
2			
3			
4			

PHỤ LỤC 3**Phiếu đánh giá điểm ý thức cá nhân trong quá trình hoạt động nhóm(YTCN)**

TT	Họ và tên	Tiêu chí đánh giá			
		Hợp tác nhóm,	Hoàn thành nhiệm vụ	Ý thức tổ chức, kỷ	Tổng điểm

		chủ động, sáng tạo	được giao	luật	
		Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	10
1					
2					
3					
4					

- Mức điểm cho tiêu chí hợp tác, trách nhiệm

Mức độ	Chưa tốt	Tốt	Rất tốt
	Có sự hợp tác với các thành viên trong nhóm nhưng vẫn còn hạn chế; chưa chủ động trong việc phối hợp nhóm làm việc.	Chủ động, có trách nhiệm với công việc được giao.	Chủ động có trách nhiệm cao với công việc được giao, có sự sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ kết quả tích cực
Điểm đánh giá	1	3	5

- Mức điểm cho tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ

Mức độ	Không thực hiện nhiệm vụ được giao	Hoàn thành một phần	Hoàn thành tốt	Hoàn thành rất tốt
Điểm đánh giá	0	1	3	4

- Mức độ cho tiêu chí về ý thức tổ chức kỷ luật

Mức độ	Đi muộn, không nghiêm túc trong giờ	Chấp hành nội quy tốt
Điểm đánh giá	0	1

THỰC HÀNH. CHẾ BIẾN MÓN ĂN NỘM RAU MUỐNG TÔM THỊT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Trình bày được quy trình thực hiện chế biến món nộm rau muống tôm thịt.
- Tự chuẩn bị được dụng cụ và nguyên liệu thực hành.
- Thực hiện làm được món nộm rau muống tôm thịt theo đúng quy trình và đảm bảo an toàn thực phẩm.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết quy trình thực hiện chế biến món nộm rau muống tôm thịt
- Sử dụng công nghệ: Tự chuẩn bị được dụng cụ và nguyên liệu thực hành. Thực hiện làm được món nộm rau muống tôm thịt qua theo đúng quy trình và đảm bảo an toàn thực phẩm
- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét món ăn đạt yêu cầu kỹ thuật.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận về món nộm rau muống tôm thịt, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.3. Năng lực số:

- + 1.2.TC1b: Thực hiện phân tích và đánh giá thông tin được xác định rõ ràng trên nhãn thực phẩm đóng hộp bằng công cụ số.
- + 3.1.TC1a: Chỉ ra được cách tạo và chỉnh sửa một video ngắn mô tả quy trình chế biến món salad hoa quả hoặc nộm rau muống.
- + 5.1.TC1b: Chọn được các giải pháp số (như ứng dụng nhắc nhở) để quản lý thời gian bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Thực hiện biện pháp chăm sóc phù hợp với từng giống gà.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nguyên liệu: Rau muống: 400g; tôm tươi: 200g; thịt ba chỉ: 200g; lạc rang: 100g; tỏi: 5-6 tép; đường trắng: 4 thìa cà phê; chanh: 1 quả; ớt: 2 quả; nước mắm: 4 thìa canh; hành 4 thìa canh.
- Dụng cụ: Rổ, dao, thớt, nồi, đĩa to
- Giấy A0. Ảnh. Power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Nguyên liệu: Rau muống: 400g; tôm tươi: 200g; thịt ba chỉ: 200g; lạc rang: 100g; tỏi: 5-6 tép; đường trắng: 4 thìa cà phê; chanh: 1 quả; ớt: 2 quả; nước mắm: 4 thìa canh; hành 4 thìa canh.
- Dụng cụ: Rổ, dao, thớt, nồi, đĩa to
- Báo cáo thực hành

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới.
- Nội dung: Giới thiệu bài dạy.
- Sản phẩm: Giải quyết được tình huống.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên đưa ra tình huống: cho các loại thực phẩm như sau

Giải quyết
tình huống.



? Làm thế nào để có món ăn như sau



GV yêu cầu HS cùng bàn trao đổi thảo luận nhóm với nhau.
Thời gian 1 phút. Giải quyết tình huống.

HS tiếp nhận tình huống

- GV có thể trình chiếu một video ngắn về món nộm rau muống tôm thịt hoặc hình ảnh minh họa để HS hình dung sản phẩm cuối cùng, gợi mở về quy trình chế biến.

Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi thảo luận với nhau.

HS giải quyết tình huống.

Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện trả lời. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

GV dẫn dắt nội dung bài mới: Để từ thực phẩm trên có món ăn trên thì chúng ta cần phải tiến hành trộn hỗn hợp tạo thành nộm rau muống tôm thịt. Vậy món nộm rau muống tôm thịt được tiến hành như thế nào thì chúng ta vào bài hôm nay.

HS định hình nhiệm vụ học tập

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết(5')

a. Mục tiêu: Chọn được những vật liệu và dụng cụ cần thiết cho bài thực hành.

b. Nội dung: Vật liệu và dụng cụ thực hành.

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu các nhóm tiến hành liệt kê các dụng cụ và vật liệu cần thiết cho bài thực hành

- GV hướng dẫn HS sử dụng điện thoại (nếu có) hoặc máy tính để tra cứu nhanh thông tin về các loại nguyên liệu (ví dụ: cách chọn tôm tươi, rau muống sạch) hoặc kiểm tra nhãn mác thực phẩm đóng gói (nếu có) để đánh giá chất lượng.

I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết

- Nguyên liệu: Rau muống: 400g; tôm tươi: 200g; thịt ba chỉ: 200g; lạc rang: 100g; tỏi: 5-6 tép; đường trắng: 4 thìa cà phê; chanh: 1 quả; ớt: 2 quả; nước mắm: 4 thìa canh; hành 4 thìa canh.

- Dụng cụ: Rổ, dao, thớt, nồi, đĩa to

Thực hiện nhiệm vụ

HS kiểm tra lại vật liệu và dụng cụ thực hành đã được phát và chuẩn bị.

GV bao quát lớp, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

Các nhóm thống nhất kết quả làm việc, lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết.

Báo cáo, thảo luận

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.

Nội dung 2: Thực hành quy trình làm món nộm rau muống tôm thịt(7')

a. Mục tiêu: Trình bày được quy trình thực hiện chế biến món nộm rau muống tôm thịt. Tự chuẩn bị được dụng cụ và nguyên liệu thực hành. Thực hiện làm được món nộm rau muống tôm thịt theo đúng quy trình và đảm bảo an toàn thực phẩm.

b. Nội dung: Quy trình làm món nộm rau muống tôm thịt

c. Sản phẩm: Món nộm rau muống tôm thịt (dành cho 3-4 người ăn)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV đàm thoại, thuyết trình nêu quy trình chế biến món ăn sa-lát hoa quả

Bước 1: Sơ chế nguyên liệu

+ Rau muống nhặt bỏ phần già, lá, rửa sạch, chẻ dọc theo thân thành các sợi mỏng và ngâm trong nước muối loãng 20 - 25 phút. Sau đó vớt ra rửa, để ráo nước.

+ Tôm và thịt luộc chín. Tôm bóc vỏ và để lại phần đuôi. Thịt cắt thành miếng nhỏ vừa ăn.

+ Lạc rang chín, bỏ vỏ và giã nhỏ.

+ Tỏi bóc vỏ, băm nhỏ. Ớt rửa sạch, băm nhỏ. Chanh vắt lấy nước cốt.

Bước 2: Làm nước sốt

+ Cho đường, nước cốt chanh, nước mắm vào bát rồi trộn đều.

+ Thêm tỏi, ớt vào hỗn hợp vừa trộn

Bước 3: Trình bày món ăn

+ Cho rau muống vào đĩa, xếp thịt ba chỉ và tôm lên trên, rắc lạc rang và hành phi.

+ Rải đều nước sốt vào đĩa nguyên liệu

GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và thực hiện quy trình như trên. Sau đó hoàn thành bản báo cáo thực hành.

- GV khuyến khích các nhóm ghi lại các bước thực hiện bằng hình ảnh hoặc video ngắn (sử dụng điện thoại) để sau này có thể tạo thành một video hướng dẫn hoàn chỉnh.

- HS về nhà tìm hiểu và mô tả quy trình làm món nộm xoài hải sản, có thể trình bày dưới dạng văn bản hoặc lên ý tưởng cho một bài trình chiếu/video ngắn.

II. Nội dung và trình tự thực hành

Bước 1: Sơ chế nguyên liệu

+ Rau muống nhặt bỏ phần già, lá, rửa sạch, chẻ dọc theo thân thành các sợi mỏng và ngâm trong nước muối loãng 20 - 25 phút. Sau đó vớt ra rửa, để ráo nước.

+ Tôm và thịt luộc chín. Tôm bóc vỏ và để lại phần đuôi. Thịt cắt thành miếng nhỏ vừa ăn.

+ Lạc rang chín, bỏ vỏ và giã nhỏ.

+ Tỏi bóc vỏ, băm nhỏ. Ớt rửa sạch, băm nhỏ. Chanh vắt lấy nước cốt.

Bước 2: Làm nước sốt

+ Cho đường, nước cốt chanh, nước mắm vào bát rồi trộn đều.

+ Thêm tỏi, ớt vào hỗn hợp vừa trộn

Bước 3: Trình bày món ăn

+ Cho rau muống vào đĩa, xếp thịt ba chỉ và tôm lên trên, rắc lạc rang và hành phi.

+ Rải đều nước sốt vào đĩa nguyên liệu

Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV.

Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình.

Các nhóm tiến hành thảo luận và hoàn thành chế biến món ăn

nộm rau muống tôm thịt

Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp.

Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình

Nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét phần trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ.

Hoạt động 3: Đánh giá, tổng kết (5')

a. Mục tiêu: Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chủ đề học tập; giao nhiệm vụ học tập cho bài mới.

b. Nội dung: Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các vấn đề cần rút kinh nghiệm; giao nhiệm vụ học tập mới.

c. Sản phẩm: Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu các nhóm tự đánh giá và nhận xét theo phiếu đánh giá 2 và 3.

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận về những khó khăn gặp phải và đề xuất các giải pháp số (ví dụ: ứng dụng hẹn giờ, ứng dụng quản lý công thức) có thể giúp cải thiện quy trình hoặc quản lý nguyên liệu tốt hơn trong lần thực hành tới.

Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.

Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu tự đánh giá số 2 và 3.

Báo cáo, thảo luận

Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét.

HS nghe và ghi nhớ.

Hoạt động 4: Vận dụng (2')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Món nộm rau muống tôm thịt

c. Sản phẩm: 1 bản ghi giấy A4.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS

Nội dung cần đạt

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS về nhà mô tả quy trình làm món nộm xoài hải sản. Ghi vào giấy A4. Nộp lại cho GV buổi học sau. **1 bản ghi giấy A4.**

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS trình bày, HS khác nhận xét và bổ sung cho nội dung vừa nêu.
Xin ý kiến của GV.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.
GV chốt lại kiến thức.

PHỤ LỤC 1. BÁO CÁO THỰC HÀNH. MÓN NỘM RAU MUỐNG TÔM THỊT**Nhóm:**

Họ và tên.

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....

Tiêu chuẩn đánh giá

- Rau muống không bị nát, giữ được màu xanh.
- Có mùi thơm của các loại thực phẩm.
- Có đủ vị chua, cay, mặn, ngọt, béo ngậy.
- Khi ăn cảm nhận được độ giòn của rau muống.

PHỤ LỤC 2**Phiếu đánh giá tổng hợp**

Tên nhóm.....lớp.....

N1	N2	N3	N4	N5	N6	N7	N8	N9	N1	GV
										0

Sản
phẩm(90
%)

Ý thức
(10%)

**Điểm
trung
bình
(ĐTB)**

Cách tính điểm
+ Điểm trung bình của nhóm
ĐTB= (sản phẩmx9 + ý thứcx6):10
+ Điểm cá nhân

Điểm cá nhân =(YTCN+ĐTB)/2

TT	Họ và tên	Điểm	Ghi chú
1			
2			
3			
4			

PHỤ LỤC 3

Phiếu đánh giá điểm ý thức cá nhân trong quá trình hoạt động nhóm(YTCN)

TT	Họ và tên	Tiêu chí đánh giá			Tổng điểm
		Hợp tác nhóm, chủ động, sáng tạo	Hoàn thành nhiệm vụ được giao	Ý thức tổ chức, kỷ luật	
		Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	10
1					
2					
3					
4					

- Mức điểm cho tiêu chí hợp tác, trách nhiệm

Mức độ	Chưa tốt	Tốt	Rất tốt
	Có sự hợp tác với các thành viên trong nhóm nhưng vẫn còn hạn chế; chưa chủ động trong việc phối hợp nhóm làm việc.	Chủ động, có trách nhiệm với công việc được giao.	Chủ động có trách nhiệm cao với công việc được giao, có sự sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ kết quả tích cực
Điểm đánh giá	1	3	5

- Mức điểm cho tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ

Mức độ	Không thực hiện nhiệm vụ được giao	Hoàn thành một phần	Hoàn thành tốt	Hoàn thành rất tốt
--------	------------------------------------	---------------------	----------------	--------------------

Điểm đánh giá	0	1	3	4
- Mức độ cho tiêu chí về ý thức tổ chức kỷ luật				
Mức độ	Đi muộn, không nghiêm túc trong giờ		Chấp hành nội quy tốt	
Điểm đánh giá	0		1	

THỰC HÀNH. ĐÈN ĐIỆN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Nhận biết và phân loại các loại bóng đèn.
- Đọc được và giải thích các thông số kỹ thuật ghi trên các loại bóng đèn
- Tự chuẩn bị được dụng cụ và vật liệu thực hành
- Quan sát và chỉ ra được chức năng của các bộ phận chính của mỗi bóng đèn.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết và phân loại các loại bóng đèn. Nhận biết được chức năng các bộ phận chính của mỗi bóng đèn.
- Giao tiếp công nghệ: Đọc được và giải thích các thông số kỹ thuật ghi trên các loại bóng đèn.
- Đánh giá công nghệ: Đánh giá được chất lượng của một số loại bóng đèn.
- Sử dụng công nghệ: Quan sát và chỉ ra được chức năng của các bộ phận chính của mỗi bóng đèn

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận về đèn điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.3. Năng lực số:

- + 5.2.TC1b: Chọn được công cụ số phù hợp để tính toán và so sánh hiệu quả tiết kiệm điện của các loại bóng đèn sợi đốt, compact và LED.
- + 3.3.TC1a: Chỉ ra được các quy tắc về bản quyền khi sử dụng hình ảnh các phát minh về đèn điện của Thomas Edison.
- + 2.3.TC1b: Xác định được các chiến dịch số (như Giờ Trái Đất) để tham gia vào xã hội với tư cách công dân có trách nhiệm tiết kiệm điện.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Thực hiện biện pháp chăm sóc phù hợp với từng giống gà.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Dụng cụ, thiết bị: Bóng đèn các loại
- Nguồn điện 220 V.
- Phiếu báo cáo thực hành theo mẫu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học (3')

a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: Giới thiệu bài dạy.

c. Sản phẩm: Giải quyết được tình huống.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
Giáo viên đưa ra tình huống: Nhà bạn Hoa vừa xây nhà xong, phòng bếp thì lắp đèn ống comp-ắc, phòng khách lắp bóng đèn ống huỳnh quang và đèn LED, ngoài cổng lắp bóng đèn sợi đốt. Để giúp bạn Hoa sử dụng được các loại bóng đèn đó thì cần phải làm như thế nào? GV yêu cầu HS cùng bàn trao đổi thảo luận nhóm với nhau. Thời gian 1 phút. Giải quyết tình huống. HS tiếp nhận tình huống	Giải quyết tình huống.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS trao đổi thảo luận với nhau. HS giải quyết tình huống.	
Báo cáo, thảo luận	
GV gọi đại diện trả lời. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	

GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt nội dung bài mới: Để sử dụng được một số bóng đèn thì chúng ta phải phân loại được chúng, biết thông số kỹ thuật, cấu tạo và chức năng ra sao? Để hiểu rõ hơn thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập	
--	--

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết(5')

- a. Mục tiêu: Chọn được những vật liệu và dụng cụ cần thiết cho bài thực hành.
- b. Nội dung: Vật liệu và dụng cụ thực hành.
- c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu các nhóm tiến hành liệt kê các dụng cụ và vật liệu cần thiết cho bài thực hành.	I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết - Dụng cụ, thiết bị: Bóng đèn các loại - Nguồn điện 220 V.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS kiểm tra lại vật liệu và dụng cụ thực hành đã được phát và chuẩn bị. GV bao quát lớp, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ. Các nhóm thống nhất kết quả làm việc, lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.	

Nội dung 1: Nhận biết và phân loại bóng đèn (7')

- a. Mục tiêu: Nhận biết và phân loại bóng đèn

b. Nội dung: Phân loại bóng đèn

c. Sản phẩm: Phân loại ra các loại bóng đèn khác nhau

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS quan sát đèn điện đã chuẩn bị. GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và thảo luận, nhận biết và phân loại bóng đèn.	II. Nội dung và trình tự thực hành 1. Nhận biết và phân loại bóng đèn
Thực hiện nhiệm vụ	
Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình. Các nhóm tiến hành thảo luận và phân loại các loại bóng đèn Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS - Trong quá trình tìm hiểu, GV hướng dẫn HS chỉ ra các quy tắc về bản quyền khi tìm kiếm và sử dụng hình ảnh các phát minh về đèn điện trên môi trường số (nếu có sử dụng hình ảnh từ Internet).	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp. Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Nội dung 2: Đọc và giải thích ý nghĩa các thông số kỹ thuật của mỗi loại bóng đèn (7')

- a. Mục tiêu: Đọc và giải thích ý nghĩa các thông số kỹ thuật của mỗi loại bóng đèn
- b. Nội dung: Thông số kỹ thuật của đèn điện.
- c. Sản phẩm: Hoàn thành mục 1 của báo cáo thực hành
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS quan sát đèn điện đã chuẩn bị. GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và thảo luận, ghi các thông số kỹ thuật của đèn điện vào mục 1. Báo cáo thực hành. Sau đó hoàn thành bản báo cáo thực hành.	II. Nội dung và trình tự thực hành 2. Đọc và giải thích ý nghĩa các thông số kỹ thuật của mỗi loại bóng đèn
Thực hiện nhiệm vụ	
Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình. Các nhóm tiến hành thảo luận và ghi thông số kỹ thuật của đèn điện vào báo cáo thực hành. Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS - GV khuyến khích HS sử dụng công cụ số (ví dụ: máy tính cầm tay, ứng dụng đơn giản) để tính toán và so sánh hiệu quả tiết kiệm điện của các loại bóng đèn dựa trên thông số kỹ thuật đã đọc.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp. Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày của HS.	

GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	
---	--

Nội dung 3: Quan sát, chỉ ra chức năng của các bộ phận chính của mỗi loại bóng đèn (7')

- a. Mục tiêu: Trình bày được chức năng của các bộ phận chính của mỗi loại bóng đèn
b. Nội dung: Chức năng của các bộ phận chính của đèn điện.
c. Sản phẩm: Hoàn thành mục 2 của báo cáo thực hành
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS quan sát đèn điện đã chuẩn bị. GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và thảo luận, ghi chức năng các bộ phận chính của một số loại bóng đèn vào mục 2. Báo cáo thực hành. Sau đó hoàn thành bản báo cáo thực hành.	II. Nội dung và trình tự thực hành 3. Quan sát, chỉ ra chức năng của các bộ phận chính của một số loại bóng đèn
Thực hiện nhiệm vụ	
Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình. Các nhóm tiến hành thảo luận và ghi chức năng các bộ phận chính của một số loại bóng đèn vào mục 2. Báo cáo thực hành. Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp. Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày của HS.	

GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	
---	--

Hoạt động 3: Đánh giá, tổng kết (7')

a. Mục tiêu: Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chủ đề học tập; giao nhiệm vụ học tập cho bài mới.

b. Nội dung: Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các vấn đề cần rút kinh nghiệm; giao nhiệm vụ học tập mới.

c. Sản phẩm: Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu các nhóm tự đánh giá và nhận xét theo phiếu đánh giá 2 và 3. HS tiếp nhận nhiệm vụ.	Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.
Thực hiện nhiệm vụ	
- Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu tự đánh giá số 2 và 3.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng (2')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Đèn điện

c. Sản phẩm: 1 bản ghi giấy A4.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà mô tả cách sử dụng đèn huỳnh quang tại gia đình em. Ghi vào giấy A4. Nộp lại cho GV buổi	1 bản ghi giấy A4.

học sau. - Mô tả cách sử dụng đèn huỳnh quang tại gia đình em và tìm hiểu về các chiến dịch số (như Giờ Trái Đất) để tham gia vào xã hội với tư cách công dân có trách nhiệm tiết kiệm điện. Ghi vào giấy A4 hoặc trình bày dưới dạng bài viết số ngắn. Nộp lại cho GV buổi học sau.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
Cá nhân HS trình bày, HS khác nhận xét và bổ sung cho nội dung vừa nêu. Xin ý kiến của GV.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức.	

PHỤ LỤC 1. BÁO CÁO THỰC HÀNH. ĐÈN ĐIỆN

Nhóm:

Họ và tên:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....

1.Loại bóng đèn:.....

Thông số kỹ thuật	Ý nghĩa

2.Cấu tạo và bộ phận chính của bóng đèn

Tên bộ phận chính	Chức năng

PHỤ LỤC 2

Phiếu đánh giá tổng hợp

Tên nhóm.....lớp.....

	N1	N2	N3	N4	N5	N6	N7	N8	N9	N10	GV
--	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----	----

Sản phẩm(90%)											
Ý thức (10%)											
Điểm trung bình (ĐTB)											

Cách tính điểm

+ Điểm trung bình của nhóm

$\text{ĐTB} = (\text{sản phẩm} \times 9 + \text{ý thức} \times 6) : 10$

+ Điểm cá nhân

$\text{Điểm cá nhân} = (\text{YTCN} + \text{ĐTB}) / 2$

TT	Họ và tên	Điểm	Ghi chú
1			
2			
3			
4			

PHỤ LỤC 3

Phiếu đánh giá điểm ý thức cá nhân trong quá trình hoạt động nhóm(YTCN)

TT	Họ và tên	Tiêu chí đánh giá			
		Hợp tác nhóm, chủ động, sáng tạo	Hoàn thành nhiệm vụ được giao	Ý thức tổ chức, kỷ luật	Tổng điểm
		Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	10
1					
2					
3					
4					

- Mức điểm cho tiêu chí hợp tác, trách nhiệm

Mức độ	Chưa tốt	Tốt	Rất tốt
--------	----------	-----	---------

	Có sự hợp tác với các thành viên trong nhóm nhưng vẫn còn hạn chế; chưa chủ động trong việc phối hợp nhóm làm việc.	Chủ động, có trách nhiệm với công việc được giao.	Chủ động có trách nhiệm cao với công việc được giao, có sự sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ kết quả tích cực
Điểm đánh giá	1	3	5

- Mức điểm cho tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ

Mức độ	Không thực hiện nhiệm vụ được giao	Hoàn thành một phần	Hoàn thành tốt	Hoàn thành rất tốt
Điểm đánh giá	0	1	3	4

- Mức độ cho tiêu chí về ý thức tổ chức kỷ luật

Mức độ	Đi muộn, không nghiêm túc trong giờ	Chấp hành nội quy tốt
Điểm đánh giá	0	1

THỰC HÀNH. NỒI CƠM ĐIỆN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Trình bày được cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của nồi cơm điện.
- Đọc được các thông số kỹ thuật ghi trên nồi cơm điện.
- Tự chuẩn bị được dụng cụ và vật liệu thực hành.
- Thực hiện cấp điện cho nồi cơm điện, bật nồi ở chế độ nấu và giữ ấm, quan sát sự thay đổi của đèn báo.

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của nồi cơm điện. Nhận biết quy trình bật nồi ở chế độ nấu và giữ ấm, quan sát sự thay đổi của đèn báo.
- Giao tiếp công nghệ: Đọc được các thông số kỹ thuật ghi trên nồi cơm điện.
- Đánh giá công nghệ: Đánh giá được sản phẩm nồi cơm điện sau khi sử dụng.
- Sử dụng công nghệ: Thực hiện cấp điện cho nồi cơm điện, bật nồi ở chế độ nấu và giữ ấm, quan sát sự thay đổi của đèn báo.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận về nồi cơm điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.3. Năng lực số:

- + 3.4.TC1a: Liệt kê được chuỗi các hướng dẫn (thuật toán) để hệ thống nồi cơm điện thực hiện chức năng nấu hoặc giữ ấm.
- + 5.1.TC1b: Chọn được giải pháp xác định rõ ràng trên các diễn đàn hỗ trợ khi nồi cơm điện gặp lỗi hiển thị trên màn hình số.
- + 1.1.TC1a: Giải thích được nhu cầu thông tin khi tìm đọc các thông số kỹ thuật (V, W, L) của nồi cơm điện trên website nhà sản xuất.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Thực hiện biện pháp chăm sóc phù hợp với từng giống gà.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Dụng cụ, thiết bị: nồi cơm điện.
- Nguồn điện 220 V.
- Phiếu báo cáo thực hành theo mẫu

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ, thiết bị: nồi cơm điện.
- Nguồn điện 220 V.
- Phiếu báo cáo thực hành theo mẫu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học (3')

- Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới.*
- Nội dung: Giới thiệu bài dạy.*
- Sản phẩm: Giải quyết được tình huống.*
- Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	

<p>Giáo viên đưa ra tình huống: Mẹ bạn Hoa dặn Hoa ở nhà nấu cơm. Hoa cứ loay hoay không biết sử dụng nồi cơm điện thế nào. Để giúp bạn Hoa sử dụng được nồi cơm điện đó thì cần phải làm như thế nào?</p> <p>GV yêu cầu HS cùng bàn trao đổi thảo luận nhóm với nhau. Thời gian 1 phút. Giải quyết tình huống.</p> <p>HS tiếp nhận tình huống</p> <p>- HS nhận diện vấn đề và xác định nhu cầu tìm kiếm thông tin hoặc giải pháp công nghệ để sử dụng nồi cơm điện một cách hiệu quả và an toàn.</p>	<p>Giải quyết tình huống.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>HS trao đổi thảo luận với nhau.</p> <p>HS giải quyết tình huống.</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV gọi đại diện trả lời. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p> <p>Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>GV dẫn dắt nội dung bài mới: Nồi cơm điện có cấu tạo và chức năng như thế nào? Làm thế nào để sử dụng nồi cơm điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả thì chúng ta vào bài hôm nay.</p> <p>HS định hình nhiệm vụ học tập</p>	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết(5')

- Mục tiêu: Chọn được những vật liệu và dụng cụ cần thiết cho bài thực hành.*
- Nội dung: Vật liệu và dụng cụ thực hành.*
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.*
- Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu các nhóm tiến hành liệt kê các dụng cụ và vật liệu cần thiết cho bài thực hành.	I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết - Dụng cụ, thiết bị: nồi cơm điện. - Nguồn điện 220 V.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS kiểm tra lại vật liệu và dụng cụ thực hành đã được phát và chuẩn bị. GV bao quát lớp, hỗ trợ các nhóm thực hiện nhiệm vụ. Các nhóm thống nhất kết quả làm việc, lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.	

Nội dung 2: Đọc các thông số ghi trên nồi cơm điện (7')

- Mục tiêu: Đọc được các thông số kỹ thuật ghi trên nồi cơm điện.
- Nội dung: Thông số kỹ thuật của nồi cơm điện.
- Sản phẩm: Hoàn thành mục 1 của báo cáo thực hành
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	

<p>GV yêu cầu HS quan sát nồi cơm điện đã chuẩn bị.</p> <p>GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và thảo luận, ghi các thông số kỹ thuật của nồi cơm điện vào mục 1. Báo cáo thực hành. Sau đó hoàn thành bản báo cáo thực hành.</p> <p>- GV hướng dẫn HS cách tìm kiếm thông tin về thông số kỹ thuật của nồi cơm điện trên website của nhà sản xuất hoặc các trang thương mại điện tử uy tín (nếu có điều kiện).</p>	<p>II. Nội dung và trình tự thực hành</p> <p>1. Đọc thông số kỹ thuật ghi trên nồi cơm điện.</p>
Thực hiện nhiệm vụ	
<p>Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV.</p> <p>Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình.</p> <p>Các nhóm tiến hành thảo luận và ghi thông số kỹ thuật của nồi cơm điện vào báo cáo thực hành.</p> <p>Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp.</p> <p>Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình</p> <p>Nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét phần trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS nghe và ghi nhớ.</p>	

Nội dung 3: Quan sát, chỉ ra cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của nồi cơm điện (7')

a. Mục tiêu: Trình bày được cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của nồi cơm điện.

b. Nội dung: Cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của nồi cơm điện.

c. Sản phẩm: Hoàn thành mục 2 của báo cáo thực hành

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS quan sát nồi cơm điện đã chuẩn bị. GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và thảo luận, ghi cấu tạo và chức năng các bộ phận chính của nồi cơm điện vào mục 2. Báo cáo thực hành. Sau đó hoàn thành bản báo cáo thực hành.	II. Nội dung và trình tự thực hành 2. Quan sát, chỉ ra cấu tạo và chức năng của các bộ phận chính của nồi cơm điện
Thực hiện nhiệm vụ	
Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình. Các nhóm tiến hành thảo luận và ghi cấu tạo và chức năng các bộ phận chính của nồi cơm điện vào báo cáo thực hành. Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp. Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Nội dung 4: Cấp nguồn điện cho nồi cơm điện, bật nồi ở chế độ nấu và giữ ấm, quan sát sự thay đổi của đèn báo(13')

a.Mục tiêu: Thực hiện cấp điện cho nồi cơm điện, bật nồi ở chế độ nấu và giữ ấm, quan sát sự thay đổi của đèn báo

b. Nội dung: Cấp nguồn điện cho nồi cơm điện, bật nồi ở chế độ nấu và giữ ấm, quan sát sự thay đổi của đèn báo

c. Sản phẩm: Sử dụng được nồi cơm điện

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS thực hiện thực hiện cấp điện cho nồi cơm điện, bật nồi ở chế độ nấu và giữ ấm, quan sát sự thay đổi của đèn báo GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và tiến hành thực hành theo yêu cầu trên. - HS ghi lại chuỗi các bước thực hiện (thuật toán) để vận hành nồi cơm điện ở chế độ nấu và giữ ấm vào báo cáo thực hành.	II. Nội dung và trình tự thực hành 3. Cấp nguồn điện cho nồi cơm điện, bật nồi ở chế độ nấu và giữ ấm, quan sát sự thay đổi của đèn báo
Thực hiện nhiệm vụ	
Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình. Các nhóm tiến hành thảo luận và thực hành theo yêu cầu trên. Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp. Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình Nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 3: Đánh giá, tổng kết (7')

- a. *Mục tiêu:* Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chủ đề học tập; giao nhiệm vụ học tập cho bài mới.
- b. *Nội dung:* Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các vấn đề cần rút kinh nghiệm; giao nhiệm vụ học tập mới.
- c. *Sản phẩm:* Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.
- d. *Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu các nhóm tự đánh giá và nhận xét theo phiếu đánh giá 2 và 3. HS tiếp nhận nhiệm vụ.	Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.
Thực hiện nhiệm vụ	
- Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu tự đánh giá số 2 và 3.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng (2')

- a. *Mục tiêu:* Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.
- b. *Nội dung:* Nồi cơm điện
- c. *Sản phẩm:* 1 bản ghi giấy A4.
- d. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV yêu cầu HS về nhà mô tả cách sử dụng nồi cơm điện tại gia đình em. Ghi vào giấy A4. Nộp lại cho GV buổi học sau.	1 bản ghi giấy A4.
<p>- HS mô tả chi tiết chuỗi các bước (thuật toán) sử dụng nồi cơm điện tại gia đình. Nếu gặp sự cố hoặc thắc mắc, HS có thể tìm kiếm giải pháp trên các diễn đàn hỗ trợ trực tuyến hoặc website của nhà sản xuất.</p>	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
Cá nhân HS trình bày, HS khác nhận xét và bổ sung cho nội dung vừa nêu. Xin ý kiến của GV.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức.	

PHỤ LỤC 1. BÁO CÁO THỰC HÀNH. NỒI CƠM ĐIỆN

Nhóm:

Họ và tên:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....

1. Tên hãng sản xuất:.....

Loại bếp(Đơn/đôi):.....

Thông số kỹ thuật	Ý nghĩa

2.Cấu tạo và bộ phận chính của bếp

Tên bộ phận chính	Chức năng

PHỤ LỤC 2

Phiếu đánh giá tổng hợp

Tên nhóm.....lớp.....

	N1	N2	N3	N4	N5	N6	N7	N8	N9	N10	GV
Sản phẩm(90%)											
Ý thức (10%)											
Điểm trung bình (ĐTB)											

Cách tính điểm

+ Điểm trung bình của nhóm

$\text{ĐTB} = (\text{sản phẩm} \times 9 + \text{ý thức} \times 6) : 10$

+ Điểm cá nhân

$\text{Điểm cá nhân} = (\text{YTCN} + \text{ĐTB}) / 2$

TT	Họ và tên	Điểm	Ghi chú
1			
2			
3			
4			

PHỤ LỤC 3

Phiếu đánh giá điểm ý thức cá nhân trong quá trình hoạt động nhóm(YTCN)

TT	Họ và tên	Tiêu chí đánh giá			
		Hợp tác nhóm, chủ động, sáng tạo	Hoàn thành nhiệm vụ được giao	Ý thức tổ chức, kỷ luật	Tổng điểm
		Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	10
1					
2					
3					
4					

- Mức điểm cho tiêu chí hợp tác, trách nhiệm

Mức độ	Chưa tốt	Tốt	Rất tốt
--------	----------	-----	---------

	Có sự hợp tác với các thành viên trong nhóm nhưng vẫn còn hạn chế; chưa chủ động trong việc phối hợp nhóm làm việc.	Chủ động, có trách nhiệm với công việc được giao.	Chủ động có trách nhiệm cao với công việc được giao, có sự sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ kết quả tích cực
Điểm đánh giá	1	3	5

- Mức điểm cho tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ

Mức độ	Không thực hiện nhiệm vụ được giao	Hoàn thành một phần	Hoàn thành tốt	Hoàn thành rất tốt
Điểm đánh giá	0	1	3	4

- Mức độ cho tiêu chí về ý thức tổ chức kỷ luật

Mức độ	Đi muộn, không nghiêm túc trong giờ	Chấp hành nội quy tốt
Điểm đánh giá	0	1

THỰC HÀNH. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA ĐỒ DÙNG ĐIỆN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Trình bày được cách đọc đại lượng điện và thông số kỹ thuật của một số đồ dùng điện

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được cách đọc đại lượng điện và thông số kỹ thuật của một số đồ dùng điện
- Giao tiếp công nghệ: Đọc được các thông số kỹ thuật ghi trên các đồ dùng điện

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận về thông số kỹ thuật của đồ dùng điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.3. Năng lực số:

- + 1.2.TC1a: Thực hiện phân tích, đánh giá độ chính xác của các thông số kỹ thuật trên nhãn năng lượng số của đồ dùng điện.
- + 5.1.TC1a: Chỉ ra được các vấn đề kỹ thuật thông thường khi vận hành đồ dùng điện được mô tả trong các tài liệu hướng dẫn số.
- + 4.1.TC1a: Chỉ ra được những cách thức cơ bản để bảo vệ các thiết bị điện tử và đồ dùng điện trong gia đình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Thực hiện biện pháp chăm sóc phù hợp với từng giống gà.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Dụng cụ, thiết bị: Máy sấy tóc, Quạt sàn, nồi cơm điện
- Phiếu báo cáo thực hành theo mẫu

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ, thiết bị: Máy sấy tóc, Quạt sàn, nồi cơm điện
- Phiếu báo cáo thực hành theo mẫu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp (1')

2. Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học (3')

- a. Mục tiêu: Dẫn dắt vào bài mới.
- b. Nội dung: Giới thiệu bài dạy.
- c. Sản phẩm: Giải quyết được tình huống.
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>Giáo viên đưa ra tình huống: Hoa gọi đầu định dùng máy sấy tóc để sấy. Làm thế nào mà Hoa có thể sử dụng máy sấy tóc đó</p> <p>GV yêu cầu HS cùng bàn trao đổi thảo luận nhóm với nhau. Thời gian 1 phút. Giải quyết tình huống.</p> <p>HS tiếp nhận tình huống</p> <p>- HS sử dụng thiết bị số (điện thoại, máy tính bảng) để tìm kiếm nhanh tài liệu hướng dẫn sử dụng máy sấy tóc trên môi trường số, nhằm hiểu cách vận hành an</p>	<p>Giải quyết tình huống.</p>

toàn và các lưu ý cơ bản.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS trao đổi thảo luận với nhau. HS giải quyết tình huống.	
Báo cáo, thảo luận	
GV gọi đại diện trả lời. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt nội dung bài mới: Hoa muốn sử dụng được máy sấy tóc thì Hoa phải đọc được các đại lượng điện định mức và thông số kỹ thuật đặc trưng của chúng thì mới sử dụng được. Vậy quy trình đọc các đại lượng định mức và thông số kỹ thuật như thế nào thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**Nội dung 1. Lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết(5')**

- Mục tiêu: Chọn được những vật liệu và dụng cụ cần thiết cho bài thực hành.
- Nội dung: Vật liệu và dụng cụ thực hành.
- Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu các nhóm tiến hành liệt kê các dụng cụ và vật liệu cần thiết cho bài thực hành.	1. Vật liệu và dụng cụ cần thiết - Dụng cụ, thiết bị: Máy sấy tóc, Quạt sàn, nồi cơm điện
Thực hiện nhiệm vụ	
HS kiểm tra lại vật liệu và dụng cụ thực hành đã được phát và chuẩn bị. GV bao quát lớp, hỗ trợ các nhóm thực	

hiện nhiệm vụ. Các nhóm thống nhất kết quả làm việc, lập danh mục vật liệu và dụng cụ cần thiết.	
Báo cáo, thảo luận	
Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.	

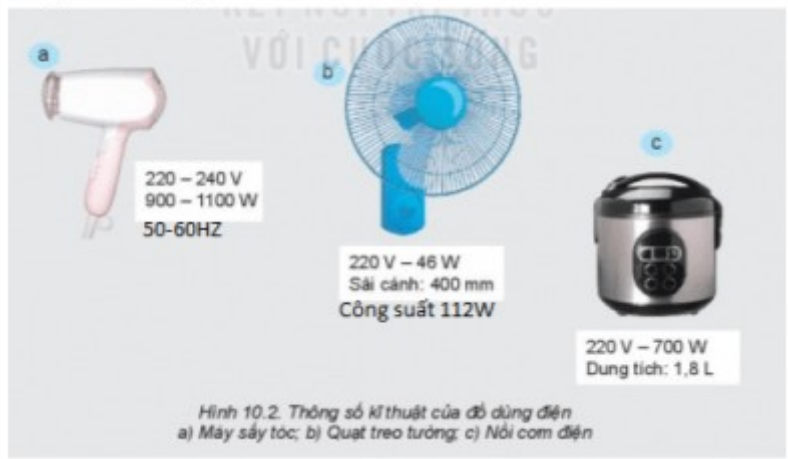
Nội dung 2: Đọc các thông số ghi trên nồi cơm điện (23')

a. Mục tiêu: Đọc được các thông số kỹ thuật ghi trên một số đồ dùng điện

b. Nội dung: Thông số kỹ thuật của một số đồ dùng điện

c. Sản phẩm: Hoàn thành báo cáo thực hành

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV yêu cầu HS quan sát các đồ dùng điện đã chuẩn bị. GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và thảo luận, ghi các thông số kỹ thuật của các đồ dùng điện. Sau đó hoàn thành bản báo cáo thực hành.</p> <p>- HS sử dụng thiết bị số (điện thoại có camera, máy tính bảng) để chụp ảnh nhãn năng lượng và các thông số kỹ thuật trên đồ dùng điện, sau đó ghi chép và phân tích các thông số này vào bản báo cáo thực hành số (ví dụ: trên Google Docs hoặc bảng tính đơn giản).</p>  <p>Hình 10.2. Thông số kỹ thuật của đồ dùng điện a) Máy sấy tóc; b) Quạt treo tường; c) Nồi cơm điện</p>	<p>II. Nội dung và trình tự thực hành</p> <p>1. Đọc thông số kỹ thuật ghi trên các đồ dùng điện</p>

Thực hiện nhiệm vụ	
<p>Các nhóm thảo luận để đề ra phương án thực hiện yêu cầu của GV.</p> <p>Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm mình.</p> <p>Các nhóm tiến hành thảo luận và ghi thông số kỹ thuật của nồi cơm điện vào báo cáo thực hành.</p> <p>Trong quá trình thực hiện, giáo viên hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời các thao tác thực hành của HS</p>	
Báo cáo, thảo luận	
<p>GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả thực hiện trước toàn lớp.</p> <p>Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình</p> <p>Nhóm khác nhận xét và bổ sung.</p>	
Kết luận và nhận định	
<p>GV nhận xét phần trình bày của HS.</p> <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p>HS nghe và ghi nhớ.</p>	

Hoạt động 3: Đánh giá, tổng kết (7')

- a. Mục tiêu: Đánh giá, điều chỉnh quá trình thực hiện chủ đề học tập; giao nhiệm vụ học tập cho bài mới.
- b. Nội dung: Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các vấn đề cần rút kinh nghiệm; giao nhiệm vụ học tập mới.
- c. Sản phẩm: Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.
- d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
<p>GV yêu cầu các nhóm tự đánh giá và nhận xét theo phiếu đánh giá 2 và 3.</p> <p>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	Bản tự đánh giá của nhóm và cá nhân.
Thực hiện nhiệm vụ	
- Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu tự đánh giá số 2 và 3.	
Báo cáo, thảo luận	

Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng (5')

a. Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: Thông số kỹ thuật của đồ dùng điện

c. Sản phẩm: 1 bản ghi giấy A4.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà đọc thông số kỹ thuật của một số đồ dùng ở gia đình nhà em. Ghi vào giấy A4. Nộp lại cho GV buổi học sau. - GV yêu cầu HS về nhà đọc thông số kỹ thuật của một số đồ dùng điện trong gia đình, ghi lại vào một bản ghi số (ví dụ: sử dụng ứng dụng ghi chú, bảng tính đơn giản trên điện thoại hoặc máy tính) và tìm kiếm tài liệu hướng dẫn số để hiểu rõ hơn về cách bảo vệ các thiết bị đó	1 bản ghi giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.	
Báo cáo, thảo luận	
Cá nhân HS trình bày, HS khác nhận xét và bổ sung cho nội dung vừa nêu. Xin ý kiến của GV	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức.	

PHỤ LỤC 1. BÁO CÁO THỰC HÀNH. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA MỘT SỐ ĐỒ DÙNG ĐIỆN

Nhóm:

Họ và tên:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....

Tên đồ dùng điện	Kí hiệu	Thông số kỹ thuật	Ý nghĩa

PHỤ LỤC 2**Phiếu đánh giá tổng hợp**

Tên nhóm.....lớp.....

	N1	N2	N3	N4	N5	N6	N7	N8	N9	N10	GV
Sản phẩm(90%)											
Ý thức (10%)											
Điểm trung bình (ĐTB)											

Cách tính điểm

+ Điểm trung bình của nhóm

ĐTB= (sản phẩm×9 + ý thức×6):10

+ Điểm cá nhân

Điểm cá nhân =(YTCN+ĐTB)/2

TT	Họ và tên	Điểm	Ghi chú
1			
2			
3			
4			

PHỤ LỤC 3**Phiếu đánh giá điểm ý thức cá nhân trong quá trình hoạt động nhóm(YTCN)**

TT	Họ và tên	Tiêu chí đánh giá			
		Hợp tác nhóm, chủ động, sáng	Hoàn thành nhiệm vụ được giao	Ý thức tổ chức, kỷ luật	Tổng điểm

		tạo			
		Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	Điểm tối đa: 1	10
1					
2					
3					
4					

- Mức điểm cho tiêu chí hợp tác, trách nhiệm

Mức độ	Chưa tốt	Tốt	Rất tốt
	Có sự hợp tác với các thành viên trong nhóm nhưng vẫn còn hạn chế; chưa chủ động trong việc phối hợp nhóm làm việc.	Chủ động, có trách nhiệm với công việc được giao.	Chủ động có trách nhiệm cao với công việc được giao, có sự sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ kết quả tích cực
Điểm đánh giá	1	3	5

- Mức điểm cho tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ

Mức độ	Không thực hiện nhiệm vụ được giao	Hoàn thành một phần	Hoàn thành tốt	Hoàn thành rất tốt
Điểm đánh giá	0	1	3	4

- Mức độ cho tiêu chí về ý thức tổ chức kỷ luật

Mức độ	Đi muộn, không nghiêm túc trong giờ	Chấp hành nội quy tốt
Điểm đánh giá	0	1